



BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hoài

Quảng Ninh, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	4
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	4
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường CDN Xây dựng	8
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	10
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	13
Phần II . KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG	15
1. Đặt vấn đề	15
2. Tổng quan chung	17
2.1. Căn cứ tự đánh giá	17
2.2. Mục đích tự đánh giá	17
2.3. Yêu cầu tự đánh giá	17
2.4. Phương pháp tự đánh giá	17
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	17
3. Tự đánh giá	18
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	18
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	22
Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	22
Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	33
Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	48
Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	61
Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	73
Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	87
Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	90
Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học	95
Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng	102
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	107
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ	110
PHỤ LỤC	111

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Nội dung	Ghi chú
1.	CNV	Công nhân viên	
2.	QĐ	Quyết định	
3.	CBGV	Cán bộ, giáo viên.	
4.	BGH	Ban giám hiệu	
5.	BCH	Ban chấp hành	
6.	KH-KT	Khoa học - Kỹ thuật	
7.	KTX	Ký túc xá	
8.	HĐLĐ	Hợp đồng lao động	
9.	CSDN	Cơ sở dạy nghề	
10.	ĐGCLDN	Đánh giá chất lượng dạy nghề	
11.	ĐGCLGDNN	Đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp	
12.	THPT	Trung học phổ thông	
13.	THCS	Trung học cơ sở	
14.	TCDN	Tổng cục dạy nghề	
15.	ĐGCL	Đánh giá chất lượng	
16.	UBND	Ủy ban nhân dân	
17.	TP	Thành phố	
18.	TTND	Thanh tra nhân dân	
19.	TN	Thanh niên	
20.	TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	
21.	LĐTB-XH	Lao động Thương binh và xã hội	
22.	HSSV	Học sinh sinh viên	
23.	NCKH	Nghiên cứu khoa học	
24.	CBQL	Cán bộ quản lý	
25.	CBVC	Cán bộ viên chức	
26.	CBGV-CNV	Cán bộ giáo viên - Công nhân viên	
27.	MC	Mình chứng	
28.	HĐ	Hợp đồng	
29.	CĐN/TCN	Cao đẳng nghề/Trung cấp nghề	
30.	CBCNVC	Cán bộ công nhân viên chức	
31.	GV	Giáo viên	
32.	CTĐT	Chương trình đào tạo	
33.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp	

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- 1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG.
- 1.2. Tên Tiếng Anh: VOCATIONAL COLLEGE OF CONTRUCTION.
- 1.3. Mã trường: XD 05
- 1.4. Tên trước đây: TRƯỜNG TRUNG CẤP XÂY DỰNG
- 1.5. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Xây dựng - Số 37 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội.
- 1.6. Địa chỉ trường: Số 206 Đường Bạch Đằng – Nam Khê – Uông Bí – Quảng Ninh.
- 1.7. Số điện thoại liên hệ: 0203.3 850.373 - Số Fax: 0203.3 850.755
- 1.8. Email: caodangnghexaydung@gmail.com
- 1.9. Website: <http://caodangnghexaydung.edu.vn/>
- 1.10. Năm thành lập trường:
 - Năm thành lập đầu tiên (theo quyết định thành lập): thành lập theo Quyết định số 932/BKT ngày 28/6/1973 của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) tiền thân là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty Kiến trúc Uông Bí.
 - Năm thành lập trường trường Cao đẳng nghề: 2015.
- 1.11. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Tháng 10/1973
- 1.12. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất: năm 1974
- 1.13. Loại hình trường đào tạo: Công lập: ☒ Tư thực: ☐

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.1. Lịch sử phát triển nhà trường

Trường Cao đẳng nghề Xây dựng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng. Tiền thân của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty Kiến trúc Uông Bí được thành lập theo Quyết định số 932/BKT ngày 28/6/1973 của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng). Ngày 11/7/2006 theo Quyết định 1025/QĐ- BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Trường đào tạo công nhân kỹ thuật được nâng cấp thành Trường Trung cấp Xây dựng. Ngày 25 tháng 6 năm 2015 theo Quyết định số 884/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt thành lập Trường Cao đẳng Nghề Xây dựng.

Nhà trường được đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp các chuyên ngành về lĩnh vực Xây dựng, Cơ khí Xây dựng, Cốt thép hàn, Điện Công nghiệp, Điện Dân dụng.

Trụ sở chính của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nằm trên địa bàn Phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nằm trong vùng Đông Bắc của Tổ Quốc, có giao thông đi lại thuận lợi là vùng tam giác giao thông kinh tế giữa: Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội, vùng có sự phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao, nhà trường được Bộ Xây dựng quan tâm đưa vào là một trong những trường trọng điểm khu vực Đông Bắc trong mạng lưới các trường của Bộ Xây dựng.

Với truyền thống gần 50 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo Công nhân kỹ thuật, đã xây dựng được đội ngũ

giáo viên đoàn kết một lòng, có kiến thức, có tay nghề cao, luôn luôn đổi mới và tâm huyết với nghề. Đã đào tạo được nhiều thế hệ học sinh với những kiến thức và kỹ năng cần thiết để khẳng định được mình. Nhiều thế hệ cán bộ kỹ thuật viên, công nhân đã và đang làm việc ở các ban quản lý dự án, doanh nghiệp, các công trình trọng điểm, khu công nghiệp như: Công trình Thủy điện Trị An, Thủy điện Sơn La, nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất, Nhiệt điện Mông Dương...

2.2. Chức năng nhiệm vụ của Nhà trường

*** Chức năng**

Trường thực hiện các chức năng: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và các bậc thấp hơn trong lĩnh vực xây dựng và các ngành nghề khác; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; triển khai áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

*** Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp và quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Nhà nước và Bộ Xây dựng.

2. Đào tạo, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông và đào tạo bồi dưỡng

a. Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên các ngành nghề được phép đào tạo. Sau khi học xong người học có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước; có khả năng hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp; tự tạo được việc làm cho mình và cho xã hội.

b. Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được phép đào tạo.

c. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh các hệ đào tạo.

d. Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi văn bằng, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo.

đ. Tổ chức liên kết đào tạo, đào tạo liên thông ở các cấp trình độ với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước theo quy định của Luật GDNN.

e. Đăng ký, tổ chức triển khai kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và chịu sự quản lý chất lượng của cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Nghiên cứu khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế

a. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học- công nghệ, tư vấn, xây dựng các chương trình, đề án, đề tài trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho ngành Xây dựng theo nhiệm vụ được giao và theo quy định của Luật GDNN.

b. Thực hiện các hoạt động dịch vụ khoa học – kỹ thuật, chuyển giao công nghệ phục vụ đào tạo, tổ chức sản xuất thực nghiệm, sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo theo quy định của Luật GDNN.

c. Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động.

d. Được thành lập doanh nghiệp; sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Trường, chi cho các hoạt động đào tạo và bổ sung nguồn tài chính của trường theo quy định của pháp luật; tham gia đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức du học cho học sinh, sinh viên và đưa chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Tuyển dụng, quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động bảo đảm đủ về số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu trình độ và cơ cấu ngành nghề đáp ứng quy mô và trình độ đào tạo.

5. Quản lý tài chính, tài sản được giao; tổ chức sử dụng và quản lý ngân sách, kinh phí đào tạo và các nguồn vốn theo quy định của pháp luật. Nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ; sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất của Trường; tài trợ cho các hoạt động thực hiện chính sách ưu đãi đối với con em gia đình thuộc diện chính sách, các hoạt động nhân đạo và từ thiện.

6. Quyết định thành lập hoặc giải thể các tổ chức, đơn vị trực thuộc Trường theo từng giai đoạn phát triển phù hợp điều kiện thực tế và hiệu quả.

7. Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

8. Tổ chức cho cán bộ, viên chức, người lao động và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành, nghề đào tạo; chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cán bộ, viên chức, người lao động và người học.

9. Thực hiện quy chế dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động tài chính; có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo, nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường.

10. Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; được hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao theo hợp đồng đặt hàng; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện chế độ báo cáo Bộ Xây dựng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan quản lý các cấp về các hoạt động của Trường theo quy định hiện hành.

12. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong người học và trong đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường.

13. Giữ gìn và phát triển những di sản văn hoá dân tộc. Đưa nội dung giảng dạy về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, pháp luật có liên quan của nhà nước mà người lao động đến làm việc và pháp luật có liên quan của Việt Nam vào chương trình đào tạo khi tổ chức đào tạo cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

*** Thành tích nổi bật**

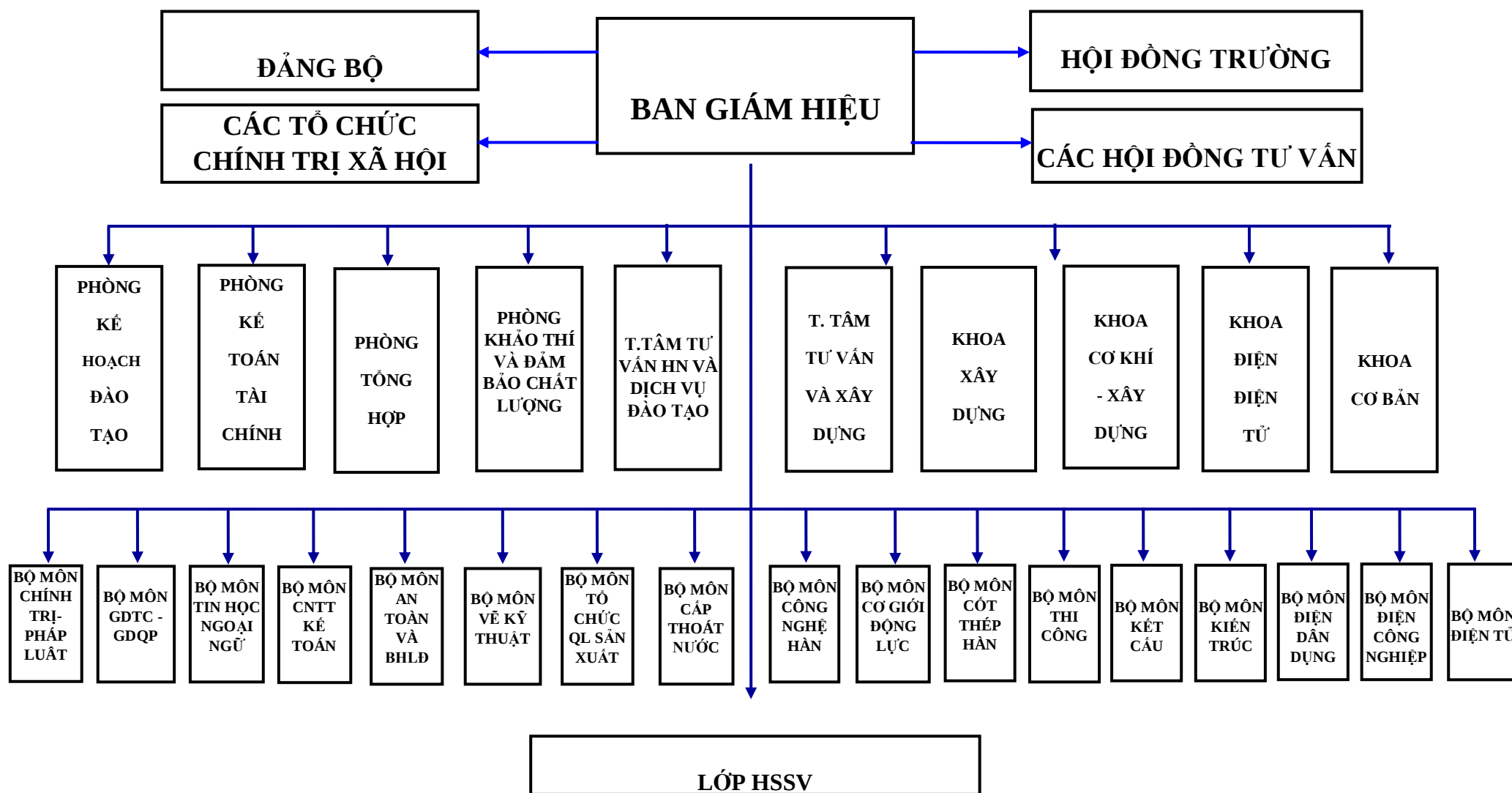
Trong 48 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, sự ủng hộ giúp đỡ của lãnh đạo Bộ Xây dựng, của lãnh đạo các cơ quan ban ngành của địa phương. Đồng thời với sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, giáo viên, công nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhiều năm liền Đảng bộ nhà trường liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nhà trường giữ vững danh hiệu Trường tiên tiến xuất sắc của tỉnh Quảng Ninh và ngành Xây dựng. Bốn

mười bảy năm xây dựng và phát triển đi lên, Trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã vinh dự được Đảng, Nhà nước và Bộ Xây dựng đánh giá và ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý cho nhà trường và những cá nhân xuất sắc, đó là:

- 03 huân chương Lao động (Hạng Nhất, Nhì Ba)
- Trường nhận cờ thi đua của Bộ Xây dựng
- 02 Huy chương vàng công trình chất lượng cao
- 11 Cờ thi đua xuất sắc
- 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 01 đồng chí được tặng Huân chương lao động Hạng ba
- 04 đồng chí được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 02 đồng chí được tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú
- 01 đồng chí nhận chiến sĩ thi đua cấp ngành Xây dựng
- 01 đồng chí được tặng Bằng khen Lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
- Nhiều lượt giáo viên đạt giải nhất, nhì, ba hội thi giáo viên giỏi cấp Ngành Xây dựng và cấp tỉnh và toàn quốc
- Nhiều học sinh sinh viên đạt giải nhất, nhì, ba hội thi tay nghề giỏi cấp tỉnh, ngành Xây dựng và quốc gia
- Nhiều tập thể, cá nhân nhiều năm liền được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội....

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường CDN Xây dựng

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

TT	Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
I. Ban Giám hiệu				
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hoài	1984	ThS. - Hiệu trưởng
2	Phó Hiệu trưởng	Vũ Xuân Quyên	1969	ThS. - Phó HT Chủ tịch Hội đồng trường
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn.				
1	Đảng ủy	Vũ Xuân Quyên	1965	Bí thư Đảng bộ
2	Công Đoàn	Nguyễn Như Minh	1974	Chủ tịch
3	Đoàn Thanh niên	Đình Thành Hưng	1982	Bí thư ĐTN
III Các bộ phận chức năng				
1	Phòng Kế hoạch - Đào tạo	Phạm Thanh Hải	1985	Trưởng phòng
2	Phòng Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Nhàn	1971	Cử nhân - Trưởng phòng, Kế toán trưởng
3	Phòng Tổng hợp	Nguyễn Như Minh	1974	ThS.- Trưởng phòng
4	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.	Phạm Thị Minh Thư	1987	ThS. -Trưởng phòng
5	T.T Tư vấn Hướng nghiệp và Dịch vụ đào tạo	Lý Thị Thu Hiền	1978	Giám đốc
6	T.T Tư vấn và Xây dựng	Nguyễn Thành Công	1981	Giám đốc
IV Các bộ phận chuyên môn				
1	Khoa Điện – Điện Tử	Vũ Thị Thơ	1980	ThS. - Trưởng khoa
2	Khoa Cơ khí và Xây dựng	Vương Thế Anh	1978	ThS.- Trưởng khoa
3	Khoa Xây dựng	Đình Thành Hưng	1982	ThS. - Trưởng khoa
4	Khoa cơ bản	Đoàn Thị Huệ	1979	Phó khoa

3.3. Tổng số cán bộ của nhà trường (tính đến thời điểm đánh giá): 91 người

- Nam: 55 người - Nữ: 36 người
- Biên chế: 78 - Hợp đồng, thỉnh giảng: 05; HĐKXĐTH NĐ 68: 08
- Giáo viên cơ hữu và kiên chức: 67 người; CBCNV: 24 người

3.4. Tuổi trung bình của cán bộ giảng dạy (CBGD) (biên chế và HĐ): 37 tuổi

3.5. Tỷ lệ CBGD có học vị và chức danh (biên chế và hợp đồng)

STT	Học vị, chức danh	Số người	Tỷ lệ
1	TSKH/TS	0	0%
2	Nghiên cứu sinh	0	0%
3	Thạc sĩ	28	30.8%
4	Đang học cao học	0	0%
5	Đại học	50	54.9%
6	Cao đẳng	02	2.2%
7	Trung cấp và CNKH	11	12.1%

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	15	13	28
Đại học	25	14	39
Cao đẳng	0	1	0
Trung cấp	0	0	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0
Tổng số	40	27	67

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

4.1. Danh sách các nghề đào tạo theo từng trình độ

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2021		
		2018-2019	2019-2020	2020-2021
	CAO ĐẲNG	8	22	18

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2021		
		2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Kỹ thuật xây dựng	-	5	2
2	Trắc địa công trình	01	1	-
3	Điện dân dụng	-	0	-
4	Điện công nghiệp	07	12	12
5	Cấp, thoát nước	-	1	4
6	Hàn	-	3	-
TRUNG CẤP		332	386	434
1	Kỹ thuật xây dựng	36	3	1
2	Trắc địa công trình	41	77	40
3	Điện công nghiệp	50	3	118
4	Điện dân dụng	82	118	89
5	Cấp, thoát nước	87	53	89
6	Cốt thép hàn	-	42	46
7	Nề hoàn thiện	-	46	-
8	Hàn	36	44	51
9	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	-	-	-
10	Kế toán doanh nghiệp	-	-	-
11	Điện – Nước	-	-	-
12	Kỹ thuật chế biến món ăn	-	-	-
13	May thời trang	-	-	-
SƠ CẤP		90	74	494
1	Tin học văn phòng	0	-	0
2	Trắc địa công trình	-	-	-
3	Hàn	1	28	26
4	Điện công nghiệp	1	1	13

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2021		
		2018-2019	2019-2020	2020-2021
5	Điện dân dụng	-	2	35
6	Cơ điện nông thôn	-	-	-
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	-	-	-
8	Cấp, thoát nước	8	1	-
9	Kỹ thuật xây dựng	-	-	-
10	Cốt thép - Hàn	-	-	-
11	Bê tông	-	-	-
12	Cốp pha – giàn giáo	-	-	-
13	Nề - Hoàn thiện	20	20	210
14	Điện – Nước	-	-	70
15	Sản xuất gôm xây dựng	52	20	140
16	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp	8	2	-
17	Kỹ thuật chế biến món ăn	-	-	-
18	May công nghiệp	-	-	-
TỔNG		430	482	946

4.2. Các loại hình đào tạo của nhà trường

- Chính quy: có
- Không chính quy: có (các lớp dạy ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên đề)

4.3. Tổng số các khoa đào tạo: 04 Khoa + 2 trung tâm

4.4. Tổng số chuyên ngành đào tạo: 22

4.5. Tỷ lệ học sinh quy đổi trên 1 giáo viên quy đổi: 25 HS/1GV

4.6. Số cán bộ giảng dạy tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) (tính theo số báo cáo KH từ cấp trường trở lên trong 3 năm gần nhất): 21 giáo viên

- Có 1 báo cáo KH: 18
- Có từ 2 báo cáo KH trở lên: 03

4.7. Số lượng học sinh (3 năm gần nhất) nhà trường

Năm	Số nhập học	Ghi chú
-----	-------------	---------

2018-2019	430	Nhà trường tuyển sinh theo hình thức xét tuyển hồ sơ đăng ký học nghề
2019-2020	482	
2020-2021	946	

Trình độ đào tạo	Năm			
	2017	2018	2020	2021 (theo chỉ tiêu)
1. Cao đẳng	50	50	60	
2. Trung cấp	300	300	300	
3. Sơ cấp	300	300	300	
Tổng cộng	650	650	660	

Năm học	Cao đẳng		Trung cấp		Sơ cấp	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
2018-2019	8	0	120	125	40	49
2019-2020	18	0	232	108	60	14
2020-2021	17	1	271	163	356	143
Tổng cộng	43	1	623	396	456	206

4.8. Số học sinh quốc tế (nếu có) trong 3 năm gần đây nhất: Nhà trường chưa có liên kết đào tạo học sinh quốc tế.

4.9. Tỷ lệ học sinh có chỗ ở trong kí túc xá (KTX)/tổng số học sinh có nhu cầu ở KTX

Gồm 56 phòng với tổng diện tích 2.688 m² đáp ứng 100% nhu cầu nhà ở của học viên. Có đủ các trang thiết bị cho sinh viên, học sinh khi ở nội trú.

4.10. Số lượng và tỷ lệ học sinh tham gia NCKH trong 3 năm gần đây nhất

Công tác nghiên cứu khoa học trong học sinh sinh viên đã và được triển khai

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 26.608 m²

5.2. Diện tích sử dụng (tính bằng m²)

Nhà trường đã trang bị phòng học lý thuyết 09 phòng, 25 máy điều hòa và 10 bộ máy chiếu. Phòng học ngoại ngữ được trang bị Tivi 55 inch, tai nghe 15 bộ, đài castset 01 chiếc

Sửa chữa nhà ký túc xá 4 tầng diện tích 1.334 m², nhà giảng đường 2 tầng (diện tích sàn) 650m², Quét sơn bề ngoài nhà hiệu bộ.

Diện tích sử dụng đất của nhà trường như sau:

+ Đất xây dựng: 3.950m²

+ Đất chưa xây dựng và lưu không: 22.658 m²

Hiện trạng cơ sở vật chất hiện có phục vụ cho công tác đào tạo:

+ Khu hiệu bộ: 4 tầng, gồm 36 phòng với tổng diện tích là 1.334m², 01 nhà đa năng 2 tầng với diện tích 1.400 m² đáp ứng điều kiện làm việc cho Ban giám hiệu, các phòng chức năng, các Khoa, các Trung tâm trong hiện tại.

+ Khu học thực hành: tổng diện tích là 3.100 m² trong đó nhà xưởng phòng học là 1.560 m², thực hành ngoài trời 1.540 m²

Hiện tại nhà trường đang xây dựng bổ sung thêm nhà xưởng để phù hợp với quy mô đào tạo và đã lập đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giai đoạn 2022 – 2026 quy mô theo quy hoạch và dần từng bước triển khai theo đề án.

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 128 đầu sách.

Tổng đầu sách thuộc chuyên ngành đào tạo của trường: 120 đầu sách

5.4. Tổng số máy tính của trường: 50

- Dùng cho văn phòng: 20

- Dùng cho học sinh học tập: 30

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2018: 8.250.000.000 đồng

- Năm 2019: 8.250.000.000 đồng

- Năm 2020: 8.250.000.000 đồng

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2018: 2.500.000 000 đồng

- Năm 2019: 2.630.000.000 đồng

- Năm 2020: 4.622.700.000 đồng

5.7. Tỷ lệ kinh phí chi cho NCKH trong tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây

- Năm 2018: 100.000.000 đồng

- Năm 2019: 200.000.000 đồng

- Năm 2020: 100.000.000 đồng

Phần II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc Chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đánh giá ngoài là quá trình khảo sát, đánh giá của tổ chức kiểm định để xác định mức độ cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc Chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là quá trình cơ sở giáo dục nghề nghiệp đánh giá để xác định mức độ cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là một hoạt động bắt buộc với tất cả các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng năm cung cấp một tỷ lệ lớn cho nguồn nhân lực được đào tạo của quốc gia. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao thì cần phải có các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo trong quá trình đào tạo như: cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập đáp ứng được nhu cầu dạy và học; nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy phù hợp; đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và có trình độ tay nghề cao. Do đó, việc quản lý chất lượng đào tạo nghề cần có chuẩn mực để ràng buộc, thúc đẩy các cơ sở dạy nghề để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo bằng những thước đo cụ thể, khách quan; các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dạy nghề phải bảo đảm tính hệ thống, khoa học và phù hợp.

Trong thời gian vừa qua, các cơ sở GDNN đã quan tâm đến chất lượng dạy nghề, tổ chức xây dựng điều chỉnh chương trình đào tạo gắn liền với các yêu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ sở vật chất - Hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở GDNN cũng đã được tăng cường, đổi mới đáng kể. Đội ngũ cán bộ giảng viên, giáo viên được đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ... Tuy nhiên, các hoạt động nói trên phần nào còn mang tính chủ quan và chưa mang lại những kết quả rõ rệt trong việc nâng cao năng lực dạy nghề. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do chưa theo định hướng, yêu cầu của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn có tính khoa học về đánh giá chất lượng dạy nghề.

Vì vậy, để đảm bảo và nâng cao chất lượng của cơ sở GDNN, các cơ sở GDNN cần phải tiến hành tự đánh giá chất lượng căn cứ vào những tiêu chí, tiêu chuẩn của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ban hành.

Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là cơ sở giúp Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả tự đánh giá, lãnh đạo các cấp trong Trường sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đã đạt được, cũng như các tồn tại để có kế

hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý để đảm bảo chất lượng đào tạo.

Hiện nay, hoạt động kiểm định chất lượng đã trở thành một trong những công cụ quan trọng nhằm đạt được các tiêu chuẩn chất lượng trong hệ thống giáo dục kỹ thuật và dạy nghề nói riêng và trong tất cả các lĩnh vực sản xuất khác nói chung.

Đối với các trường, đánh giá nhằm hai mục đích: đánh giá chất lượng dạy và học của nhà trường và hỗ trợ nhà trường liên tục cải tiến chất lượng đào tạo.

Thực hiện kế hoạch của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, từ năm 2019, trường Cao đẳng nghề Xây dựng đã xây dựng kế hoạch và triển khai công tác tự đánh giá. Đây là dịp để Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động của mình theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. Từ kết quả tự đánh giá, Nhà trường sẽ nhận thức đúng, đủ và khách quan hơn về chất lượng các hoạt động trên cả hai mặt ưu điểm, khuyết điểm, thấy được những tồn tại, hạn chế của nhà trường. Qua đó đưa ra giải pháp, kế hoạch hoàn thiện nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng trên mọi mặt hoạt động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp (ĐGCLDN) là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với xã hội, người có nhu cầu học nghề, CSDN, cơ sở sử dụng lao động và cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề. Nói cụ thể hơn, ĐGCLDN có vai trò quan trọng trên các phương diện sau:

a. Đối với xã hội, hoạt động đánh giá thường mang tính xã hội rất cao, thể hiện ở chỗ:

- Đó là *sự đảm bảo trước xã hội về chất lượng* “sản phẩm” của CSDN hoặc của chương trình dạy nghề.
- Xác nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo của CSDN.
- Là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách hành nghề của những người học nghề
- Là cơ sở cho việc trao đổi và di chuyển lao động giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng lao động trong và ngoài nước.
- Thông qua quá trình đánh giá, các CSDN luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nghề của mình, nâng cao hiệu quả của đầu tư cho đào tạo nghề.

b. Đối với người học, mục đích của các dịch vụ cho người học là nhằm đáp ứng những đòi hỏi, sự ham muốn và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các chương trình dạy nghề. Dịch vụ nhân sự cho người học phải xây dựng các chương trình định hướng và lập hệ thống hồ sơ nhân sự phù hợp gồm: dịch vụ tư vấn cá nhân; chương trình định hướng cho học sinh - sinh viên; dịch vụ lưu giữ các hồ sơ của người học; dịch vụ tài chính cho người học; dịch vụ ăn và ở; dịch vụ giới thiệu việc làm ...

Vì thế, đánh giá chất lượng sẽ đảm bảo độ tin cậy đối với cơ sở dạy nghề hay một chương trình dạy nghề mà người học đó đang theo học, họ có thể yên tâm vì nhu cầu học tập của họ được đáp ứng một cách tốt nhất. Giúp cho người học chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Điều quan trọng hơn là nếu được học ở những CSDN có uy tín và những chương trình dạy nghề phù hợp đã được khẳng định qua đánh giá chất lượng thì người

học sẽ dễ tìm được việc hoặc tự tạo việc làm khi ra trường, là tiền đề giúp cho người học được công nhận trong việc hành nghề.

c. Đối với bản thân các CSDN, đánh giá chất lượng có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp CSDN có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một CSDN có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua đánh giá chất lượng, thương hiệu, uy tín của một CSDN sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

d. Đối với cơ quan quản lý các cấp, đánh giá được coi là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về CSDN hoặc một chương trình dạy nghề, phát hiện những nhân tố mới trong số các CSDN đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện mình để nâng cao chất lượng đào tạo. Việc các cơ quan kiểm định áp dụng các "tiêu chuẩn đánh giá chất lượng" sẽ tránh được những tác động bên ngoài có hại tới uy tín của CSDN.

Hơn nữa, nếu đánh giá chất lượng nói chung và tự kiểm tra, tự đánh giá nói riêng được tiến hành tốt sẽ thúc đẩy các CSDN cải tiến nâng cao chất lượng.

e. Đối với người sử dụng lao động, học sinh tốt nghiệp từ các chương trình dạy nghề đã được đánh giá chất lượng, từ các CSDN đã được cấp giấy chứng nhận "chất lượng" giúp họ yên tâm hơn.

Dạy nghề là một hoạt động dịch vụ. Chất lượng hoạt động dịch vụ này không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Bởi vậy, ĐGCLDN thông qua việc đánh giá và chứng nhận các CSDN đạt “chất lượng” là một việc làm cần thiết để hoạt động dạy nghề đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề thông qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Trong quá trình đào tạo nghề cũng như tự đánh giá chất lượng, Trường nhận thấy rằng: thực hiện tốt và thường xuyên công tác kiểm định chất lượng sẽ tạo điều kiện cho Nhà trường phát triển một cách vững chắc và khẳng định vị thế trong hệ thống các trường dạy nghề và xã hội.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ Công văn số 453/TCĐN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng”;

- Căn cứ Công văn số 2375/LĐTBXH-DN ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh về việc “Thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020”;

2.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình giảng dạy; đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của

nhà trường và các điều kiện học tập của HSSV, công tác giảng dạy của GV so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn.

Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn) đánh giá chất lượng của trường cao đẳng.

Phát hiện các điểm không phù hợp và đề ra kế hoạch cần cải thiện trong những khoảng thời gian nhất định, qua đó giúp nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn tiến tới xây dựng Trường trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín được xã hội biết đến và thừa nhận.

Mục đích của việc tự kiểm định là bước khởi đầu rất quan trọng cho việc đánh giá chất lượng cơ sở GDNN bắt buộc của Bộ LĐTB-XH trong thời gian tới.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả thành viên trong trường.

Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ trưởng Bộ LĐTB-XH ban hành, các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo;

- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của trường và những chứng cứ để chứng minh;

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, CBQL, GV, HSSV và người sử dụng lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

1. Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
2. Thành lập Hội đồng tự đánh giá của trường năm 2021.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá năm 2021.
4. Thu thập thông tin và những chứng cứ để minh chứng.
5. Xử lý phân tích các thông tin và những chứng cứ thu được để minh chứng.
6. Đánh giá mức độ mà trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.
7. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá.
8. Công bố công khai kết quả tự đánh giá trong nội bộ trường.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		
	Tổng điểm	100 điểm	95 điểm
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12 điểm	12 điểm

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17 điểm	15 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 13	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 14	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 15	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 16	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 17	1	1 điểm
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	15 điểm	15 điểm

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 13	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 14	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 15	1	1 điểm
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15 điểm	14 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	0 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 13	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 14	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 15	1	1 điểm
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào	15 điểm	14 điểm

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	tạo, thư viện		
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 10	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 13	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 14	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 15	1	0 điểm
6	Tiêu chí 6: NCKH, chuyển giao CN, hợp tác quốc tế	5 điểm	4 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	0 điểm
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6 điểm	6 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9 điểm	9 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 8	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9	1	1 điểm
9	Tiêu chí 9: Giám sát đánh giá chất lượng	6 điểm	6 điểm
	Tiêu chuẩn 1	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5	1	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6	1	1 điểm

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Tiền thân là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty kiến trúc Ưông Bí cho đến nay trở thành Trường CDN Xây dựng, Trường đã trải qua một thời gian dài hoạt động trong lĩnh vực đào tạo nghề. Với bề dày kinh nghiệm trong công tác quản lý, đào tạo giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp, Trường đã xác định các mục tiêu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương.

a. Những điểm mạnh:

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu phát triển của ngành Xây dựng, địa phương và khu vực Đông Bắc Bộ.

Các ngành nghề của Trường đào tạo phù hợp với mục tiêu phát triển của ngành và địa phương.

Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, theo từng giai đoạn phát triển, từng năm học, được công bố bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin, tài liệu giới thiệu về trường và trên website của trường.

Trường có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và cơ chế quản lý, được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của

Trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát bổ sung sửa đổi, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

Ngày 14/4/2021, Bộ Xây dựng có Quyết định số 421/QĐ-BXD về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nhiệm kỳ 2020-2021.

Tổ chức Đảng và đoàn thể trong Nhà trường đã thể hiện được vai trò tập hợp, đoàn kết, phát huy trí tuệ, công sức của tập thể Cán bộ - Viên chức - Giáo viên - Học sinh, sinh viên (CBVC-GV) góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Nhà trường đã bổ sung kịp thời đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ đáp ứng yêu cầu về chuẩn, chất lượng trong giai đoạn hội nhập và phát triển, tạo được niềm tin đối với người học, doanh nghiệp tiếp nhận lao động, cơ quan chủ quản, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu của trường trong thời gian qua.

b. Những tồn tại:

So với các yêu cầu của các tiêu chuẩn Trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra, không có tồn tại cần khắc phục.

c. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trong thời gian tới, trường sẽ tiếp tục thực hiện những công việc sau:

- Tiếp tục tăng cường công tác khảo sát thực tế để nắm bắt nhu cầu về lao động, yêu cầu về trình độ công nghệ để gắn đào tạo với sử dụng lao động của doanh nghiệp và địa phương.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức định hướng tư vấn nghề nghiệp định kỳ cho học sinh trong các trường THPT, THCS trên địa bàn trong và ngoài tỉnh, các địa phương liên quan để nâng cao hiệu quả tuyển sinh.

Nhà trường đang từng bước cải tiến phương pháp, nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác thanh tra, kiểm tra đào tạo để đưa trường đạt chuẩn theo hướng hội nhập.

Hàng năm Đảng bộ nhà trường lãnh đạo tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt nhiệm vụ theo chỉ đạo của Công đoàn ngành, Thành đoàn Ưông Bí, tổ chức tốt các hoạt động phong trào mang tính giáo dục cao, phù hợp với đặc điểm nhà trường, sắp xếp bố trí thời gian hợp lý hạn chế ảnh hưởng đến công tác giảng dạy và học tập trong nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12 điểm
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1

Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu, sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng nghề Xây dựng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng. Tiền thân là Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật thuộc Công ty Kiến trúc Uông Bí được thành lập theo Quyết định số 932/BKT ngày 28/6/1973 của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng), được nâng cấp thành Trường Trung cấp Xây dựng và được phê duyệt thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng theo Quyết định số 884/QĐ - LĐTBXH ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội.

Sứ mạng của Trường là: đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, năng lực đẳng cấp trong nước và khu vực; Nghiên cứu Khoa học - Công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phục vụ đào tạo, sản xuất kinh doanh của ngành Xây dựng và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Để hoàn thành sứ mạng, Trường đã đề ra mục tiêu của giai đoạn 2018- 2023, tầm nhìn 2030 là: Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng thành trường dạy nghề có tính ứng dụng cao; vững mạnh toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa (Chuẩn về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng dạy; cơ sở vật chất kỹ thuật dạy học; hệ thống quản lý; hệ thống Bảo đảm chất lượng),

Mục tiêu và Sứ mạng của Trường được xác định cụ thể trong Chiến lược phát triển và Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (1.1.01 - *Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề Xây dựng 2018-2023; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CDN Xây dựng năm 2017, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CDN Xây dựng năm 2019; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CDN Xây dựng năm 2021*), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường (1.1.02 - *Quyết định số 76/QĐ-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*).

Đồng thời, Mục tiêu và Sứ mạng của Trường thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của tỉnh Quảng Ninh, của ngành Xây dựng (1.1.03 - *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Kế hoạch của Công đoàn Xây dựng Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020, 2021 - 2022, trong đó có nhu cầu sử dụng nhân lực đối với các nghề Trường đào tạo*).

Mục tiêu và Sứ mạng của Trường được công bố công khai trên Website của trường

(1.1.04

- <http://caodangnghexaydung.edu.vn/Tintuc.aspx?page=gioithieuchung&idtintuc=362&madonvi=0>)

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát và nhận được ý kiến nhất trí 100% của giáo viên, cán bộ quản lý: “Trường có mục tiêu và sứ mạng cụ thể, phù hợp với chức

năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai” (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã và đang đào tạo 06 nghề đào tạo trình độ Cao đẳng; 13 nghề đào tạo trình độ Trung cấp, 18 nghề đào tạo trình độ Sơ cấp (1.2.01 - *Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN*).

Trường đã thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của tỉnh Quảng Ninh và ngành Xây dựng để xác định các nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp trong giai đoạn 2018 - 2023, đồng thời có sự phân tích, đánh giá để điều chỉnh hàng năm (1.2.02 - *Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực 2017; Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực 2021*).

Căn cứ để Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực là các văn bản có thông tin về nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành đối với các nghề trường đào tạo và kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn (1.1.03 - *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Kế hoạch của Công đoàn Xây dựng Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020, 2021 - 2022, trong đó có nhu cầu sử dụng nhân lực đối với các nghề Trường đào tạo*).

Trên cơ sở đó Trường đã được đăng ký một số nghề trọng điểm của quốc gia, và có sự điều chỉnh quy mô đào tạo phù hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường được phê duyệt thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng năm 2015 theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, là đơn vị sự nghiệp có thu, đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật (1.3.01 - *Quyết định số 884/QĐ- LĐTĐ ngày 25/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*).

Cơ cấu tổ chức của Trường gồm 01 Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng, 04 Phòng chức năng, 02 Trung tâm trực thuộc, 04 Khoa chuyên môn, Đảng bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động đã được Bộ Xây dựng phê duyệt, Trường đã ra Quyết định thành lập các Phòng, khoa, đơn vị trực thuộc Trường (1.3.02 - *Quyết định thành lập các Phòng, khoa, đơn vị trực thuộc Trường*).

Trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Trường theo quy định (1.3.03 - *Quyết định số 230/QĐ-TCĐ ngày 30/12/2018 của Hiệu trưởng Trường CĐN XD về việc ban hành Quy định về tổ chức và quản lý của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*).

Để tổ chức và quản lý hiệu quả các đơn vị, Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy chế khác (1.3.04 - *Quy chế Chi tiêu nội bộ năm 2019, 2021; Quy chế quản lý tài chính năm 2019, 2021; Các quy chế khác*).

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát ý kiến giáo viên, cán bộ quản lý về các hoạt động của Nhà trường. Kết quả 95% nhất trí cho rằng Nhà trường đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Trường theo quy định (1.1.05- *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2018, để phù hợp với hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Chiến lược phát triển trong giai đoạn mới, Trường đã ban hành các văn bản quy định về tổ chức và quản lý (1.4.01 - *Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường ban hành trong năm 2018*).

Trong quá trình hoạt động, Trường thường xuyên có sự rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo các nội dung: ban hành đúng quy định, sự phù hợp và tính hiệu quả (1.4.02 - *Báo cáo Kết quả rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý thực hiện trong năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*).

Trên cơ sở kết quả rà soát, Trường đã thực hiện điều chỉnh và ban hành các văn bản mới phù hợp (1.4.03 - *Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường được rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, ban hành mới trong năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để tổ chức hiệu quả các hoạt động, đạt được mục tiêu đề ra, Trường đã ban hành các văn bản quy định về tổ chức và quản lý, trong đó thể hiện rõ các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ (1.1.01 - *Quy chế về tổ chức và oạt động của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng năm 2019, 2021; 1.5.01 - Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường, 1.5.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động; Quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường*).

Việc phân công, phân cấp các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo (1.2.01 - *Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN*).

Trên cơ sở được phân công, phân cấp rõ ràng, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, tự chủ và chịu trách nhiệm. Lãnh đạo các Phòng, Khoa, đơn vị đã chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ, tham mưu giúp việc cho lãnh đạo Nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo theo từng lĩnh vực hoạt động đã được phân công.

Trong quá trình hoạt động, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường có sự thay đổi. Theo đó, chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường có sự điều chỉnh phù hợp. Vì vậy, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường hoạt động đồng bộ, hiệu quả, có sự phối hợp gắn kết chặt chẽ, góp phần không ngừng củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Hàng năm, kết thúc năm học hoặc năm kế hoạch, các đơn vị đều có báo cáo tổng kết đánh giá kết quả hoạt động và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm sau (1.5.05 - *Báo cáo tổng kết công tác; Biên bản họp tổng kết năm của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị thuộc trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngày 14/4/2021, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 421/QĐ-BXD về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 09 đồng chí, đồng chí Vũ Xuân Quyên, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường (1.6.01 - *Quyết định số 421/QĐ-BXD ngày 14/4/2021 của Bộ Xây dựng về việc thành lập Hội đồng trường Cao đẳng nghề Xây dựng nhiệm kỳ 2021-2026; 1.6.02 - Quyết định số 422/QĐ-BXD ngày 14/4/2021 của Bộ Xây dựng về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nhiệm kỳ 2021-2026*).

Hội đồng trường có trách nhiệm quyết nghị về phương hướng hoạt động của Trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho Trường, đảm bảo thực hiện mục tiêu dạy nghề, nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 05 năm, họp thường kỳ ít nhất ba tháng một lần do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Đầu năm 2022, Hội đồng Trường đã họp tổng kết hoạt động năm 2021 đề ra phương hướng hoạt động năm 2022 (1.6.03 - *Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 05/1/2022 của Hội đồng trường về tổng kết công tác năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Hội đồng Trường*). Theo đó, hoạt động của Hội đồng Trường đúng chức năng, nhiệm vụ nhưng cần có thêm thời gian để khẳng định sự hiệu quả.

Để tham mưu, giúp việc cho Ban Giám hiệu trong từng lĩnh vực hoạt động chuyên môn, đồng thời đảm bảo hiệu quả các hoạt động, Nhà trường đã thành lập và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ các Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và

các đơn vị trực thuộc trường (1.6.04 - Các Quyết định thành lập hội đồng tư vấn; 1.3.02 - Quyết định thành lập các Phòng, khoa, đơn vị trực thuộc Trường),

Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc Trường đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả, được ghi nhận trong Báo cáo tổng kết năm học và các Quyết định khen thưởng (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác, Biên bản họp tổng kết năm của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị thuộc trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.6.05 - Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.6.06 - Quyết định khen thưởng và Danh sách khen thưởng tập thể, cá nhân các năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 1: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hướng tới mục tiêu được công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp, thực hiện thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, từ năm 2018 Trường đã xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Trường đã lập kế hoạch tổng thể và tiến hành xây dựng, ban hành Hệ thống đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng giai đoạn 2018 - 2023 (7.1.01 - Kế hoạch tổng thể về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng giai đoạn 2018 - 2023; 1.7.02 - QĐ số 08/QĐ-TCĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 Ban hành Chính sách chất lượng Trường CĐN Xây dựng giai đoạn 2018-2022; 1.7.03 - QĐ số 566a/QĐ-CĐN ngày 07 tháng 9 năm 2018 Ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2018-2019; QĐ số 13/QĐ-CĐN ngày 03 tháng 6 năm 2019 Ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2019-2020; QĐ số 675a/QĐ-CĐN ngày 09 tháng 9 năm 2020 Ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2020-2021; QĐ số 830a/QĐ-CĐN ngày 09 tháng 9 năm 2021 Ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học 2021-2022; 1.7.04 - QĐ số 5218/QĐ-TCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi Trường; 1.7.05 - QĐ số 03/QĐ-TCĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Hệ thống ĐBCL giai đoạn 2018 - 2023; 1.7.06 - Hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng; 1.7.07 - QĐ số 32a/QĐ-TCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 ban hành Hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng; 1.7.08 - Quy định số 32a/QĐ-TCĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 quy định về việc sử dụng Quy trình, Công cụ bảo đảm chất lượng; 1.7.09 - QĐ số 04a/QĐ-TCĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 quy định về Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường; 1.7.10 - QĐ số 18a/QĐ-TCĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng của Trường; 1.7.11 - QĐ số 32/QĐ-TCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 ban hành Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường; 1.7.12 - QĐ số 32b/QĐ-TCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 ban hành Sổ tay bảo đảm chất lượng của Trường; 1.7.13 - QĐ số 304/QĐ-TCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc phân quyền truy cập Hệ thống thông tin ĐBCL theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra QĐ quản lý, điều hành các hoạt động ĐBCL).

Hệ thống đảm bảo chất lượng thường xuyên được các đơn vị quản lý, phòng chức năng, các khoa, bộ môn trực thuộc Trường đánh giá, báo cáo. Hàng năm Trường đều có báo cáo tổng kết về hệ thống đảm bảo chất lượng và tiến hành cải tiến theo quy định (1.7.14 - Báo cáo số 920/HTBĐCL-TCD ngày 22 tháng 12 năm 2019 Báo cáo Hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2019; Báo cáo số 1025/HTBĐCL-TCD ngày 25 tháng 12 năm 2020 Báo cáo Hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2020; Báo cáo số 1225/HTBĐCL-TCD ngày 25 tháng 12 năm 2021 Báo cáo Hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2021).

Đồng thời, nhằm không ngừng cải tiến Hệ thống ĐBCL, hàng năm Trường tiến hành khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường (1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Trường được thành lập năm 2018 (1.8.01 - Quyết định số: 04d/QĐ-TCD ngày 02/1/2018 Của Hiệu trưởng Trường CDN Xây dựng về việc thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng). Phòng có chức năng thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Hàng năm, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đã luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được phân công. Kết quả hoạt động của Phòng được ghi nhận trong các báo cáo tổng kết năm học của Trường báo cáo tổng kết năm học cũ và phương hướng hoạt động của năm học mới (1.6.11 - Các báo cáo tổng kết năm học của trường 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021). Cuối năm học, Phòng tiến hành tổng kết công tác và đề ra phương hướng hoạt động của năm sau (1.8.02 - Báo cáo tổng kết công tác Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021). Kết quả hoạt động của Phòng được bình xét thi đua, công nhận là “Tập thể lao động tiên tiến” (1.8.03 - Biên bản bình xét thi đua năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Kết quả này cũng được ghi nhận trong Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của giáo viên, cán bộ quản lý về các hoạt động của Trường (1.1.05- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng bộ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng hiện tại có 38 đảng viên, chia làm 3 Chi bộ. Trong đó, Đảng viên là CBQL là 26 người chiếm 68%. (1.9.01- Quyết định số

1145/QĐ-TU ngày 22/05/2020 về việc chuẩn y kết quả bầu cử Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng khóa VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Nhằm phát huy vai trò lãnh đạo, Đảng bộ thường xuyên tổ chức quán triệt kịp thời các chủ trương, Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, kịp thời phổ biến đến từng Đảng viên trong Chi bộ thông qua sinh hoạt định kỳ, hội ý; cụ thể hóa bằng chương trình công tác tháng, quý từng học kỳ theo kế hoạch đề ra (1.9.02 - *Nghị quyết của các Chi bộ thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*; 1.9.03 - *Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Đảng bộ Trường*; 1.9.04 - *Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ Trường*).

Đảng bộ Nhà trường thống nhất định kỳ hàng tháng, nửa năm và đặc biệt cuối năm các Chi bộ và các cấp chính quyền trong nhà trường tiến hành sơ kết, tổng kết báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy đã đề ra (1.9.05 - *Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Đảng bộ trường 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm trong báo cáo tổng kết của Trường và đánh giá của cấp trên đều ghi nhận Đảng bộ Trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật (1.6.05 - *Báo cáo tổng kết công tác của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 1.9.06 - *Các QĐ Đánh giá xếp loại chất lượng đối với tổ chức cơ sở Đảng năm 2019, 2020, 2021 (Đảng bộ Trường Hoàn thành tốt nhiệm vụ)*

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 09 thuộc Tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2017-2022 được Công đoàn ngành Xây dựng công nhận hoạt động (1.10.01 - *Quyết định số 740/QĐ-CDXD ngày 31/10/2021 về công nhận kết quả bầu cử BCH, CT, PCT, Ban Kiểm tra, Chủ nhiệm UBKT Công đoàn Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nhiệm kỳ 2017 - 2022*).

Hoạt động của Công đoàn nhằm phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, bảo vệ quyền lợi của các công đoàn viên, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nâng cao khả năng tập hợp lực lượng, tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt - học tốt, phong trào văn - thể - mỹ và các hoạt động xã hội khác. Qua đó, đã lựa chọn những công đoàn viên ưu tú giới thiệu cho Chi bộ xem xét kết nạp (1.10.02 - *Kế hoạch công tác của CĐ Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường được Thành đoàn Ưông Bí công nhận (1.10.03 - *Quyết định số 26-QĐ/TĐ-UB ngày 12/3/2019 về việc công nhận Ban chấp hành và chuẩn y các chức danh Đoàn TNCS Hồ Chí Minh*).

Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào học sinh trong những năm qua luôn gắn với nhiệm vụ dạy và học của Nhà trường, các công trình thanh niên tập trung vào những nội dung liên quan đến học tập của học sinh sinh viên như thi đua học tập rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp; phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội; phong trào bảo vệ môi trường sinh thái; phong trào an toàn lao động phòng chống cháy nổ...., (1.10.04 - *Quy chế hoạt động của Đoàn trường*; 1.10.05 - *Kế hoạch, chương trình*

công tác của Đoàn TNCSHCM năm 2019, 2020, 2021; 1.10.06 - Hình ảnh hoạt động của Đoàn TN năm 2019, 2020, 2021).

Hoạt động của Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên theo Điều lệ và các quy định của pháp luật (1.10.07 - *Điều lệ Công đoàn Việt Nam 30/7/2013, sửa đổi, bổ sung 03/2/2020; Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh*).

Ban nữ công nhà trường có 32 nữ cán bộ, viên chức, giáo viên. Ban nữ công thường xuyên tổ chức sinh hoạt theo định kỳ và tổng kết các hoạt động hàng quý, hàng năm.

Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Trường, Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của CĐ Trường, Đoàn TNCS, Ban nữ công và kết quả khảo sát ý kiến giáo viên, cán bộ quản lý đều đánh giá: Công đoàn, Ban nữ công, Đoàn TNCS hoạt động theo đúng điều lệ và theo đúng quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường, được cấp trên, HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý đánh giá cao (1.6.05 - *Báo cáo tổng kết công tác của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.10.08 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Công đoàn, Đoàn TNCS, Ban nữ công năm 2019, 2020, 2021; 1.10.09 - Các chứng nhận CDCS vững mạnh; Các chứng nhận Đoàn TNCSHCM vững mạnh xuất sắc năm 2019, 2020, 2021; 1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã ban hành quy định về công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của trường (1.11.01 - *Quyết định về việc ban hành quy định kiểm tra giám sát*).

Hàng năm, Trường ra Quyết định thành lập Ban kiểm tra, giám sát và Kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường (1.11.02 - *Quyết định v/v thành lập Ban kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.11.03 - Kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Căn cứ vào Kế hoạch kiểm tra, giám sát, Ban kiểm tra, giám sát đã phối hợp với các đơn vị thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát được ghi nhận trong các biên bản kiểm tra, giám sát và Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo năm học (1.11.04 - *Các biên bản kiểm tra, giám sát năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.11.05 - Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Để công tác kiểm tra, giám sát ngày càng hiệu quả hơn, hằng Trường tiến hành rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường (1.11.06 - *Báo cáo kết quả rà soát phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát năm học*

2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.11.07 - Báo cáo Nội dung cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021); đồng thời tổ chức khảo sát và nhận được ý kiến đánh giá cao của nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường (1.1.05- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chế độ bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có văn bản và đã thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách của Nhà nước về tiền lương đối với cán bộ, giáo viên công nhân viên, bao gồm: Tiền lương theo ngạch bậc và đầy đủ các loại phụ cấp như: vượt khung, ưu đãi ngành giáo dục, phụ cấp thâm niên nghề; chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn đúng quy định, chế độ BHXH, BHYT, BHTN được thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn quy định, chế độ miễn giảm học phí cho HSSV; chế độ nghỉ hè, nghỉ phép của CBGV CNV, chế độ hỗ trợ tiền đi đường cho giáo viên đi dạy ngoài trường...(1.3.04 - Quy chế Chi tiêu nội bộ năm 2019, 2021; Quy chế quản lý tài chính năm 2019, 2021; 1.12.01 - Bảng thanh toán lương hàng tháng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; Danh sách CB, GV, CNV đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2019, 2020, 2021; 1.12.02 - Danh sách chế độ nghỉ phép của cán CBGV CNV năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.12.03 - Danh sách nhà giáo được hỗ trợ đi đường cho giảng dạy cơ sở ngoài trường năm 2019, 2020, 2021).

Thực hiện Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/08/2017 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, Trường đã thực hiện chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với nhà giáo (1.12.04 - QĐ số..../QĐ-TCD ngày 02/01/2019 của HT Trường CDN về việc chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với nhà giáo; 1.12.05 - Danh sách chi phụ cấp ưu đãi cho GV giảng dạy các môn độc hại nguy hiểm năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Thực hiện Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006, Nhà trường đã thực hiện tốt chế độ bình đẳng giới, đảm bảo cơ cấu về giới trong đề bạt bổ nhiệm cán bộ, tỷ lệ nữ giữ vị trí quản lý lãnh đạo của nhà trường chiếm 53,8%. Trường đã tạo điều kiện và cơ hội như nhau cho cả nam và nữ phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của nhà trường. Nam và nữ có quyền thụ hưởng như nhau về mọi chế độ chính sách (1.12.06 - Kế hoạch Tổ chức các hoạt động của Ban nữ công năm 2019, 2020, 2021; 1.12.07 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường; Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản của CD Trường năm 2017). Trường cũng thành lập ban vì sự tiến bộ của phụ nữ và hằng năm có hỗ trợ cho nữ công (1.12.08 - Quyết định Thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ; 1.12.09 - Các QĐ hỗ trợ cho nữ công năm 2019, 2020, 2021).

Kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý đã ghi nhận: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định (1.1.05- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo, với phương thức dạy nghề dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo có địa chỉ, đào tạo theo nhu cầu xã hội đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Nhà trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học.

Đồng thời Nhà trường cũng có những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học và đã có những kết quả ban đầu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ sản xuất, từng bước tiếp cận với phát triển của khu vực, hầu hết các học sinh của trường đào tạo ra đáp ứng tốt yêu cầu của các đơn vị sử dụng trong nước.

Các hoạt động dạy và học đã thể hiện tính ổn định và phát triển của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Đất nước.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, việc tuyển sinh đúng thủ tục, đúng quy chế, đa dạng hoá hình thức tổ chức, chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, theo nhu cầu của người học và xã hội.

**** Những điểm mạnh:***

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến hoạt động dạy và học, đổi mới các nội dung, chương trình đào tạo trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và người học, thực hiện phương thức dạy học theo hướng tích cực hóa người học, vận dụng mô hình tiên tiến trong dạy học, sử dụng giáo án điện tử được trang bị đầy đủ các máy chiếu, và thiết bị thật làm dụng cụ trực quan.

Công tác đào tạo được tổ chức chặt chẽ khoa học đúng quy trình, được giám sát chặt chẽ và đạt hiệu quả chất lượng. Phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học được đổi mới, chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ của sản xuất. Từng bước thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế.

Nhà trường thực hiện đào tạo theo 03 cấp trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng, từ năm học 2016 – 2017 nhà trường đào tạo lớp cao đẳng khoá đầu tiên. Trong quá trình thực hiện tuyển sinh, Nhà trường đảm bảo thực hiện tốt các Quy định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nhà trường đặc biệt chú trọng đến công tác quản lý và nâng cao hiệu quả quản lý tại các Phòng, Khoa, đơn vị.

Với những nỗ lực của lãnh đạo Nhà trường và đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đã đem lại hiệu quả cao cho mọi hoạt động trước, trong và sau đào tạo.

Nhằm đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, hàng năm Kế hoạch đào tạo được Nhà trường xây dựng chi tiết khoa học và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đội ngũ giáo viên tích cực

tham gia tìm tòi học hỏi và áp dụng các phương pháp dạy học tích cực theo chủ trương đổi mới phương pháp dạy học của Nhà trường. Bên cạnh đó, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học cũng được quan tâm.

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã có những chính sách, biện pháp khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học và đã có những kết quả ban đầu góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học.

Các hoạt động dạy và học đã và đang thể hiện tính ổn định và phát triển đúng hướng của Nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước.

** Những tồn tại:*

- Việc đa dạng hoá các phương thức đào tạo cần được quan tâm và xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo kịp thời, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người lao động và yêu cầu của thực tế sản xuất.

- Nhà trường mới được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng từ năm 2015 do đó công việc còn nhiều nên chưa ban hành được chương trình đào tạo liên thông cho những ngành nghề mà trường được phép đào tạo Cao đẳng.

- Còn một số giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, một số giáo viên lớn tuổi sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học hiện đại còn nhiều khó khăn, trình độ công nghệ thông tin còn chậm.

- Trình độ đầu vào của HSSV còn nhiều hạn chế và không đồng đều nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến công tác dạy và học của nhà trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Xây dựng chương trình đào tạo liên thông cho các ngành nghề liên thông từ Trung cấp lên cao đẳng.

- Thường xuyên nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tại các Khoa chuyên môn, Bộ môn và tổ chức các lớp bồi dưỡng, các cuộc hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy cho cán bộ giáo viên.

- Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo nghề.

- Mở rộng hơn quan hệ giao lưu với các trường bạn và hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Mời các doanh nghiệp tham gia vào đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17 điểm
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1

Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 1. Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Nghề Xây dựng được Bộ LĐ-TB&XH cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 06 nghề trình độ cao đẳng, 08 nghề trình độ trung cấp và 14 nghề trình độ sơ cấp (2.1.01-Giấy chứng nhận số 05/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 25/01/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN; 2.1.02-Giấy chứng nhận số 05a/GCNDKBS-TCGDNN ngày 23/7/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN; 2.1.03 - Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm học 2018, - 2019; 2019-2020; 2020-2021).

100% chương trình đào tạo được xây dựng chuẩn đầu ra, căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu chuyên môn của từng ngành, nghề đào tạo, nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của một số trường, thực tiễn đào tạo và điều kiện đặc thù của Trường để bảo đảm chuẩn đầu ra có tính khoa học, thực tiễn và thực hiện được (2.1.04. Quyết định số 12/QĐ-TCĐ ngày 18/6/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo hệ chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp). Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được công bố công khai trên website của Trường (2.1.05 - http://caodangnghexaydung.edu.vn/Phong_DaoTao_Tintuc.aspx?page=khoa_thongbaohome&manoidung=906&madonvi=9).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý, kết quả 100% đồng ý cho rằng các ngành, nghề đào tạo của Trường được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết (2.1.06 – Kế

hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của HSSV, giảng viên và cán bộ quản lý về nội dung đào tạo của Trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2. Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

****Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTĐ ngày 02/3/2017 của Bộ Lao động - thương binh và Xã hội về việc quy định Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTĐ ngày 07/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTĐ ngày 02/3/2017 của bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định (2.2.01 - Quyết định số /QĐ-TCD ngày tháng năm ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2018; 2.2.02 - Quyết định số 01/QĐ-TCD ngày 3/3/2021 ban hành quy định về công tác tuyển sinh năm 2021).

Đây là cơ sở để Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh hằng năm đúng quy định và hiệu quả.

**** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2: 1 điểm***

Tiêu chuẩn 3. Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, căn cứ vào dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh các hệ Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng cụ thể (2.3.01. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh các năm):

- + Năm 2019 chỉ tiêu tuyển sinh các hệ là :650 HSSV
- + Năm 2020 chỉ tiêu tuyển sinh các hệ là : 660 HSSV
- + Năm 2021 chỉ tiêu tuyển sinh các hệ là : 660 HSSV

Trong đó :

- + Năm 2019 chỉ tiêu tuyển sinh các hệ là 650 HSSV.

Trong đó:

- Trình độ Cao đẳng: 50 SV
- Trình độ Trung cấp: 300 học sinh
- Trình độ Sơ cấp: 300 học sinh.
- + Năm 2020,2021 chỉ tiêu tuyển sinh các hệ là 660 HSSV.

Trong đó:

- Trình độ Cao đẳng: 60 SV
- Trình độ Trung cấp: 300 học sinh
- Trình độ Sơ cấp: 300 học sinh.
- Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, Trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban

thư ký Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh xây dựng Kế hoạch tuyển sinh của năm học, trong đó xác định rõ chỉ tiêu tuyển sinh các ngành nghề, hình thức, đối tượng tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, xét tuyển và thời gian nhập học... công khai trên Website của trường, trên các bảng tin, trên báo, đài, gửi thông báo tuyển sinh về các xã, phường, các trung tâm GDNN - GDTX trên địa bàn trong và ngoài tỉnh (2.3.02 - *QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký HĐ tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.3.03 - *Các kế hoạch tuyển sinh, tờ bướm, thông báo tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021*).

Sau khi nhận hồ sơ đăng ký học, nhà Trường thực hiện tổng hợp và lập danh sách học sinh đăng ký theo từng ngành nghề, từng cấp học thể hiện đầy đủ các thông tin cần thiết của học sinh (2.3.04 - *Danh sách HSSV đăng ký học năm học -2019, 2019-2020, 2020-2021*). Hồ sơ, thủ tục đăng ký học nghề của học sinh được tiếp nhận, lưu trữ, bảo quản đầy đủ, đúng quy định qua các năm (2.3.05 - *Hồ sơ đăng ký học của học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Căn cứ vào danh sách học sinh đăng ký học, ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp sơ tuyển, lập biên bản trình Hội đồng tuyển sinh xét tuyển, quyết định danh sách học sinh trúng tuyển, số lớp được mở (2.3.06 - *Biên bản họp sơ tuyển, xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Danh sách học sinh trúng tuyển được Nhà trường niêm yết công khai và thông báo cho học sinh thông qua giấy báo trúng tuyển và điện thoại trực tiếp (2.3.07 - *Danh sách HSSV trúng tuyển các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.3.08 - *Quyết định trúng tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Trên cơ sở học sinh nhập học thực tế, Nhà trường ra Quyết định phân lớp theo quy định (2.3.09 - *Quyết định mở lớp (có Danh sách HS kèm theo) các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*). Kết thúc mỗi năm học, Nhà trường tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, lập Báo cáo công tác tuyển sinh gửi về đơn vị chủ quản (2.3.10. *Báo cáo công tác tuyển sinh 6 tháng đầu năm và cả năm năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Nhằm khắc phục sai sót bảo đảm tính chính xác, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng, hàng năm Nhà trường đều tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh (2.3.11 - *Kế hoạch thanh tra, Biên bản, báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo và cán bộ quản lý về công tác tuyển sinh. Kết quả: không có bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào và 100% ý kiến nhất trí với đánh giá: “Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan” (2.1.06 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của HSSV, giảng viên và cán bộ quản lý về nội dung đào tạo của Trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 4. Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Xây dựng có quy mô đào tạo 06 mã ngành Cao đẳng, 13 mã ngành Trung cấp và 18 nghề Sơ cấp (2.1.01 - *Giấy chứng nhận số*

05/2021/GCNDKKHĐ-TCGDNN ngày 25/01/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN; 2.1.02- Giấy chứng nhận số 05a/GCNDKKBS-TCGDNN ngày 23/7/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN).

Từ năm học 2018 - 2019 đến nay, Trường Cao đẳng Xây dựng tổ chức thực hiện 02 phương thức tổ chức đào tạo: niên chế và tích lũy modul (2.4.01 - Quyết định số 15/QĐ-TCĐ ngày 20/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng, về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng; 2.4.02 QĐ13/QĐ-TCĐ ngày 02/01/2019 Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp). Với đối tượng học sinh hệ Trung cấp, Cao đẳng chính quy, nhà trường đang tổ chức đào tạo theo niên chế. Với đối tượng học ngắn hạn, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhà trường tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy modul.

Hàng năm, vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng dự thảo Kế hoạch đào tạo năm học, lấy ý kiến góp ý của các khoa, phòng liên quan và ra Quyết định ban hành Kế hoạch đào tạo năm học (2.4.03 - Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021). Sau mỗi đợt tuyển sinh Nhà trường đều có Danh sách người học trong đó thể hiện rõ phương thức tổ chức đào tạo của trường như: nghề đào tạo, trình độ đào tạo và số lượng tuyển sinh, phương thức đào tạo (2.3.08 - Quyết định trúng tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.4.05-Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/ngành, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Sau khi kết thúc mỗi khóa học, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về kết quả thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo. Qua Khảo sát cho thấy tỷ lệ giáo viên, học sinh áp dụng cùng lúc 2 phương thức đào tạo ủng hộ đạt mức 97% (2.1.06 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của HSSV, giảng viên và cán bộ quản lý về nội dung đào tạo của Trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 5. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Xây dựng có quy mô đào tạo 06 mã ngành Cao đẳng, 13 mã ngành Trung cấp và 18 nghề Sơ cấp, 100% các chương trình đào tạo của nhà trường được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (2.1.01-Giấy chứng nhận số 05/2021/GCNDKKHĐ-TCGDNN ngày 25/01/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN; 2.1.02-Giấy chứng nhận số 05a/GCNDKKBS-TCGDNN ngày 23/7/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN; 2.1.03 - Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm học 2018, - 2019; 2019-2020; 2020-2021).

100% các lớp tuyển sinh và đào tạo được nhà Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành, nghề theo từng kỳ, năm học (2.3.09 - Quyết định mở lớp (có Danh sách HS kèm theo) các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Căn cứ vào chương trình đào tạo đã được ban hành, hàng năm Trường xây dựng

kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng khóa học theo từng học kỳ, năm học thể hiện bằng Biểu đồ học tập (2.5.01 - *Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường và chương trình đào tạo năm 2017, 2019, 2020, 2021*; 2.5.02 - *Tiến độ đào tạo các lớp, khóa học*; 2.5.03 - *Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.5.04 - *TKB năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Kết thúc năm học, Trường có báo cáo thực hiện kế hoạch đào tạo để có phương án điều chỉnh, bổ sung cho năm sau (2.5.05 - *Báo cáo thực hiện kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 6. Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường được cấp phép đào tạo 06 mã nghề Cao đẳng, 13 mã nghề Trung cấp và 18 nghề Sơ cấp, 100% các chương trình đào tạo của nhà trường được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

Nhà trường tổ chức thực hiện giảng dạy theo đúng kế hoạch, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. Kế hoạch giảng dạy được xây dựng chi tiết đến từng moodul, môn học, có kế hoạch giáo viên, lịch giảng dạy cụ thể (2.4.03 - *Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*) giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề.

Dựa trên kế hoạch, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt, Hiệu phó phụ trách đào tạo chỉ đạo thực hiện; phòng Kế hoạch đào tạo quản lý, giám sát quá trình đào tạo; phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng tổ chức thanh tra, đánh giá quá trình đào tạo, chất lượng đầu ra. Các khoa chuyên môn tổ chức thực hiện đào tạo theo đúng kế hoạch, tiến độ cụ thể cho từng môn học, mô đun trong từng kỳ học, năm học đối với từng lớp, khóa, nghề (2.6.01- *Sổ lên lớp các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.6.02- *Giáo án các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.6.03- *Sổ tay giáo viên các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.6.04- *Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của trường năm học 2018-2019-2019, 2020, 2020-2021*).

Hàng tháng Khoa tổ chức họp đánh giá chuyên môn theo định kỳ (2.6.05- *Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của trường các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*). Việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hằng tháng và đột xuất qua các biện pháp như: kiểm tra kế hoạch giáo viên, lịch trình giảng dạy, giáo án, giáo trình, sổ gọi tên lên lớp, dự giờ giáo viên... (2.6.06- *Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.6.07 - *Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Hàng năm, Trường tổng kết đánh giá và kết luận tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt (2.6.08- *Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*)

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 7. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Các chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu đầu ra nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (2.5.01 - Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường năm 2017, 2019, 2020, 2021).

Trường ký Biên bản thỏa thuận hợp tác với đơn vị sử dụng để đảm bảo 100% các nghề đang đào tạo đều có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động (2.7.01 - Biên bản thỏa thuận hợp tác với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021).

Các sinh viên tùy theo nghề sẽ được đi thực hành, thực tập từ năm học thứ hai, thứ ba tại các đơn vị sử dụng lao động theo kế hoạch và sự hướng dẫn của giáo viên phụ trách (2.7.02 - Bộ hồ sơ gồm Kế hoạch thực tập, giấy giới thiệu thực tập tại các doanh nghiệp các lớp năm 2019, 2020, 2021; 2.7.03 - Quyết định cử HSSV đi thực tập, học tại doanh nghiệp các lớp năm 2019, 2020, 2021; 2.7.04 - Đề cương thực tập sản xuất các nghề các lớp năm 2019, 2020, 2021; 2.7.05 - Quyết định cử nhà giao đi quản lý, hướng dẫn HSSV thực tập, học tại doanh nghiệp các lớp năm 2019, 2020, 2021).

Cuối mỗi đợt thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, Nhà trường đánh giá kết quả thực hành, thực tập của HSSV trên các báo cáo và nhận xét, đánh giá của đơn vị (2.7.06 - Phiếu nhận xét HSSV thực tập tại doanh nghiệp các lớp năm 2019, 2020, 2021; 2.7.07 - Báo cáo kết quả thực tập của HSSV khi kết thúc thực tập sản xuất năm 2019, 2020, 2021; 2.7.08 - Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021).

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 8. Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường triển khai đồng thời nhiều hình thức và phương pháp dạy và học tích cực, hướng đến kỹ năng cần có của người học, kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành như tổ chức học tập theo nhóm, làm bài thuyết trình, khai thác tài liệu điện tử, mô hình dạy học... cụ thể được thể hiện tại giáo án lên lớp (2.6.01 - Sổ lên lớp các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.6.02 - Giáo án các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.6.03 - sổ tay nhà giáo các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 2.8.01 - Giáo án điện tử các khoa, hình ảnh học liệu, đồ dùng thiết bị tự làm năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Định kỳ, Phòng Đào tạo, các khoa tổ chức dự giờ, đánh giá giờ giảng của giảng viên, Hằng năm, Phòng Đào tạo thực hiện kiểm tra hoạt động dạy và học và đưa ra các

kiến nghị, đề xuất nhằm đổi mới, cải tiến phương thức dạy và học kịp thời đáp ứng yêu cầu của bài giảng (2.6.06 - *Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học, nhà giáo về phương thức đào tạo của nhà trường, kết quả cho thấy ...% người học và nhà giáo nhận thấy hài lòng phương pháp sư không ngừng cải tiến trong phương pháp đào tạo của nhà trường (2.1.06 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*)

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 9. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường có phần mềm quản lý đào tạo (2.9.01 – *Danh sách cấp tài khoản truy cập phần mềm của cán bộ, HSSV các năm 2019, 2020, 2021*), tất cả giảng viên và HSSV đều có tài khoản để truy cập, nhập dữ liệu về điểm cũng như tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo cũng như kết quả thi, kiểm tra đánh giá

Hoạt động dạy và học của nhà trường cũng được thực hiện hiệu quả thông qua sử dụng công nghệ thông tin như: số hóa bài giảng, xây dựng các video bài giảng thực hành làm phương tiện tự học, tự nghiên cứu cho HSSV. Từ năm học 2018 – 2019 nhà trường đã triển khai đồng bộ việc xây dựng bài giảng điện tử, trong đó ít nhất 85% môn học sử dụng các phần mềm, ứng dụng như Imovie, Canva để xây dựng các video, bài giảng điện tử (2.9.02 – *Danh mục các bài giảng – video điện tử của giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.8.01 - *Giáo án điện tử các khoa, hình ảnh học liệu, đồ dùng thiết bị tự làm*)

Qua kết quả khảo sát hàng năm của nhà trường cho thầy giáo viên, HSSV đánh giá cao về công tác ứng dụng CNTT trong công tác dạy và học của nhà trường (2.1.06- *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*)

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 10. Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Hàng năm, Phòng Khảo thí & ĐBCL và Phòng KH-ĐT có kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Căn cứ vào kế hoạch cụ thể từng học kỳ, năm học, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị Ban giám hiệu chỉ đạo Phòng KT&ĐBCL, Phòng KH - ĐT triển khai kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, đồng thời từng năm có báo cáo kết quả công tác kiểm tra (2.6.04 - *Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của trường năm học 2018-2019-2019, 2020, 2020-2021*; 2.6.05 - *Biên bản kiểm tra giám sát*

các hoạt động của trường các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.6.06 - Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.6.07 - Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.6.08 - Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 11. Hàng năm, trường có báo cáo kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm sau khi thực hiện thanh kiểm tra công tác dạy và học, các bộ phận được giao nhiệm vụ thanh tra và giám sát công tác tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát, đồng thời đưa ra các đề xuất, biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học của nhà trường như:

- Tổ chức các lớp để giáo viên có thể tham gia học tập nâng cao kỹ năng nghề; giáo viên tự đăng ký tham dự các kỳ thi để đánh giá kỹ năng nghề.

- Tích cực, chủ động tham gia xây dựng các thiết bị dạy học tự làm tạo hứng thú cho người học.

- Lấy người học làm trung tâm, lắng nghe các ý kiến phản hồi của người học.

- Tuyên truyền giúp người học nhận thức rõ và say mê yêu nghề đã chọn.

(2.6.06 - Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021).

Hàng năm, qua kết quả khảo sát hàng năm của nhà trường cho thấy đội ngũ cán bộ, nhà giáo đánh giá công tác thanh kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học được thực hiện đúng quy định, chặt chẽ và có điều chỉnh, đề xuất kịp thời với thực tế, đáp ứng tốt việc bảo đảm chất lượng dạy và học (2.11.01- Các báo cáo tổng kết năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021 của Phòng Đào tạo, phòng Khảo thí & ĐBCL; 2.11.02 - Thông báo về việc thực hiện các biện pháp, đề xuất cải tiến chất lượng dạy và học năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.11.03 - Báo cáo việc thực hiện các biện pháp, đề xuất cải tiến chất lượng dạy và học năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.11.04 - Báo cáo tổng kết của nhà trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; 2.4.06 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 12. Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ các quy định hiện hành, nhà trường Nhà trường đã ban hành các văn bản Quy chế đào tạo; Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; Quy định về cấp phát văn bằng, chứng chỉ (2.4.02 - Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp năm 2019;

2.12.01 - Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2017, 2019; 2.12.02 - Quy chế học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2021).

Đây là cơ sở để nâng cao chất lượng công tác đào tạo của Nhà trường.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 2: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 13. Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường được hiện đang tổ chức đào tạo 06, nghề đào tạo trình độ cao đẳng và 16 nghề đào tạo trình độ trung cấp (2.1.01 Giấy chứng nhận số 05/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 25/01/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN; 2.1.02 - Giấy chứng nhận số 05a/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 23/7/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN; 2.5.01 - Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường và chương trình đào tạo năm 2017, 2019, 2020, 2021 2.1.03 - Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm học 2018, - 2019; 2019-2020; 2020-2021).

Tại các kỳ thi kỳ đánh giá cuối khoá của 100% HSSV các lớp đào tạo đều có sự tham gia đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động là doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các báo cáo quá trình thực tập, thực hành tại đơn vị sử dụng lao động đều phải có nhận xét, đánh giá của cơ sở thực tập.

(2.7.03 - Hợp đồng với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2019,2020,2021; 2.13.01- Các bảng điểm các học phần, môn học có phần đánh giá của đơn vị sử dụng lao động năm học 2018-2019,2019-2020,2020 - 2021; 2.13.02 – Danh sách các đơn vị tham gia đánh giá thực tập năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có ban hành đầy đủ Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; Quy định về cấp phát văn bằng, chứng chỉ (2.4.02 - Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp năm 2019; 2.12.01- Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2017, 2019).

Nhà trường thực hiện đúng Quy chế thi và kiểm tra, đổi mới cách ra đề thi theo hướng coi trọng tính tự giác, tích cực của người học; lựa chọn các hình thức kiểm tra (tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành kỹ năng) phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù mô đun, môn. Quy trình tổ chức thi, kiểm tra học kỳ, thi tốt nghiệp được nhà trường thực hiện nghiêm túc, khách quan từ việc tổ chức ra đề thi, công tác bảo mật, tổ chức coi thi, chấm thi, tổng hợp và thông báo kết quả để đảm bảo đánh giá kết quả học tập nghiêm túc, khách quan (2.14.01 - Quyết định ban hành Quy trình quản lý điểm năm 2018, 2021; 2.14.02- Biên bản xét đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; 2.14.03- Các quyết định thành lập HĐ thi, Ban coi thi, ban chấm thi; 2.14.03- Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp)

Việc cấp văn bằng, chứng chỉ được thực hiện đúng theo quy định (2.14.04- *Sổ cấp phát bằng trình độ cao đẳng, trung cấp, chứng chỉ sơ cấp*; 2.14.05- *Quyết định phê duyệt mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ năm 2019, 2021*; 2.14.06 - *Biên bản bàn giao phôi bằng in hổng năm 2019, 2020, 2021*; 2.14.07- *Phiếu nhập phôi bằng, chứng chỉ năm 2019,2020,2021*; 2.14.08 - *Phiếu xuất phôi bằng, chứng chỉ năm 2019, 2020, 2021*; 2.14.09 - *Văn bản đề nghị xin lĩnh phôi bằng, chứng chỉ để in năm 2019, 2020, 2021*).

Việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh sinh viên theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan. Công tác đánh giá điểm rèn luyện được thực hiện do phòng CTHS-SV là đơn vị trực tiếp triển khai, báo cáo. Đầu mỗi khóa học, nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân trong đó phổ biến toàn bộ quy chế tính điểm rèn luyện cho HSSV. Giáo viên chủ nhiệm thực hiện theo dõi, đánh giá và công bố công khai trước lớp, Kết quả đánh giá được trưởng khoa ký duyệt và gửi phòng CTHS-SV tổng hợp (2.12.02 - *Quy chế học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2021*; 2.14.10 - *Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*).

Hàng năm, phòng Đào tạo, Khảo thí thực hiện nhiệm vụ thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và tổng hợp báo cáo Ban Giám hiệu nhà trường (2.6.04 - *Kế hoạch thanh kiểm tra công tác đào tạo năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*; 2.6.05 - *Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của trường các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*; 2.6.06 - *Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15. Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm tùy theo tình hình thực tế của hoạt động đào tạo, những quy định về công tác thi, kiểm tra của nhà trường cũng được định kỳ rà soát, chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp với các loại hình đào tạo và yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Đánh giá đúng, chính xác kết quả học tập của HSSV có ý nghĩa quyết định đến việc phân loại HSSV và xác định chất lượng giáo viên chính xác, trên cơ sở đó thực hiện điều chỉnh phương pháp giảng dạy trong nhà trường. Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc trong tổ chức coi thi, chấm thi và đi đôi với đổi mới phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá.

Hàng năm, sau khi triển khai hội nghị sinh hoạt chuyên môn của các khoa, tổ môn cũng như hội nghị cán bộ công chức cuối năm lấy ý kiến chỉnh sửa bổ sung. Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá xếp loại và công nhận tốt nghiệp đối với học sinh học nghề áp dụng trong nhà trường đã được Hiệu trưởng ký Quyết định ban hành (2.15.01- *Kế hoạch về việc rà soát các quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*; 2.15.02- *Văn bản điều chỉnh quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ*; 2.4.02 - *Quy chế kiểm*

tra, thi, công nhận tốt nghiệp năm 2019; 2.12.01- Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2017, 2019; 2.12.02- Quy chế học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2021).

Qua khảo sát ý kiến hàng năm, 100% nhà giáo, cán bộ quản lý đồng ý về việc công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết (2.4.06- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 16. Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đã triển khai biên soạn chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng cho các nghề: Trắc địa công trình; Điện dân dụng; Điện công nghiệp; Hàn; Kỹ thuật xây dựng và Cấp, thoát nước.

Nhà trường đã có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông, hiện nay đang triển khai ở các Khoa; Đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ Cao đẳng (2.5.01 - Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường năm 2017, 2019, 2020, 2021; 2.4.01 - Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2018,2019,2021; 2.3.03 - 2.16.01. Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ cao đẳng).

Hiện tại, Nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng các nghề Trắc địa công trình; Điện dân dụng; Điện công nghiệp; Hàn; Kỹ thuật xây dựng và Cấp, thoát nước trên địa chỉ website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng.

Nhà trường đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo liên thông theo đúng quy định: tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch, có hướng dẫn, có thông báo tuyển sinh tới người học (2.3.03 - Các kế hoạch tuyển sinh, tờ bướm, thông báo tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021).

Nhà trường thực hiện công tác khảo sát người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về công tác đào tạo liên thông của nhà trường, kết quả cho thấy nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn các quy chế đào tạo liên thông tới toàn trường, công tác thực hiện đúng quy định (2.16.02 - Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông năm 2019, 2020, 2021; 2.4.06- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 17. Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quản lý hồ sơ và tài liệu đào tạo, nhà trường đã ban hành quy định về biểu mẫu hồ sơ cho nhà giáo

trong giáo dục nghề nghiệp (2.17.01-Quyết định số 10/QĐ-TCD ngày 06/5/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành hệ thống biểu mẫu hồ sơ, sổ sách dành cho giáo viên, giảng viên). Nhà trường đã ban hành quy định về công tác lưu trữ cơ sở dữ liệu hồ sơ của hoạt động đào tạo theo quy định của Nhà nước (2.17.02-Quyết định số 15/QĐ-TCD ngày 20/6/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng). Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo từng năm học, khóa học cho từng ngành, nghề, trình độ (2.17.03- Danh mục hồ sơ lưu trữ của các đơn vị)

Thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đào tạo, trên webside của nhà trường có đăng tải và cập nhật thường xuyên các hoạt động đào tạo như: Tiến độ, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, lịch thi, kiểm tra.... đồng thời lưu trữ hệ thống dữ liệu đào tạo theo đúng quy định giúp cho việc tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV và nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của trường. Nhà trường có chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí cho cán bộ đi học tập bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ. Nhà trường có quy chế về tuyển dụng lao động với các chế độ ưu đãi cho người lao động đảm bảo tính công khai minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Số GV của trường đảm bảo đạt chuẩn về trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy của trường giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và đảm bảo trên 80% GV dạy được cả lý thuyết và thực hành. Các thầy cô cũng đã đào tạo được nhiều thế hệ học sinh đi thi tay nghề cấp Tỉnh, cấp Bộ và giành được những thành tích đáng kể.

GV nhà trường tham gia tốt phong trào thi đua dạy tốt như hội giảng GV giỏi cấp Trường và cấp Tỉnh, cấp Bộ, quốc gia nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Đa số CBQL các Phòng, Khoa, Tổ môn, đội ngũ quản lý được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, chuyên môn, lý luận chính trị. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ theo từng giai đoạn.

**** Những điểm mạnh:***

Trường Cao đẳng nghề Xây dựng có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ đại học và sau đại học. Đội ngũ giáo viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

Nhà trường có đầy đủ các quy chế, quy định, các văn bản hướng dẫn thực hiện về tuyển dụng, bổ nhiệm và phân cấp quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ và nhân viên... thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên một cách rõ ràng, công khai, bảo đảm minh bạch, công bằng và dân chủ.

Ban giám hiệu nhà trường có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn tốt, khả năng điều hành, quản lý, tầm nhìn và hoạch định chiến lược cho sự phát triển của nhà trường.

** Những tồn tại:*

Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, giáo viên nói chung còn hạn chế nên khó khăn trong quá trình hội nhập, cập nhật các kiến thức, tiêu chuẩn quốc tế trong công việc.

Việc nghiên cứu, áp dụng những thành tựu Khoa học - Công nghệ vào việc cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh chưa được nhân rộng trong tất cả giáo viên.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong thời gian tới Nhà trường cần phát huy hơn nữa việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cập nhật kiến thức và phương pháp đào tạo hiện đại. Hướng đến trong năm tới phải tổ chức các chuyến tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm đào tạo với các đối tác đào tạo ở nước ngoài.

Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo ngoại ngữ Tiếng Anh trong đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường để nhanh chóng hội nhập với trình độ thế giới.

Cử CBGV tham gia các Hội thảo nghiên cứu khoa học trong nước, tổ chức các hội thảo nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học bằng các hình thức khuyến khích về vật chất và tinh thần để giáo viên tham gia tích cực vào công tác nghiên cứu khoa học.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và trao đổi phương pháp giảng dạy trong từng bộ phận thường xuyên.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý về ngoại ngữ và các kỹ năng quản lý.

Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tổ chức các khoá bồi dưỡng cho các giáo viên đến thực tập tại các doanh nghiệp để có thể bổ sung tiến bộ của KH-KT vào chương trình đào tạo và trong các bài giảng.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	15 điểm
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định yếu tố con người là một trong những nhân tố vô cùng quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Chính vì vậy, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Nhà nước như: Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức... Nhà trường đã ban hành các quy định nội bộ về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động nhằm phát huy tối đa nguồn lực con người đóng góp cho sự xây dựng và phát triển nhà trường.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, Trường đã ban hành Quyết định quy định về việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên, viên chức và quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức của Trường CDN Xây dựng (3.1.01 - *Quyết định số 682 ngày 12/09/2017 về việc ban hành quy định tuyển dụng cán bộ, giảng viên và viên chức của trường CDN Xây dựng; Quyết định số 843 ngày 06/12/2017 về việc ban hành quy định thi tuyển nhà giáo của trường CDN Xây dựng; Quyết định số 26 ngày 20/04/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức của trường CDN Xây dựng; 3.1.02- Quyết định số 38 ngày 01/11/2018 về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức của trường CDN Xây dựng*).

Thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng ủy Trường, lãnh đạo Nhà trường thực hiện và làm tốt công tác bồi dưỡng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập của xã hội (3.1.03 - *Quyết định số 91 ngày 20/06/2018 của Ban Cán sự Đảng bộ Xây dựng phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị trực thuộc BXDB giai đoạn 2021 - 2026; Quyết định số 222 ngày 27/10/2020 Phê duyệt, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ sở GDDT trực thuộc BXD nhiệm kỳ từ 2016-2021; Quyết định số 148 ngày 18/03/2020 của Hiệu trưởng trường CDN Xây dựng về phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2016-2020; Quyết định số 149 ngày 18/03/2020 của Hiệu trưởng trường CDN Xây dựng về phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2021 - 2026*).

Nhà trường đã xây dựng quy hoạch giáo viên, bổ nhiệm cán bộ quản lý (3.1.04 - *Quyết định số 36/QĐ-TCĐ ngày 22/10/2018 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của trường CDN Xây dựng; Quyết định số 11/QĐ-TCĐ ngày 01/09/2020 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của trường CDN Xây dựng*).

Việc phân loại viên chức được đảm bảo khách quan, chính xác đúng quy định (3.1.05 - *Quyết định số 36a ngày 15/10/2018 về việc ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, viên chức trường CDN Xây dựng; Quyết định số 09c ngày 20/04/2021 về việc ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, viên chức trường CDN Xây dựng*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc tuyển dụng đều xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị, kế hoạch tuyển dụng được các đơn vị đề xuất, sau đó đề nghị nhà trường phê duyệt. Kế hoạch tuyển chọn, danh sách thí sinh, danh sách trúng tuyển được công bố công khai trên trang Web của nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng (3.2.01 - *Các Thông báo tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021; 3.2.02 - Hồ sơ tuyển dụng theo quy chế và quy trình tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021; 3.2.03 - Các Quyết định tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021*)

Nhà trường thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ. Phương châm của quy hoạch cán bộ là “mở” và “động”, trên cơ sở kết quả đánh giá cán bộ và phân tích chất lượng đảng viên, viên chức hàng năm, Nhà trường đã tiến hành công tác tạo nguồn xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Quyết định quy hoạch được công bố công khai để toàn thể cán bộ công nhân viên được biết.

Từ năm 2019 đến 2021, Trường được Bộ Xây dựng ra Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng với bà Nguyễn Thị Hoài, và thực hiện quy trình bổ nhiệm lại với Phó Hiệu trưởng Vũ Xuân Quyên. Nhà trường bổ nhiệm lại 10 cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, Trung tâm (3.2.04 - *Quyết định về việc bổ nhiệm của Bộ Xây dựng bổ nhiệm Hiệu trưởng; Các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức quản lý năm 2019, 2020, 2021*)

Căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập Nhà trường đã tổ chức tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức hàng năm như: Cử cán bộ giáo viên đi học Cao học, đi học Trung cấp chính trị, cao cấp chính trị và nhiều lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí vị làm đã góp phần xây dựng đội ngũ viên chức của Nhà trường có đạo đức nghề nghiệp, có đủ trình độ và năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc (3.2.05 - *Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021; 3.2.06 - Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*)

Công tác đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý ngày càng được Nhà trường chú trọng. Hằng tháng, các đơn vị thực hiện đánh giá thi đua tháng xếp loại theo A, B, C. Cuối năm, Nhà trường đều có hướng dẫn cho đơn vị đánh giá, phân loại viên chức một cách cụ thể, khách quan. Kết quả đánh giá tập thể tại các đơn vị đã được Hội đồng thi đua Nhà trường xem xét và đề nghị khen thưởng (3.2.07 - *Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021*; 1.6.11 - *Các biên bản họp tổng kết năm của các phòng, Khoa, Trung tâm*).

Nhà trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định như chế độ tiền lương, về phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, phụ cấp thâm niên nhà giáo, đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động (3.2.08 - *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định các năm 2019, 2020, 2021 (Bảng lương hàng tháng (gồm lương cơ bản và phụ cấp)); Danh sách hỗ trợ kinh phí các ngày lễ trong năm*).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát và nhận được 100% ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động nhất trí cho rằng: Trường tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2019, Trường có tổng số 57 giáo viên, trong đó có 51 giáo cơ hữu và kiêm chức, 06 giáo viên là thỉnh giảng. Về trình độ, Thạc sĩ là 23, đại học là 44.

Năm 2020, Trường có tổng số 58 giáo viên, trong đó có 53 giáo cơ hữu và kiêm chức, 05 giáo viên là thỉnh giảng. Về trình độ, Thạc sĩ là 25, đại học là 43.

Năm 2021, Trường có tổng số 66 giáo viên, trong đó có 61 giáo cơ hữu và kiêm chức, 05 giáo viên là thỉnh giảng. Về trình độ, Thạc sĩ là 28, đại học là 48.

100% giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp theo quy định (3.3.01 - *Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021*).

Trường có đầy đủ hồ sơ quản lý nhà giáo theo chức danh, chức vụ cụ thể của từng đơn vị, luôn được cập nhật thường xuyên thông tin cán bộ, viên chức trong toàn trường khi có thay đổi (3.3.02 - *Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức*).

Hàng năm, Trường rà soát trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo và báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp và chuyên môn như Sở LD-TB&XH Tỉnh Quảng Ninh, Bộ Xây dựng (3.3.03 - *Đánh giá chất lượng (có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo) các năm 2019, 2020, 2021*); *Thống kê chất lượng công chức, viên chức các năm 2019, 2020, 2021*).

Đồng thời, Trường tổ chức khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý, kết quả 100% khẳng định đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành, luôn được nhà trường tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động, Điều lệ trường cao đẳng Nghề Xây dựng, trong đó có quy định về nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của đơn vị. Trên cơ sở đó, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ và có bổ sung, sửa đổi, hằng năm (khi cần thiết). Trường đã ban hành quy chế thi đua khen thưởng và hằng năm tổ chức bình xét thi đua, khen thưởng cho cán bộ, giáo viên, người lao động (1.1.01 - *Quyết định số 02a ngày 02/01/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CDN Xây dựng; Quyết định số 07a ngày Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng; 1.3.06 - Quyết định số 03 ngày 01/01/2019 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021; 1.6.14 - Quyết định khen thưởng Phòng, Khoa, đơn vị trong trường*).

Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được lưu trữ đầy đủ tại Phòng Tổng hợp (3.3.01 - *Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021; 3.3.02 - Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức*).

Hằng năm, Trường thực hiện công tác đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động theo quy định, không vi phạm quy chế, nội quy và tệ nạn xã hội. Kết quả, trong các năm 2019 - 2021, 100% công chức, viên chức, người lao động hoàn thành nhiệm vụ trở lên, nhiều lượt cá nhân và tập thể được khen thưởng, tặng các danh hiệu thi đua của Bộ, Sở và nhà trường (3.2.07 - *Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021; 3.4.01 - Phiếu đánh giá phiếu nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động; 3.4.01 - QĐ số 01a ngày 01/01/2019 về việc ban hành Nội quy và quy định trong trường CDN Xây dựng; 3.4.02 - QĐ số 465b ngày 01/08/2018 về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của nhà giáo trường CDN Xây dựng*).

Cuối các năm học, Trường thực hiện tổng kết theo quy định (1.6.11 - *Các biên bản họp tổng kết năm của trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định;

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo đúng quy định về tỷ lệ quy đổi dưới 25 HS/1 GV (3.3.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021*; 3.5.04 - *Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo*)

Thực hiện Thông tư số 07/2017/TT-BLDTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo viên giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc, phụ cấp ưu đãi của giáo viên đúng quy định (3.4.02- *Nội quy và quy định về chế độ làm việc của nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động*).

Hàng năm, Trường có kế hoạch phân công giảng dạy cho toàn khóa của chương trình ngay từ đầu năm học. Sau khi kết thúc năm học, các khoa và Phòng Kế hoạch - Đào tạo tiến hành tổng kết giờ giảng của giáo viên, trường hợp giáo viên vượt giờ so với giờ chuẩn quy định sẽ được thanh toán đầy đủ theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với hoạt động đào tạo thực tế của Trường (2.4.03 - *Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.5.03 - *Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 3.5.01 - *Bảng thống kê giờ giảng các năm học 2018 - 2019; 2019 - 2020; 2020 - 2021*; 3.5.02 - *Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ các năm học 2018 - 2019; 2019 - 2020; 2020 - 2021*).

Tính đến tháng 12/2021, số lượng nhà giáo có trình độ sau đại học là 28/66 nhà giáo chiếm tỷ lệ 42,42%. Tất cả 6 ngành cao đẳng trường đang đào tạo, mỗi ngành nhà trường đều có ít nhất 01 giảng viên có trình độ chuyên môn thạc sỹ gắn với chuyên ngành đó (3.3.01 - *Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021*; *Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Chương trình đào tạo, phòng Kế hoạch – Đào tạo xây dựng tiến độ thực hiện và dự kiến thời điểm kết thúc môn học trong học kỳ, năm. Nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng đào tạo, tập thể giáo viên của Trường đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo (2.5.01 - *Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường và chương trình đào tạo năm 2017, 2019, 2020, 2021*; 2.4.03 - *Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.5.02 - *Tiến độ đào tạo các lớp, khóa học các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Dựa trên tiến độ đào tạo năm học và thời khóa biểu, nhà trường tiến hành kiểm tra việc thực hiện tiến độ đào tạo tại các khoa và có báo cáo kết quả thực hiện hàng năm Nhà Trường tiến hành kiểm tra, dự giờ giáo viên với các hình thức đột xuất, thường xuyên. Sau mỗi đợt kiểm tra đều có biên bản và tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm tại các đơn vị đào tạo trong nhà Trường đồng thời từng năm có báo cáo rà soát đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động dạy nghề với mục tiêu, nội dung chương trình đã được phê duyệt (2.6.05 - *Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 của khoa*; 2.10.02 - *Kế hoạch dự giờ thường xuyên; thông báo lịch dự giờ; báo cáo kết quả dự giờ thường xuyên năm học 2018-2019; 2019 - 2020; 2020-2021; Phiếu dự giờ*);

Giáo viên đã thực hiện đúng quy định chuyên môn, giảng dạy theo đúng thời khóa biểu và thực hiện theo Quy định về hồ sơ lên lớp của giáo viên. Giáo viên lên lớp có giáo án được trưởng khoa phê duyệt trước khi dạy. Trường có 100% giáo viên có đầy đủ giáo án được phê duyệt trước khi lên lớp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chuyên môn: soạn giáo án, quản lý, ghi chép sổ sách đúng quy định, biểu mẫu theo Thông tư số 23/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 (2.6.01 - *Sổ lên lớp*; 2.6.02 - *Giáo án các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 2.6.03 - *Sổ tay nhà giáo các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và ban hành các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường quy định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, chế độ thanh toán (1.3.06 - *Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021*).

Cán bộ quản lý đi học trung cấp chính trị được nhà trường chi trả tiền học phí, hưởng nguyên lương và các chế độ liên quan. Nhà trường mở nhiều khoá tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng soạn thảo văn bản cho ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường. Kinh phí của những khoá tập huấn do nhà trường chi trả (3.2.05 - *Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*).

Nhà Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho giáo viên nhằm khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi

mới phương pháp giảng dạy (3.3.03 - *Đánh giá chất lượng (có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo) các năm 2019, 2020, 2021*); *Thống kê chất lượng công chức, viên chức các năm 2019,2020,2021*; 3.7.01 - *Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức các năm 2019,2020,2021*)

Trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên để có căn cứ điều chỉnh bổ sung cơ chế chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo đáp ứng quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNV theo quy định của nhà nước. Nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn và lớp đào tạo bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ bậc 2 và cho đến nay 100% nhà giáo cơ hữu đã đạt chuẩn về công nghệ thông tin và trình độ ngoại ngữ (3.2.05 - *Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*);).

Hàng năm, Nhà trường có mời chuyên gia tổ chức các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy, đảm bảo chất lượng tại trường cho đội ngũ nhà giáo đồng thời có cử nhà giáo tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức (3.2.06 - *Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*; 3.8.01 - *Bảng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận của các lớp tập huấn từ năm 2019 – 2021*).

Sau mỗi khóa tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ các giáo viên tham gia đều báo cáo triển khai, nhân rộng tại đơn vị (3.8.02 - *Báo cáo kết thúc chương trình học tập cá nhân/nhóm các năm 2019, 2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ quy định của Nhà nước về việc bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo theo hình thức thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất; hằng năm nhà trường đều cử 100% giáo viên giảng dạy chuyên môn đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ và phương pháp tổ chức quản lý sản xuất (3.3.01 - *Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021*; *Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021*; 3.9.01 - *Quyết định kèm theo Danh sách nhà giáo cơ hữu về việc cử nhà giáo đi tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, các Khoa chuyên môn thực hiện công tác bồi dưỡng bằng việc cho cá nhân nhà giáo đăng ký đi thực tập (hoặc đi thực tế) từ 1 – 2 tháng tại các doanh nghiệp (có liên quan đến chuyên môn và ngành, nghề đào tạo) để cập nhật, bổ sung kiến thức và kỹ năng cũng như công nghệ mới (3.9.02 - *Hồ sơ về việc nhà giáo đi tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các Khoa Xây dựng, Điện - Điện tử, Cơ khí các năm 2019, 2020, 2021 (Biên bản thỏa thuận với doanh nghiệp; Thông báo đăng ký thực hiện các nội dung tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nội dung tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Biên bản nghiệm thu công việc tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Thuyết minh báo cáo kết quả tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp)*).

Ngoài ra, trong năm Nhà trường lấy ý kiến khảo sát các đối tượng liên quan đến các hoạt động của Nhà trường (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, nhà Trường đã thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với nhà giáo. Trên cơ sở báo cáo thu hoạch của giáo viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, Ban giám hiệu đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động theo giai đoạn, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm, Phòng Tổng hợp lập danh sách đăng ký tham gia học tập, bồi dưỡng của giáo viên toàn trường, từ đó tham mưu cho BGH nhà Trường ban hành quyết định cử giáo viên đi học tập, bồi dưỡng theo kế hoạch đã đăng ký. Sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhà Trường có đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế từ đó rà soát, lập danh sách các giáo viên còn chưa đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ tạo điều kiện thời gian để các giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành (3.10.01 - *Báo cáo Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ban Giám hiệu được Bộ Xây dựng ra quyết định bổ nhiệm theo đúng quy trình và quy định tại Khoản 2, Điều 14 của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện, hiện nay Trường có Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng (3.2.04 - *Quyết định về việc bổ nhiệm của Bộ Xây dựng bổ nhiệm Hiệu trưởng; Các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức quản lý năm 2019, 2020, 2021*).

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Hoài (sinh năm 1984) có trình độ Thạc sỹ, cao cấp lý luận chính trị, có Giấy chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN. Trong quá trình

công tác, Hiệu trưởng đạt nhiều danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, nhiều bằng khen các cấp trao tặng, bổ nhiệm lần đầu năm 2021. Phó hiệu trưởng: Vũ Xuân Quyên (sinh năm 1969) có trình độ thạc sỹ quản lý giáo dục, cao cấp lý luận chính trị, có Giấy chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN và đạt nhiều danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, nhiều bằng khen các cấp trao tặng, bổ nhiệm lần đầu năm 2017 (3.3.01 - *Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021; 3.11.01 - Hồ sơ của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng*).

Hiệu trưởng nhà trường đã ban hành các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và phân công nhiệm vụ cụ thể trong Ban giám hiệu nhà trường (3.11.02 - *Phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu*).

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng nhà Trường có sự tin nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ, có sức khỏe và năng lực quản lý, điều hành hoạt động của Trường và đã đạt nhiều thành tích trong công tác quản lý và lãnh chỉ đạo hoạt động của nhà Trường, được các cấp khen thưởng (3.11.03 - *bBiên bản kiểm điểm tập thể lãnh đạo, cá nhân cán bộ lãnh đạo quản lý các năm 2019, 2020, 2021; 1.6.011 - Báo cáo tổng kết năm học của trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có 11 cán bộ quản lý là Trường, Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm. Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ được thực hiện đúng quy định, cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được tổ chức lấy phiếu tín nhiệm và tỷ lệ số phiếu đồng ý phải đạt trên 50% mới được xem xét đề nghị ; những người giữ chức vụ lãnh đạo 5 năm được xem xét bổ nhiệm lại. Cán bộ được bổ nhiệm lần đầu đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện về phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, sức khỏe. Cán bộ được xem xét bổ nhiệm lại có uy tín, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo (3.1.01 - *Quyết định số 682 ngày 12/09/2017 về việc ban hành quy định tuyển dụng cán bộ, giảng viên và viên chức của trường CDN Xây dựng; Quyết định số 843 ngày 06/12/2017 về việc ban hành quy định thi tuyển nhà giáo của trường CDN Xây dựng; Quyết định số 26 ngày 20/04/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức của trường CDN Xây dựng; 3.4.04 - Quyết định số 36/QĐ-TCĐ ngày 22/10/2018 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của trường CDN Xây dựng; Quyết định số 11/QĐ-TCĐ ngày 01/09/2020 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của trường CDN Xây dựng; 3.3.01 - Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021*).

Từ năm 2019 đến 2021, Trường bổ nhiệm lại 9 cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, Trung tâm. Việc bổ nhiệm trên đều thực hiện đúng quy trình và quy định (3.12.01 - *Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBQL; 3.2.07 - Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường có 11 người, trong đó 7 người có trình độ Thạc sỹ, 04 người có trình độ Đại học, 100% đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, được bồi dưỡng qua các lớp nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ sư phạm, có phẩm chất đạo đức tốt (3.3.01 - *Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021; 3.3.02 - Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức*).

Hàng năm, Trường đều thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức quản lý theo quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhiều cán bộ quản lý được trường và Bộ Xây dựng khen thưởng (3.13.01 - *Biên bản nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm đối với cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021; 1.6.11 - Các báo cáo tổng kết năm học của trường 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.6.13 - Các biên bản họp tổng kết năm của các phòng, Khoa, Trung tâm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên nhà trường nói chung, cán bộ quản lý nói riêng và cử các cán bộ quản lý tham gia đào tạo, bồi dưỡng (3.2.05 - *Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm; 3.2.06 - Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*).

Sau mỗi khóa tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ các viên chức tham gia đều báo cáo triển khai, nhân rộng tại đơn vị (3.8.01 - *Bảng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận của các lớp tập huấn từ năm 2019 – 2021*).

Hàng năm đều lấy ý kiến của về kết quả đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức quản lý (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2019 đến nay, đội ngũ viên chức và người lao động làm việc tại các Phòng, Khoa, Trung tâm của Trường có đủ số lượng theo nhu cầu công việc của Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhà trường (3.3.01 - *Danh*

sách trích ngang nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động năm 2019, 2020, 2021; 3.3.02 - Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức).

Đội ngũ viên chức, người lao động của nhà Trường đều hoàn thành nhiệm vụ được giao và được bình xét các danh hiệu thi đua năm học (1.6.011 - Các báo cáo tổng kết năm học của trường 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.6.13 - Các biên bản họp tổng kết năm của các phòng, Khoa, Trung tâm).

Nhà Trường xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ viên chức, người lao động theo từng giai đoạn (3.2.05 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm; 3.2.06 - Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021; 3.8.01 - Bảng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận của các lớp tập huấn từ năm 2019 – 2021).

Sau khi kết thúc khóa học, viên chức, người lao động báo cáo về kết quả quá trình học tập, bồi dưỡng (3.3.04 - Báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

*** Mở đầu**

Hiện nay, nhà trường đang đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng (đào tạo từ năm 2016) và các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở chương trình khung các nghề do Bộ Lao động TBXH ban hành, Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo các phòng, khoa tiến hành xây dựng, thẩm định và ban hành các chương trình nghề mà nhà trường có cho từng nghề học, từng cấp trình độ và Hiệu trưởng ký duyệt ban hành chương trình đào tạo.

Sau khi chuyển đổi thực hiện luật Giáo dục nghề nghiệp và chuyển đổi chương trình đào tạo theo TT03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017, nhà trường cũng đã nhanh chóng lên kế hoạch xây dựng lại chương trình đào tạo cho phù hợp.

*** Những điểm mạnh:**

- Công tác xây dựng chương trình đào tạo và biên soạn tài liệu giảng dạy trong những năm qua và hiện nay đều được nhà trường quan tâm hàng đầu, luôn kế thừa và cập nhật nội dung mới, giáo trình giảng dạy phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực và đảm bảo đúng theo các văn bản quy định của Bộ LĐTBXH. Theo luật Dạy nghề nhà trường có 9 chương trình đào tạo ở trình độ Trung cấp nghề, 15 chương trình Sơ cấp nghề. Hiện nay, theo đăng ký luật Giáo dục nghề nghiệp mới Trường Cao đẳng nghề Xây dựng có 06 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, 13 chương trình đào tạo ở trình độ Trung cấp, 18 chương trình Sơ cấp;

- Trong công tác xây dựng, thẩm định chương trình nghề, trường có mời giáo viên ngoài trường, cán bộ kỹ thuật các doanh nghiệp tham gia xây dựng và thẩm định;

- Chương trình đã xây dựng dựa trên cơ sở đào tạo theo mô đun, tín chỉ và niên chế có sự liên thông. Đồng thời xây dựng cơ chế tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt giáo trình.

- Các chương trình hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường đáp ứng được yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của từng trình độ đào tạo cũng như gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu của người học và với thị trường lao động. Chương trình đào tạo được thường xuyên hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và của thị trường lao động.

- Nhà trường xây dựng được quy chế tổ chức biên soạn và thẩm định giáo trình môn học, mô đun cho các nghề đã khuyến khích được các giáo viên trong việc biên soạn giáo trình.

** Những tồn tại:*

Việc lấy ý kiến phản biện từ giáo viên và các chuyên gia bên ngoài còn chưa nhiều.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Trong năm tới, nhà trường sẽ tiếp tục tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, giáo viên, học sinh sinh viên về tính hợp lý của chương trình đào tạo. Từ đó sẽ định ra hướng điều chỉnh cho phù hợp.

- Hàng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương luôn đổi mới về khoa học công nghệ, trang thiết bị máy móc phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

- Tiếp tục tổ chức biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15 điểm
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	0
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đào tạo 06 nghề Cao đẳng; 13 nghề Trung cấp và 18 nghề sơ cấp (2.1.03- *Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm 2019, 2020, 2021*; 4.1.01- *Danh mục Chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021*).

Các ngành nghề đào tạo của nhà trường đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Bộ LĐTB&XH (1.2.01 - *Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*; 1.2.02 - *Giấy Chứng nhận Bổ sung đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*).

Các ngành đào tạo của Trường có đủ chương trình đào tạo, đã được Ban giám hiệu nhà trường ra quyết định phê duyệt, ban hành (2.4.01 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm 2019, 2020*; 2.4.02- *Các chương trình đào tạo năm 2019, 2020*; 2.4.03- *Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021*; 2.4.04 - *Các chương trình đào tạo năm 2021*; 2.1.05- *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra chương trình Cao đẳng, Trung cấp và sơ cấp*).

Các ngành nghề đào tạo của nhà trường phù hợp với danh mục ngành, nghề trình độ đào tạo phù hợp với Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2. 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng, Trung cấp của trường đều được xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định trong Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1/3/2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; nhà trường đã xây dựng quy định chương trình khung trình độ cao đẳng, trung cấp và ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo để các đơn vị thuận tiện trong việc triển khai thực hiện (4.2.01- *Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình*; 2.1.03. *Danh mục ngành nghề đào tạo năm 2019, 2020, 2021*).

Từ năm 2019 đến năm 2021, Trường đã tiến hành rà soát và lập kế hoạch cập nhật điều chỉnh xây dựng Bộ chương trình đào tạo (4.2.02- *Kế hoạch xây dựng/chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2019, 2020*;

thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo (4.2.03 - *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019, 2020*;

thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (4.2.04-*Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2019, 2020*

Trong quá trình biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo, các đơn vị chuyên môn đã có biên bản ghi lại hoạt động (4.2.05-*Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng/chỉnh sửa CTĐT năm 2019, 2020*; 4.2.06-*KH tổ chức hội thảo + Biên bản lấy*

ý kiến của chuyên gia xây dựng CTĐT năm 2019,2020;4.2.07- Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo + Phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng thẩm định năm 2019,2020; 4.2.08- Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo năm 2019,2020 (lần 2).

Trên cơ sở kết quả làm việc của Ban Biên soạn và Hội đồng thẩm định, Nhà trường đã ra Quyết định ban hành chuẩn đầu ra và Bộ chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp

(2.1.05- Quyết định ban hành chuẩn đầu ra chương trình Cao đẳng, Trung cấp và sơ cấp 2.4.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019, 2020; 2.4.02- Các chương trình đào tạo năm 2019, 2020 đã được phê duyệt; 2.4.03- Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021, 2.4.04- Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã có Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết mô-đun, môn học. Trong từng chương trình đào tạo đều thể hiện rõ mục tiêu đào tạo; quy định kiến thức, kỹ năng; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập của người học đạt được sau tốt nghiệp đối với từng mô-đun, môn học, từng chuyên ngành và từng trình độ theo quy định (2.4.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp, cao đẳng năm 2019, 2020; 2.4.03- Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021);

Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành các chương trình đào tạo tại trường đều áp dụng điều kiện: yêu cầu về CTĐT, cấu trúc CTĐT, thời gian khóa học và đơn vị thời gian trong CTĐT, quy trình xây dựng CTĐT, quy trình thẩm định CTĐT và ban hành CTĐT theo đúng quy định tại Điều 3,4,5,6,7,8 của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 (2.4.02 - Các chương trình đào tạo năm 2019, 2020; 2.4.04 - Các chương trình đào tạo năm 2021),

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4. Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo (4.2.03 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2020;).

Trường đã ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (4.2.04-Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2019,2020;

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Trường có đầy đủ các biên bản trong hoạt động (4.2.05- *Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2019,2020*; 4.2.06- *KH tổ chức hội thảo và phiếu lấy ý kiến của chuyên gia năm 2019,2020*; 4.2.07 -*Biên bản họp thẩm định xây dựng CTĐT năm 2019,2020*; 4.2.08- *Biên bản họp thẩm định xây dựng CTĐT năm 2019,2020 (lần 2)*).

Trường đã có Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT theo quy định của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/03/2017 (2.4.01- *Quyết định ban hành CTĐT năm 2019,2020*; 2.4.02- *Bộ chương trình đào tạo năm 2019,2020*; 2.4.03 - *Quyết định ban hành CTĐT năm 2021*; 2.4.04- *Bộ chương trình đào tạo năm 2021*).

Tất cả các chương trình đào tạo của Trường được xây dựng đều có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động. Từ năm 2018 đến năm 2021, mỗi chương trình đào tạo, Trường mời ít nhất 2 chuyên gia từ ngoài trường tham gia xây dựng và 2 chuyên gia từ ngoài trường tham gia thẩm định hoặc tham gia hội thảo góp ý cho chương trình đào tạo (4.4.01- *Danh sách CBQL, NG, ĐVSĐLĐ tham gia xây dựng CTĐT*).

Sự tham gia của các chuyên gia trong xây dựng, thẩm định chương trình cũng như tham gia giảng dạy và đánh giá sinh viên là công tác được nhà trường quan tâm thực hiện một cách thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của trường (4.2.06- *KH tổ chức hội thảo và phiếu lấy ý kiến của chuyên gia năm 2019,2020*).

Hàng năm, trường tổ chức lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý và đơn vị sử dụng lao động thông qua hình thức phát phiếu khảo sát để đánh giá sự hài lòng về các chương trình đào tạo của nhà trường. Kết quả 90% nhà giáo, cán bộ quản lý và đơn vị sử dụng lao động hài lòng về chương trình đào tạo (1.1.05- *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5. Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của Trường đang thực hiện được xây dựng theo đúng quy định của Bộ LĐTBXH. 100% CTĐT có Quyết định ban hành, trong đó luôn đảm bảo tính thực tiễn, tính khoa học được thể hiện bằng mục tiêu cụ thể (2.4.01- *Quyết định ban hành CTĐT năm 2019,2020*; 2.4.02- *Bộ chương trình đào tạo năm 2019,2020*; 2.4.03 - *Quyết định ban hành CTĐT năm 2021*; 2.4.04- *Bộ chương trình đào tạo năm 2021*).

Trong quá trình đào tạo, Trường thường xuyên rà soát mức độ đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động đối với các chương trình đào tạo của trường thông qua việc hàng năm tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động và người học tốt nghiệp đã đi làm đối với các chương trình đào tạo của trường nhằm có kế hoạch điều chỉnh bổ sung chương trình cho phù hợp với nhu cầu của thực tiễn. (1.1.05- *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6. Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của nhà trường được xây dựng trên cơ sở khung chương trình thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động TB&XH. Chương trình đào tạo từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng được xây dựng theo nguyên lý xếp chồng các mô đun, môn học cũng như xếp chồng khối lượng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp với quan điểm các trình độ đào tạo phải thể hiện rõ tính kế thừa và phát triển về kiến thức, kỹ năng cũng như năng lực tự chủ và trách nhiệm, do đó các chương trình đào tạo liên thông có thể thực hiện một cách dễ dàng giữa các trình độ đào tạo. Khi liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chỉ cần bổ sung thêm một số mô đun, môn học (2.4.01- Quyết định ban hành CTĐT năm 2019,2020; 2.4.02- Bộ chương trình đào tạo năm 2019,2020; 2.4.03 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2021;2.4.04- Bộ chương trình đào tạo năm 2021; 4.6.01- Quyết định ban hành CTĐT năm 2018; 4.6.02-Bộ chương trình đào tạo liên thông);

Căn cứ quyết định số 53/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 6/5/2018 của Bộ Lao động TB&XH nhà trường đã xây dựng quy định về đào tạo liên thông trình độ từ trung cấp lên cao đẳng cho các nghề đào tạo (4.6.03- Quyết định v/v ban hành Quy chế đào tạo liên thông).

Từ năm 2019 đến nay nhà trường chưa có hoạt động tổ chức đào tạo liên thông Đại học với các trường đại học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7. Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các Chương trình đào tạo của trường đều được ban hành đúng quy định. Theo quy định của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, năm 2018 và năm 2020 nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến nhận xét đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (4.7.01 - Báo cáo rà soát CTĐT năm 2018,2020), để từ đó làm căn cứ rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo năm 2019 và năm 2021 cho phù hợp với thực tiễn đào tạo cũng như phù hợp với chương trình khung và các quy định mới của Bộ Lao động TBXH ban hành.

Từ năm 2019 đến nay, nhà trường đã thực hiện đánh giá, sửa đổi, bổ sung những nội dung trong chương trình đào tạo năm 2019; năm 2020 ban hành mới 5 chương trình đào tạo và năm 2021 tiếp tục điều chỉnh, sửa đổi (4.2.03 - Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo năm 2019,2020; 4.7.02- Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo năm 2021).

Trong quá trình điều chỉnh, Ban chủ nhiệm đã tổ chức họp lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp để xin ý kiến góp ý, bổ sung, điều chỉnh cũng như thống nhất các nội dung trong chương trình đào tạo: Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chỉnh sửa năm 2019, 2021, chương trình đào tạo liên thông phục vụ công tác đào tạo của nhà trường trong tình hình mới (4.2.03- Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo năm 2019,2020; 4.2.04- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2019,2020; 4.2.05 - Biên

bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng/chỉnh sửa CTĐT năm 2019,2020; 4.2.06-KH tổ chức hội thảo + Biên bản lấy ý kiến của chuyên gia xây dựng CTĐT năm 2019,2020; 4.7.02 -Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo năm 2021; 4.7.03- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2021; 4.7.04 - Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng/chỉnh sửa CTĐT năm 2021; 4.7.05- KH tổ chức hội thảo + Biên bản lấy ý kiến của chuyên gia xây dựng CTĐT năm 2021;

Các Chương trình đào tạo sau khi được rà soát, điều chỉnh đều được hợp thông qua Hội đồng chuyên môn thẩm định và kết luận (4.2.07-Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo + Phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng thẩm định năm 2019,2020; 4.2.08 - Biên bản họp thẩm định (lần 2) chương trình đào tạo năm 2019,2020; 4.7.06 -Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo + Phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng thẩm định năm 2021; 4.7.07 - Biên bản họp thẩm định (lần 2) chương trình đào tạo năm 2021,

Căn cứ kết quả của Hội đồng thẩm định, Ban chủ nhiệm rà soát hoàn thiện, trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2021 (2.4.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2019, 2020; 2.4.02- Bộ chương trình đào tạo năm 2019,2020; 2.4.03- Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2021; 2.4.04 - Bộ chương trình đào tạo năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8. Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2019, nhà trường đã ban hành đủ bộ chương trình đào tạo sơ cấp, trung cấp, cao đẳng (2.4.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp, sơ cấp các năm 2019,2020 ; 2.4.02 - Bộ chương trình đào tạo năm 2019,2020).

Năm 2021 Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn đào tạo cũng như phù hợp với chương trình khung và các quy định mới của Bộ Lao động TBXH ban hành (4.7.02 - Kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT năm 2021; 4.7.03 -Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm 2021; 2.4.03-Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2021; 2.4.04 - Bộ chương trình đào tạo năm 2021).

Trong quá trình bổ sung và chỉnh sửa, nhà trường tổ chức tham khảo các tài liệu trên mạng Internet và một số các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (4.8.01- Danh mục các tài liệu tham khảo nước ngoài; 4.8.02- CTĐT nước ngoài đã tham khảo của các nghề; 4.8.03 - Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật; 4.8.04 - Báo cáo về việc sử dụng kết quả tham khảo chương trình nước ngoài có liên quan đến chương trình đang đào tạo).

Do đó các chương trình đào tạo hiện nay của nhà trường đều được cập nhật mới theo quy định hiện hành và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến có liên quan ngành nghề đào tạo

Nhà trường có đầy đủ các quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành 13 chương trình đào tạo trình độ trung cấp và 06 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng

các nghề được Tổng cục GDNN cấp phép. Trong những năm tiếp theo nhà trường sẽ tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo, đồng thời tham khảo các chương trình tương ứng của nước ngoài và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo theo đúng các quy định của Tổng cục GDNN và Bộ LĐ-TB&XH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9. Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2020 nhà trường đã xây dựng các chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên trình độ cao đẳng theo nguyên tắc đảm bảo quyền lợi cho người học và ra quyết định ban hành căn cứ theo Thông tư chỉ đạo số 27/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 21 tháng 9 năm 2017 (4.6.01- *Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng liên thông*; 4.6.02- *Bộ chương trình đào tạo cao đẳng liên thông năm 2021*).

Để công tác đào tạo liên thông thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi cho người học, phòng đào tạo đã tham mưu Hiệu trưởng ban hành Quy chế đối với đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng (4.6.03- *Quy chế đào tạo cao đẳng liên thông*)

Nhà trường đã căn cứ theo nhu cầu đào tạo và chương trình đào tạo bậc tương ứng, thực hiện rà soát các mô đun, môn học và ban hành các quy định cụ thể đối với các mô đun, môn học đã qua đào tạo ở bậc trung cấp mà người học không phải học khi học liên thông lên trình độ cao đẳng. (4.9.01 - *Biên bản họp rà soát các mô-đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trung cấp lên cao đẳng*; 4.9.02 - *Quyết định về việc ban hành các mô đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng các ngành*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10. Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường hiện đang có 6 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, 13 chương trình đào tạo trình độ trung cấp và 18 chương trình đào tạo sơ cấp (1.2.01-1.2.02- *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN*; *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN*; 2.4.01- *Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2019,2020*; 2.4.02 - *Các chương trình đào tạo năm 2019,2020*; 2.4.03- *Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2021*; 2.4.04- *Các chương trình đào tạo năm 2021*; 2.1.03- *Danh mục các nghề đào tạo năm 2019,2020,2021*).

Từng chương trình đào tạo đều có đầy đủ giáo trình cho các modun, môn học đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của giảng viên và HSSV. Nhà trường đã tổ chức biên soạn, chỉnh sửa giáo trình bảo đảm đủ tài liệu nghiên cứu và học tập của học sinh sinh viên. Công tác rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình đều được thực hiện ngay khi chương trình đào tạo có thay đổi và được ban hành mới (4.10.01- *Các quyết định*

ban hành GTĐT các modul, môn học; 4.10.02- Bản in các giáo trình các modul, môn học).

Ngoài ra, các môn học chung sử dụng giáo trình do Bộ Lao động TB & XH ban hành (4.10.03- *Danh sách thống kê GTĐT năm 2019,2020,2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11. 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường hiện đang có 6 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, 13 chương trình đào tạo trình độ trung cấp và 18 chương trình đào tạo sơ cấp. Tất cả các chương trình được cấp phép đào tạo của nhà trường đều được tổ chức xây dựng và thẩm định đầy đủ. Công tác biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo cũng được thực hiện theo đúng quy trình ngay sau khi chương trình đào tạo được ban hành. Tất cả các giáo trình đều được tổ chức biên soạn, lấy ý kiến chuyên gia là nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động và thông qua hội đồng chuyên môn thẩm định đạt yêu cầu trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành áp dụng để làm tài liệu giảng dạy và học tập chính thức trong toàn trường (4.11.01- *Kế hoạch xây dựng/lựa chọn GTĐT năm 2017,2019; 4.11.02- Các quyết định thành lập Ban biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2017,2019; 4.11.03- Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định GTĐT năm 2017,2019; 4.11.04- Các biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2017,2019; 4.11.05 - KH tổ chức hội thảo + Biên bản lấy ý kiến của chuyên gia xây dựng/lựa chọn CTĐT năm 2017,2019, 4.11.06 - Các biên bản thẩm định GTĐT; 4.11.07- biên bản thẩm định (lần 2); 4.10.02- Bản in các giáo trình các modul, môn học; 4.10.03- Danh sách thống kê GTĐT*).

Đa số các giáo trình sử dụng làm tài liệu giảng dạy và học tập do trường tổ chức biên soạn, chỉnh sửa. Đối với các môn học chung nhà trường lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (4.11.08- *Quyết định lựa chọn các môn học, modul chung;4.10.01- Các quyết định ban hành GTĐT các modul, môn học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12. Giáo trình đào tạo cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào tạo của nhà trường đều được cấp phép đào tạo theo đúng quy định của Bộ LĐTB&XH (1.2.01-1.2.02- *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN*).

Các giáo trình đào tạo của nhà trường được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng modul, môn học trong chương trình đào tạo. Các giáo trình đào tạo đã bám sát vào chương trình đào tạo các nghề nên đảm bảo về nội dung kiến thức và các kỹ năng cần có của từng modul, môn học (4.10.03- *Danh sách thống kê GTĐT; 4.10.02- Bản in các giáo trình các modul, môn học*).

Bên cạnh đó nhà trường còn chú trọng công tác rà soát, bổ sung, chỉnh sửa giáo trình đào tạo định kỳ theo quy định để cập nhật thêm các kiến thức mới, các kỹ năng

mới đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế (4.11.05 - Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2019; 4.11.06-Biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2019- lần 2; 4.15.07- Biên bản thẩm định GTĐT năm 2021; 4.15.08- Biên bản thẩm định GTĐT năm 2021-lần 2).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến nhà giáo để đánh giá mức độ hài lòng của nhà giáo đối với giáo trình đào tạo của nhà trường. Kết quả nhà giáo hài lòng với giáo trình đào tạo khi đã cụ thể hóa được yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo (1.1.05- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13. Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào tạo của nhà trường đều được cấp phép đào tạo theo đúng quy định của Bộ LĐTB&XH (1.2.01-1.2.02- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN).

Các giáo trình đào tạo của nhà trường được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng modun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung của giáo trình đào tạo được biên soạn theo hướng mở, tạo điều kiện kích thích người học khả năng tìm tòi và tư duy sáng tạo; phần cuối giáo trình là những câu hỏi và các câu hệ thống bài tập giúp sinh viên nắm vững các kiến thức của môn học. (4.10.03- Danh sách thống kê GTĐT; 4.10.02- Bản in các giáo trình các modun, môn học).

Bên cạnh đó nhà trường còn chú trọng công tác rà soát, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định giáo trình đào tạo định kỳ theo quy định để cập nhật thêm các kiến thức mới, các kỹ năng mới vào giáo trình đào tạo, giúp cho giáo viên giảng dạy thuận lợi trong việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong việc thiết kế giáo án điện tử, mô phỏng kiến thức giúp sinh viên dễ hiểu bài và có khả năng tự làm các thiết bị, video tự học,... đáp ứng và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường (4.11.05 - Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2019; 4.11.06-Biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2019- lần 2; 4.15.07- Biên bản thẩm định GTĐT năm 2021; 4.15.08- Biên bản thẩm định GTĐT năm 2021-lần 2)).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến nhà giáo, người học để đánh giá mức độ hài lòng của nhà giáo đối với giáo trình đào tạo của nhà trường. Kết quả nhà giáo hài lòng với giáo trình đào tạo đã tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực trong nhà trường (1.1.05- Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14. Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng của trường đều lập Kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp để đánh giá về chất lượng và mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo, nhằm rút kinh nghiệm và điều chỉnh nội dung sao cho ngày càng phù hợp, đáp ứng các yêu cầu mới về nội dung, kỹ năng, phương pháp dạy học tích cực. Kế hoạch được xây dựng chi tiết cụ thể và triển khai tới từng bộ phận, cá nhân có liên quan thực hiện (4.10.03- *Danh sách thống kê GTĐT*; 1.1.05- *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021*).

Trong quá trình lập kế hoạch khảo sát, nhà trường đã lựa chọn những nhà giáo, cán bộ quản lý có thâm niên công tác (4.14.01 - *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến*).

Kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật tại đơn vị sử dụng lao động, người học tốt nghiệp về chất lượng giáo trình đào tạo của nhà trường cụ thể trong báo cáo khảo sát và phiếu khảo sát (4.14.02- *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo năm 2019,2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15. Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn đã được Bộ Lao động-Thương binh và xã hội ban hành, nhà trường đã xây dựng, điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng và Cao đẳng liên thông; (2.4.01- *Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2019,2020*; 2.4..02 - *Bộ chương trình đào tạo năm 2019,2020*; 2.4.03- *Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2021*; 2.4..02 - *Bộ chương trình đào tạo năm 2021*).

Năm 2021, nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và ban hành bổ sung chương trình đào tạo để cập nhật các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến và cập nhật các nội dung, kỹ năng mới đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và hội nhập quốc tế (4.8.04- *Báo cáo rà soát và đánh giá tình hình sử dụng chương trình đào tạo- GTĐT năm 2020,2021*; 4.15.01 - *Danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi*).

Sau khi ban hành các chương trình đào tạo, nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức biên soạn, chỉnh sửa, thẩm định và ban hành các giáo trình phù hợp với từng modul, môn học của từng chương trình đào tạo (4.11.01- *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn GTĐT các cấp trình độ*; 4.15.02- *Các quyết định thành lập Ban biên soạn GTĐT năm 2021*; 4.15.03- *KH tổ chức hội thảo + phiếu lấy ý kiến chuyên gia về GTĐT năm 2021*; 4.15.04- *Các quyết định thành lập Ban biên soạn GTĐT năm 2021*; 4.15.05- *Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định GTĐT năm 2021*; 4.15.06- *Biên bản làm việc của Ban biên soạn năm 2021*; 4.15.07- *Các biên bản họp của Hội đồng thẩm định*

năm 2021; 4.15.08- Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2021 (lần 2); 4.15.09- Danh sách các giáo trình trình độ Cao đẳng, trung cấp có sự điều chỉnh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Trường CDN Xây dựng đã trải qua gần 50 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, qua từng giai đoạn Trường đã đổi tên và được nâng cấp phù hợp với mục tiêu đào tạo. Được sự quan tâm đầu tư của các Bộ Xây dựng Trường đã xây dựng được cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học bao gồm khu làm việc, khu giảng lý thuyết, khu xưởng thực hành, ký túc xá, hội trường...Tuy nhiên, cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng từ những năm 1970 thế kỷ trước nên đến nay cũng đã phải cải tạo, nâng cấp sửa chữa các hạng mục chính để đáp ứng nhu cầu thực tế.

Về trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo các nghề đang đào tạo trong trường.

Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được bố trí với tổng diện tích đất là: 26.608 m² cụ thể:

- Nhà A làm việc 4 tầng: 1.332 m²
- Khu nhà giảng đường 2 tầng: 772 m²
- Khu nhà xưởng thực hành số 1: 2.051 m²
- Nhà Ký túc xá 4 tầng B+C: 2.688m²
- Nhà tập thể công nhân: 120 m²
- Nhà bếp: 200 m²
- Nhà đa năng: 1.400 m² bao gồm cả phòng thư viện.
- Nhà Hội trường: 276 m²

a. Những điểm mạnh:

Trường được xây dựng trên địa thế đắc địa, cạnh quốc lộ 18, con đường huyết mạch về giao lưu kinh tế và du lịch gần các cụm trường lớn như Trường ĐH Ngoại Thương cơ sở 2, ĐH Hạ Long, Trường Quân Sự tỉnh Quảng Ninh phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư và mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại. Nhà trường có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường đảm bảo được các hoạt động dạy nghề, thực hành, lý thuyết trong nhà trường. Có đầy đủ các hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ được bê tông hóa đảm bảo việc phòng cháy chữa cháy, vận chuyển thiết bị đến nhà xưởng an toàn, các xưởng đều có hệ thống thông gió, hệ thống phòng cháy chữa cháy. Nhà trường có đủ các trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với chương trình đào tạo đã đăng ký. Các trang thiết bị, dụng cụ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đào tạo. Trong nhà xưởng diện tích rộng rãi nên có thể chứa vật tư, thiết bị nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, bảo vệ. Tất cả các nhà xưởng đều có hệ thống chiếu sáng, có mái che, vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu thực hành luôn được bảo quản tốt và an toàn.

Trong mỗi nhà xưởng đều có kho chứa vật tư, thiết bị nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, sử dụng, bảo vệ. Tất cả các nhà xưởng đều có hệ thống chiếu sáng, chống ẩm mốc đầy đủ.

Vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu thực hành luôn được bảo quản tốt và an toàn.

b. Những tồn tại:

Khuôn viên nhà trường được đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn nên các khu vực mới diện tích cây xanh đang trong thời gian trồng nên diện tích phủ kín còn hạn chế. Để khắc phục tình trạng trên nhà trường tổ chức thường xuyên lau chùi phòng học, nhà xưởng cũng như máy móc trang thiết bị. Hàng tháng các phòng, khoa, xưởng thường xuyên thực hiện việc bảo dưỡng máy móc trang thiết bị nhằm hạn chế đến mức thấp nhất quá trình ăn mòn kim loại. Mặt khác, tích cực trồng nhiều hàng rào cây xanh để phủ bóng mát khuôn viên nhà trường.

- Cơ sở vật chất nhà trường đã xuống cấp trầm trọng.

- Công tác giảng dạy và học tập thực hành của một số nghề vận hành ở ngoài sân bãi còn thiếu mái che, nên việc giảng dạy và học thực hành của giáo viên và HSSV còn gặp nhiều trở ngại.

- Máy móc thiết bị phần lớn đã cũ, trang thiết bị máy móc với công nghệ sản xuất hiện đại của nhà trường hiện nay còn ít so với nhu cầu các ngành nghề đào tạo của nhà trường...

- Trang thiết bị tại thư viện còn thiếu. Chưa có bộ phận chuyên trách về quản lý thư viện.

c. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Nhà trường có kế hoạch sắp xếp và sửa chữa lại, bổ sung thêm các thiết bị dạy học hiện đại cho các phòng học chuyên môn trong thời gian tới, trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho nghề mà nhà trường đang đào tạo.

- Xây dựng trung tâm Thông tin - Thư viện để có thể xử lý triệt để phòng Tin học của Trường;

- Đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại, bổ sung thêm tài liệu, sách báo và giáo trình chuyên môn;

- Mở rộng dịch vụ phục vụ người học trong việc tra cứu, nhân bản tài liệu;

- Xây dựng bộ phận chuyên trách cho công tác quản lý thư viện.

Nhà trường lập kế hoạch đầu tư thêm trang thiết bị với công nghệ sản xuất tiên tiến hiện đại trong giai đoạn tới cho các ngành nghề đào tạo từ nguồn kinh phí của Bộ, nguồn tích lũy của trường để đáp ứng yêu cầu về số lượng theo chuẩn của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp quy định. Nhà trường từng bước tích cực tìm nguồn thu và tiết kiệm chi để có kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	15 điểm
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1

Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được nâng cấp lên cao đẳng từ năm 2015 theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, là đơn vị sự nghiệp có thu, đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật (1.3.01 - Quyết định số 884/QĐ-LĐTBXH ngày 25/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng).

Trường nằm cạnh quốc lộ 18 thuộc địa phận Phường Nam Khê, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, trong vùng Đông Bắc của Tổ quốc, có giao thông đi lại thuận lợi, trong vùng tam giác giao thông kinh tế giữa: Hải phòng, Quảng Ninh, Hà Nội có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao. Nhà trường được Bộ Xây dựng quan tâm trong việc xây dựng và phát triển. Tổng diện tích đất khuôn viên: 26.608 m² tại địa điểm số 206 đường Bạch Đằng - Phường Nam Khê - Thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh; được UBND tỉnh Quảng Ninh cấp theo Quyết định số 1053/QĐ- UB ngày 08 tháng 04 năm 1997.

Tất cả các công trình xây dựng đều được khảo sát và thiết kế, có quy hoạch cho hệ thống thoát nước tốt do đó trường không bao giờ bị úng ngập, đảm bảo giao thông bình thường thuận tiện cho quá trình làm việc và học tập và tại trường của CBCNV-GV và HSSV (5.1.01 - Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường; 5.1.02 - Sơ đồ mặt bằng thiết kế cung cấp điện, nước của trường).

Về hệ thống điện nhà trường lắp đặt 01 trạm biến áp riêng 180 kVA-(6) 22/0,4KV do Việt Nam sản xuất. Ngoài ra còn được đầu tư trang bị 01 máy phát điện có công suất lớn. Do đó, việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo, sản xuất và sinh hoạt trong trường rất ổn định. Về nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất, đào tạo. Nhà trường

sử dụng nguồn nước máy để phục vụ sinh hoạt cho HSSV và CBCNV- GV nhà trường.

Nhà trường là đơn vị đóng trên địa bàn Phường Nam Khê - Uông Bí - Quảng Ninh nơi tập trung các trường Cao đẳng, Đại học như: Đại học Ngoại Thương cơ sở 2; Trường Quân sự tỉnh Quảng Ninh; Trường Đại học Hạ long; Trường trung cấp Kinh tế ngoài ra, còn có các trường mẫu giáo, cấp 1, 2 do đó không có cơ sở công nghiệp thải ra chất độc hại (tiếng ồn, bụi bặm, chất thải độc, ô nhiễm không khí, nguồn nước); bảo đảm an toàn; yên tĩnh cho giảng dạy và học tập.

Về giao thông trường đóng ở địa bàn cạnh QL 18 do đó rất thuận tiện cho việc đi lại (5.1.03 - *Sơ đồ vị trí và mô tả hệ thống giao thông tại địa điểm của trường thể hiện giao thông thuận tiện*).

Diện tích đất Nhà trường được quyền sử dụng lâu dài là 26.608 m² để phục vụ cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Phù hợp Hồ sơ quy hoạch chung thành phố Uông Bí đến năm 2025, phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp.

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo hệ thống đào tạo nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan chủ quản là Bộ Xây dựng đều nằm trong quy hoạch chung của mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm trên địa bàn và các tỉnh phía Bắc (5.1.04 - *Sơ đồ vị trí của trường trên địa bàn tỉnh*).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, kết quả 100% hài lòng về địa điểm xây dựng Trường (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng trên cơ sở khuôn viên tổng thể mặt bằng theo quy hoạch đã được phê duyệt. Với đặc điểm diện tích rộng nên việc khảo sát, thiết kế lập Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500; xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình như Nhà đa năng, nhà học lý thuyết, xưởng thực hành công nghệ cao, nhà thể chất, nhà hội trường, xưởng thực hành hiện có đã được cải tạo nâng cấp, nhà ăn, ký túc xá, khu tập thể CBCNV - GV, trạm điện, sân bóng ... được bố trí hợp lý phù hợp với cơ sở đào tạo và phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Uông Bí, không gây ảnh hưởng lẫn nhau trong cùng một thời điểm hoạt động; Tổng thể sẽ chia thành hai khối chức năng chính đó là khối chức năng phục vụ công tác quản lý, đào tạo, thực hành thí nghiệm và Khối chức năng phụ trợ công tác học và giảng dạy (5.2.01 - *Bản quy hoạch tổng thể mặt bằng trường*).

Nhà trường có diện tích đất sử dụng là 26.608 m²; Mật độ xây dựng: 21.7% ; hệ số sử dụng đất: 14,6 lần ; Tầng cao tối đa: 7 tầng; Tầng cao tối thiểu: 1 tầng; Diện tích đất cây xanh: 23,1% ; Diện tích đất giao thông dùng chung : 3,4%; Diện tích đất giải phóng MB đường sắt: 0,7%; Diện tích sân đường nội bộ: 51,05% (5.2.02 - *Quyết định*

số 1053/QĐ-UB ngày 08 tháng 04 năm 1997 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao hợp thức và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật; 5.2.03 - Số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng, mật độ xây dựng công trình, diện tích cây xanh).

Trường có hệ thống cây xanh được bố trí hợp lý trong khuôn viên nhà trường, đảm bảo đủ bóng mát và môi trường xanh, sạch, đẹp, có đội ngũ nhân viên chuyên vệ sinh, chăm sóc cây cảnh Khu vực trồng cây xanh được nhà trường quy hoạch theo từng cụm khu vực trước sân trường, xung quanh tường rào, khu học lý thuyết, xưởng thực hành, khu sinh hoạt thể dục thể thao... có diện tích khoảng 11.000 m², với kết cấu xây dựng trường hiện nay thuộc nhà kiên cố, nhiều tầng do đó diện tích các tầng dưới được che mát bởi các tầng trên vì thế đảm bảo tiêu chuẩn che mát theo quy định.

Khu vực trồng cây xanh được quy hoạch theo từng cụm khu vực trước sân trường, xung quanh tường rào, khu học lý thuyết, với diện tích cụ thể:

- Khu vực giảng đường, nhà học lý thuyết và thư viện: tối thiểu 40%.
- Khu vực thực hành thí nghiệm: tối thiểu 40% phần diện tích xây dựng công trình, không tính phần diện tích bãi thực tập.
- Khu vực Ký túc xá: tối thiểu 20%

Mật độ xây dựng công trình và diện tích cây xanh tại các địa điểm của trường về tổng thể hợp lý: mật độ xây dựng công trình từ 20-40%; diện tích cây xanh chiếm khoảng 30-40% diện tích khu đất toàn trường (5.2.03 - Báo cáo Số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng, mật độ xây dựng công trình, diện tích cây xanh năm 2019; 5.2.04 - Báo cáo diện tích đất Trường, diện tích các công trình xây dựng).

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát ý kiến HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý, kết quả 100% nhất trí cho rằng: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên Trường hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất cây xanh đảm bảo theo quy định (1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5:: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả phân tích, nhận định:

Diện tích đất trường được cấp bìa sử dụng là 26.608 m². Trong đó, đất xây dựng: 6.353 m², đất chưa xây dựng và lưu không: 13.138 m² (5.1.01 - Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường).

Khu học tập và nghiên cứu khoa học:

+ Phòng học lý thuyết, tin, ngoại ngữ có 08 phòng mỗi phòng diện tích 56-85 m²

- + Phòng học thực hành có 08 phòng kết hợp tầng lửng học tiết đầu ca, diện tích 180-250 m².
- + Phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn có 02 phòng, diện tích 25-50 m².
- + Xưởng thực hành 04 xưởng, diện tích 25-180-250 m².
- + Sân vườn thực hành thí nghiệm có 01 khu, diện tích 825 m².
- + Khu vực rèn luyện thể chất 4.520 m².
- + Khu hành chính quản trị, phụ trợ và các khu vực sinh hoạt, diện tích 72-330-1332 m².

Hiện tại, nhà trường đang xây dựng bổ sung thêm nhà xưởng để phù hợp với quy mô đào tạo.

- Ký túc xá: Gồm 56 phòng với tổng diện tích 2.688 m² đáp ứng 70% nhu cầu nhà ở của học viên. Có đủ các trang thiết bị cho sinh viên, học sinh khi ở nội trú.

- Nhà ăn: 1 nhà với diện tích 200m², được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho 100 suất ăn, 01 nhà tập thể với diện tích 120 m² đáp ứng nhu cầu về chỗ ở của cán bộ giáo viên công nhân viên nhà trường.

Ngoài ra, Nhà trường còn có 1 sân bóng đá ngoài trời với diện tích 5000m², 1 sân bóng chuyền với diện tích 300m².

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát ý kiến HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý, kết quả 100% nhất trí cho rằng: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả phân tích, nhận định:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm thiết bị nhà xưởng, bãi tập, thiết bị thực hành, thiết bị thử nghiệm và thí nghiệm cho các nghề đào tạo như: Xếp dỡ cơ giới tổng hợp, Hàn, Điện dân dụng và Điện công nghiệp, Cấp thoát nước.

Để đảm bảo cơ sở hạ tầng đáp ứng cho yêu cầu đào tạo theo giấy phép hành nghề mà Tổng cục giáo dục nghề nghiệp đã cấp cho Trường, Trường đã có đầy đủ các hồ sơ giấy tờ pháp lý sau:

1. Hồ sơ đất đai, bản đồ quy hoạch tiết xây dựng 1/500; hồ sơ thiết kế các công trình.
2. Hồ sơ xây dựng các công trình.
3. Hồ sơ thiết kế và lắp đặt, vận hành hệ thống điện và chiếu sáng, các công trình.
4. Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, quản lý và vận hành hệ thống cấp thoát nước, thông gió.
5. Hồ sơ thiết kế và lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy, chữa cháy.
6. Hồ sơ thiết kế, xây dựng và quản lý, vận hành các hệ thống kỹ thuật hạ tầng.

Giao thông nội bộ trong trường với hệ thống đường bê tông dài, rộng có sức chịu đựng cho xe tải. Diện tích sân đường nội bộ chiếm 51,05%. Diện tích đất giao thông dùng chung chiếm 3,4% tổng diện tích đất cơ bản theo hiện trạng thuận tiện ra vào cơ quan.

Trong khuôn viên được bố trí khoa học hợp lý, vườn hoa cây cảnh. Tất cả đã tôn lên một cảnh quan khang trang sạch đẹp của một môi trường đào tạo giàu tính sư phạm (5.1.01 - Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường; 5.4.01 - Số liệu hệ thống cấp, thoát nước, phòng cháy, chữa cháy đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt).

Về hệ thống điện nhà trường lắp đặt 01 trạm biến áp riêng 180kVA-(6)22/0,4kV do Việt Nam sản xuất. Ngoài ra, còn được đầu tư trang bị 01 máy phát điện có công suất lớn. Do đó, việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo, sản xuất và sinh hoạt trong trường rất ổn định (5.4.02 - Số liệu hệ thống điện toàn trường; 5.4.03 - Số liệu hệ thống điện của các xưởng thực hành). Hệ thống điện sân đường nội bộ được đầu tư đồng bộ.

Nhà trường sử dụng nguồn nước máy để phục vụ sinh hoạt cho HSSV và CBCNV- GV nhà trường (5.4.04 - Số liệu hệ thống cấp, thoát nước toàn trường; 5.4.05 - Số liệu hệ thống cấp, thoát nước cho các xưởng thực hành). Các phòng học, nhà xưởng, kho đều có hệ thống thông gió và được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ theo qui định an toàn PCCC, các xưởng đều được trang bị các thiết bị chữa cháy tại chỗ như các bình CO₂, hệ thống bơm cứu hỏa. Hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải được đảm bảo đồng bộ. Hệ thống phòng cháy chữa cháy đã thực hiện hệ thống hạ tầng theo quy hoạch mới đồng thời theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Ngày 25/5/2019, Phòng Tài Nguyên - Môi trường thành phố Uông Bí tiến hành kiểm tra và kết luận: Hạ tầng kỹ thuật và Công tác bảo vệ môi trường của Nhà trường đảm bảo yêu cầu theo quy định của pháp luật (5.4.06 - Biên bản kiểm tra hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường của Phòng Tài nguyên - Môi trường TP Uông Bí).

Hàng năm, Trường có Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Trường trong đó có báo cáo kết quả công tác quản lý và bảo dưỡng vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật (1.6.05 - Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021); Đồng thời, Trường tiến hành khảo sát ý kiến HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý, kết quả 100% nhất trí cho rằng: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định (1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả phân tích, nhận định:

Khu học tập và nghiên cứu khoa học của Trường:

+ Phòng học lý thuyết, tin, ngoại ngữ có 8 phòng mỗi phòng diện tích 56-85 m²

+ Phòng học thực hành có 8 phòng kết hợp tầng lửng học tiết đầu ca, diện tích 180-250 m².

+ Phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn có 02 phòng, diện tích 25-50 m².

+ Xưởng thực hành 04 xưởng, diện tích 25-180-250 m².

Năm 2018 nhà trường đã sửa chữa phòng học, trang bị thêm điều hòa (12 bộ), máy chiếu (02 bộ).

Phòng học lý thuyết của trường được trang bị đầy đủ bàn ghế, loa đài, âm thanh, ánh sáng và thiết bị dạy học; giảng đường và phòng thực hành trang bị đầy đủ 100% yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo theo quy định (5.2.02 - *Quyết định số 1053/QĐ-UB ngày 08 tháng 04 năm 1997 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao hợp thức và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật*; 5.5.01 - *Hồ sơ xây dựng, thiết kế phòng học, giảng đường, phòng học chuyên môn hóa*; 5.2.01 - *Bản quy hoạch tổng thể mặt bằng trường*; 5.1.01- *Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường*; 5.5.02 - *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm*).

Kết quả khảo sát ý kiến của giáo viên và Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Trường hàng năm cho thấy phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo; số lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo các chương trình (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*; 5.5.03 - *Báo cáo của trường đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo của một cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Vì vậy, Trường đã quản lý thiết bị đào tạo theo danh mục các bị thiết bị trong đó nêu rõ xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất và quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất (5.6.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo của Trường*).

Nhà trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.6.02 - *Quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*). Đây là cơ sở để đánh giá việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của các đơn vị liên quan trong Trường.

Trong các xưởng thực tập từng vị trí, phòng học thực hành đều có Nội quy của Xưởng thực hành do Hiệu trưởng ban hành. Các khối công trình thuộc cơ sở hạ tầng nhà trường thường xuyên quan tâm đến việc cải tạo nâng cấp hoặc làm mới

Năm học 2019-2020 Nhà trường đã ban hành Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng; Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.6.03 -

Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng; 5.6.04 - Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả phân tích, nhận định:

Nhà trường hiện đang đào tạo 06 nghề cao đẳng, 13 nghề trung cấp, 18 nghề sơ cấp. Giảng đường 02 tầng là khu phòng học lý thuyết. Nhà hội trường, phòng tin học, phòng ngoại ngữ, phòng thư viện, phòng hội thảo và phòng hội trường.

Trường có các nhà xưởng: Xưởng thực hành nghề hàn, xưởng thực hành nghề cấp thoát nước, xưởng thực hành nghề cơ khí, xưởng thực hành nghề kỹ thuật xây dựng, xưởng thực hành nghề điện công nghiệp, nghề điện dân dụng, nghề điện tử và tự động hóa, nghề điện lạnh.

Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của cả tất cả các hệ ngành này đều được sử dụng theo quy định hiện hành (5.7.01 - *Các qui định Tiêu chuẩn về giảng đường, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa*).

Nhà trường có qui định về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa (5.7.02 - *Qui định sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn*; 5.6.03 - *Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng*; 5.6.04 - *Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo*).

Hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, máy móc thiết bị được sử dụng đúng công năng, công tác quản lý, bảo dưỡng theo đúng quy chế đã có. Hàng năm Hội đồng kiểm kê nhà trường có báo cáo bằng văn bản về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa (5.7.03 - *Báo cáo kiểm kê TSCĐ năm 2019, 2020, 2021*).

Kết quả khảo sát ý kiến của giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên và Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Trường cho thấy: phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng đúng quy định hiện hành (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp quy định (5.6.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo*).

Các trang thiết bị được đầu tư mới bảo đảm tính đồng bộ, đồng thời cũng đảm bảo về mặt hiện đại, đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và dịch vụ trên thị trường và đảm bảo theo danh mục thiết bị của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (5.8.01 - *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành*).

Các thiết bị đào tạo chính của Trường đạt mức tương đương trình độ công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện tại. Chất lượng trang thiết bị, dụng cụ và tài liệu bảo đảm cho các hoạt động thực hành về chủng loại, công năng, các yêu cầu thông số kỹ thuật và mỹ thuật, các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động (5.8.02 - *Hình ảnh các thiết bị của các xưởng thực hành*).

Việc đầu tư mua sắm của Nhà trường, các thiết bị, dụng cụ trang bị cho công tác giảng dạy đều có nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, đúng chất lượng, chủng loại, thể hiện qua biên bản giám sát chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

Hàng năm Ban kiểm kê nhà trường có báo cáo bằng văn bản về theo dõi tài sản cố định (5.7.03 - *Báo cáo kiểm kê TSCĐ hàng năm*).

Việc bổ sung trang thiết bị, dụng cụ thực hành trong 3 năm qua đã đáp ứng được cho việc dạy và học thực hành tại Nhà trường (5.8.03 - *Số liệu thống kê học sinh năm 2018, 2019, 2020; Thời khóa biểu các năm từ 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Số lượng trang thiết bị hiện có của nhà trường đảm bảo đáp ứng đủ cho quy mô đào tạo cho các nghề mà hiện nay Nhà trường đang đào tạo đúng theo qui định về tiêu chuẩn, khi học thực hành Trường thực hiện chia nhóm có từ 18-25 học sinh/ ca, đảm bảo cho từ 1 ÷ 4 học sinh thực hành trên một thiết bị và mô hình.

Nhà trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của tất cả các nghề.

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát và nhận được ý kiến nhất trí cao của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo về việc thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo nghề của tất cả các nghề do Bộ LĐTBXH quy định (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả phân tích, nhận định:

Các phương tiện máy móc và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ thực hành được bố trí hợp lý từng khu vực theo từng nghề đào tạo, từng nội dung đào tạo (mô đun) (5.9.01- Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ đào tạo).

Vị trí bố trí, lắp đặt phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn, thuận tiện cho vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, theo nhóm và theo từng cá nhân.

Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ được vận hành sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng, theo đúng qui trình kỹ thuật và thực hiện đúng nội quy quy định (5.9.02 - Hồ sơ quản lý các thiết bị).

Các xưởng thực hành trong đó có các phòng học thực hành, được thiết kế, lắp đặt đã đảm bảo thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Các thiết bị, máy phục vụ thực tập của học sinh, được bố trí lắp đặt đạt yêu cầu về an toàn và để đảm bảo an toàn trong quá trình thao tác thực hành với các thiết bị tại xưởng, trên các thiết bị có dán bảng hướng dẫn qui trình vận hành.

Trong vận hành, khai thác sử dụng và bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ đều có nội qui xưởng thực hành cụ thể.

Các khu nhà xưởng đều có thùng rác riêng, việc thu gom rác thải và phế liệu đều được phân loại và để riêng, đảm bảo an toàn phòng chữa cháy, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường (5.9.03 - Biên bản kiểm tra phòng cháy, chữa cháy; 5.4.06 - Biên bản kiểm tra hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường của Phòng Tài nguyên - Môi trường TP Uông Bí).

HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo đều nhất trí đánh giá: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường (1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng; Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.6.05 - Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng; 5.6.06 - Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo). Việc xây dựng, thực hiện và duy trì quy trình này nhằm khai thác có hiệu quả tăng tuổi thọ sử dụng và tránh lãng phí, hạn chế những sự cố, rủi ro do máy móc, thiết bị gây ra làm ảnh hưởng đến công tác hành chính, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Các đơn vị cá nhân trong nhà trường quản lý, sử dụng đều phải áp dụng cho mọi bộ phận sử dụng máy móc, thiết bị có ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các Khoa; Trung tâm; Phòng;

Trường đơn vị chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện quy trình này;

Người được giao trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng phải tuân thủ theo quy trình này.

Trường quản lý thiết bị đào tạo theo danh mục các bị thiết bị trong đó nêu rõ xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất và quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất.

Trường đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó đã quy định rõ việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (5.6.02 - *Quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng*).

Hàng tháng, các đơn vị Phòng, Khoa trong nhà trường thực hiện bảo trì bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quy định về quản lý và sử dụng thiết bị đào tạo. Căn cứ vào đó các đơn vị đánh giá thực trạng của thiết bị đào tạo, tìm ra hướng khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả phân tích, nhận định:

Trường luôn chú trọng việc trang bị thiết bị đào tạo. Thiết bị đào tạo của nhà trường có hồ sơ quản lý rõ ràng, được lưu trữ cẩn thận và được bàn giao cho bộ phận sử dụng, hướng dẫn sử dụng, quản lý và được bảo trì bảo dưỡng đúng theo qui định. Hàng năm các bộ phận trực tiếp sử dụng thiết bị đào tạo có văn bản đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (5.6.01- *Danh mục thiết bị đào tạo của Trường*).

Trường đã xây dựng qui chế quản lý, sử dụng, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các thiết bị chính của trường, trong đó có qui trình sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các thiết bị đào tạo.

Các thiết bị đào tạo được đầu tư mới bảo đảm tính đồng bộ, đồng thời cũng đảm bảo về mặt hiện đại, đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và dịch vụ trên thị trường và đảm bảo theo danh mục thiết bị của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Các thiết bị đào tạo của Trường được theo dõi tại các khoa/bộ môn, các xưởng phòng máy, đều có hồ sơ kiểm kê hàng năm; có đủ hồ sơ quản lý các thiết bị chính cho thực hành, trong đó có chủng loại, số lượng, xuất xứ, năm, nước sản xuất.

Nhà Trường theo dõi chặt chẽ thời gian sử dụng, khấu hao tài sản, đảm bảo thiết bị sử dụng có hiệu quả, đào tạo đạt chất lượng cao.

Hàng năm, phòng Phòng Kế toán tài chính và Phòng Tổng hợp tổ chức kiểm kê tài sản, kiểm tra công tác duy tu, bảo dưỡng tài sản thiết bị, trên cơ sở đó đề xuất bảo dưỡng thiết bị hàng năm (5.7.03 - *Báo cáo kết quả kiểm kê TSCĐ năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục

vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo (5.12.01 - *Định mức tiêu hao vật tư*, 5.12.02 - *Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư*).

Trong quá trình thực hiện kế hoạch và tiến độ đào tạo, các đơn vị liên quan như Phòng Kế hoạch - Đào tạo, Phòng Tổng hợp, Phòng Tài chính - Kế toán, các Khoa đã căn cứ vào quy định để thực hiện đảm bảo kịp thời. Cụ thể, các Khoa đã lập dự trù cấp phát vật tư theo kế hoạch và tiến độ đào tạo. Căn cứ vào định mức, cán bộ phụ trách sẽ cấp phát và ghi Sổ theo dõi (5.12.03 - *Phiếu đề xuất vật tư của các khoa theo từng học kỳ*; 5.12.04 - *Sổ ghi chép cấp phát vật tư năm 2019, 2020, 2021*). Cuối năm, Phòng Tổng hợp, Phòng Tài chính - Kế toán đều có báo cáo thống kê tình hình quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo và báo cáo công tác thực hiện định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo (5.12.05 - *Báo cáo thống kê tình hình quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo năm 2019, 2020, 2021*; 5.12.06 - *Báo cáo công tác thực hiện định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo năm 2019, 2020, 2021*).

Tại kho và các xưởng thực hành vật tư, thiết bị được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Các xưởng của nhà trường được bố trí gần khu nhà làm việc nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, phòng chống mất mát thiết bị, vật tư, hàng hoá, đảm bảo các điều kiện như tránh mưa, nắng, có đầy đủ ánh sáng, chống ẩm mốc, bảo vệ cẩn thận.

Hàng năm, nhà trường thực hiện kế hoạch kiểm kê tài sản, trang thiết bị và khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện Trường (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trường có Thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 5 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có Thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có Nội quy quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa thư viện (5.13.01 - *QĐ số 34 ngày 01/8/2018 vv ban hành Nội quy phòng đọc, thời gian mở cửa thư viện*; 5.13.02 - *QĐ số 34a ngày 01/8/2018 về việc ban hành Nội quy thư viện*; 5.13.03 - *Nội quy sử dụng phòng Internet*; 5.13.04 - *QĐ số 34b về việc ban hành Nội quy sử dụng phòng Internet*).

Trường hiện đang đào tạo ở 3 cấp trình độ: 06 nghề Cao đẳng, 13 nghề Trung cấp, 18 nghề sơ cấp. Các nghề đào tạo của trường đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (1.2.01 - *Giấy chứng nhận*

đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 1.2.02 - Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN).

Tại thư viện có lưu trữ đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình 05 bản in đậm và gần 2.000 đầu sách tham khảo các chuyên ngành đảm bảo đáp ứng nhu cầu đọc nghiên cứu của CB, GV, HSSV (5.13.04 - *Danh sách giáo trình đã được nhà trường phê duyệt*; 5.13.05 - *Danh mục đầu sách thư viện*). Thư viện cũng có các địa chỉ Website để CB, GV, HSSV truy cập tra cứu tài liệu tham khảo (5.13.06 - *Danh mục các địa chỉ website tra tài liệu tham khảo*).

Trong những năm gần đây, Nhà trường tiếp tục đầu tư biên soạn giáo trình, tài liệu nội bộ; đồng thời xây dựng hệ thống sách chuyên môn để phục vụ đề phục vụ công tác tham khảo, nghiên cứu của CB, GV, HSSV (5.13.07 - *Danh mục giáo trình, tài liệu lưu hành nội bộ*; 5.1.08 - *Danh mục sách chuyên môn theo từng nghề*).

Thời gian tới, nhà Trường sẽ quan tâm đầu tư kinh phí để Thư viện hoạt động ổn định và phát triển đáp ứng nhu cầu đào tạo và nhu cầu của bạn đọc, đảm bảo điều kiện về trụ sở và vốn tài liệu theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện Trường Cao đẳng nghề Xây dựng tổ chức hoạt động theo hình thức kho đóng (5.13.02 - *Nội quy thư viện*) phục vụ nhu cầu mượn - trả cho giảng viên và sinh viên nhà trường (5.14.01- *Sổ theo dõi mượn tài liệu của học sinh sinh viên*; 5.14.02 - *Sổ theo dõi mượn tài liệu của cán bộ, giáo viên*).

Bạn đọc là giảng viên, học sinh sinh viên có thể tìm sách theo phương pháp truyền thống (5.14.03 - *Hướng dẫn tra cứu mục lục truyền thống*) và tra cứu trực tuyến OPAC (*Hướng dẫn tra cứu tài liệu OPAC*).

Hoạt động của thư viện Trường được cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đánh giá hiệu quả, phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, giáo viên và HSSV (5.14.04- *Tổng hợp số liệu điều tra của bạn đọc năm 2019, 2020, 2021*; 1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Trường có Thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có hệ thống máy tính nối mạng toàn trường và kết nối với thư viện điện tử, rất dễ sử dụng. Thư viện có 01 máy cho nhân viên phụ trách thư viện và 20 máy cho đọc giả, cùng nhiều tài sản khác như tủ, bàn, ghế, kệ...(5.15.01 - *Danh mục thiết bị tại thư viện*; 5.15.02 - *Sơ đồ mạng máy tính thư viện*).

Các địa chỉ website được cập nhật thường xuyên và niêm yết tại thư viện, phòng đọc cũng như đưa vào hệ thống tra cứu tại máy tính. Thư viện của Trường đã được trang bị phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu. Tất cả các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được mã hóa và đưa vào thư viện điện tử nhằm tạo điều kiện cho HSSV và giáo viên tham khảo (5.15.03 - *Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu*; 5.13.04 - *Danh mục tài liệu điện tử*).

Hệ thống mạng LAN, Internet của Trường hoạt động tốt và hữu dụng, đáp ứng được nhu cầu cập nhật thông tin, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu của cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên. Thư viện có nội quy đọc sách để người đọc có thể thực hiện tốt những quy định chung (5.15.05 - *Website của trường, Nội quy thư viện*).

Thư viện điện tử có cơ sở dữ liệu trên 1.000.000 đầu sách, có tích hợp công cụ tra cứu, tài khoản để người đọc có thể download về sử dụng. Các máy tính trong thư viện đều được thiết lập thành mạng LAN độc lập, có nối mạng internet, được hỗ trợ kỹ thuật của Bộ phận giáo viên tin học trong Nhà trường, đảm bảo hệ thống hoạt động đáp ứng các hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ cho hoạt động đào tạo của thư viện (5.15.06 - *Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử*).

Hiện tại Nhà trường đã thực hiện ký kết hợp đồng liên kết với các trường trong và ngoài tỉnh, trong đó có Trường Đại học Hạ Long để trao đổi thông tin, tư liệu, có đầy đủ sách với nhiều môn học. Đồng thời cũng tiến hành bổ sung tài liệu từ các nhà sách, công ty phát hành, từng bước tăng số lượng đầu sách và bản sách phục vụ nhu cầu tham khảo tài liệu cho các bạn đọc trong Nhà trường (5.15.07 - *Danh mục giáo trình của trường được số hóa*; 5.15.08 - *Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa*).

Thư viện điện tử của Trường đã và đang đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của giáo viên và HSSV; các giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo và được giáo viên và HSSV đánh giá cao (5.15.09 - *Thống kê lượng bạn đọc truy cập tra cứu tài liệu*; 1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

**** Mở đầu***

Trong thời gian 3 năm gần đây tập thể cán bộ, giáo viên nhà trường đã rất quan tâm chỉ đạo việc tổ chức cho cán bộ nghiên cứu, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

Hiện nay, theo điều lệ mẫu trường Cao đẳng có quy định công tác NCKH là một trong những nhiệm vụ của giáo viên, do đó CBCNV - GV luôn tích cực cố gắng tìm tòi nghiên cứu tài liệu nhằm tìm ra những phương pháp giảng dạy hay và hiệu quả phát huy được tính tích cực của học sinh, sáng tạo ra nhiều đồ dùng thiết bị dạy học tự làm đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy của giáo viên và học sinh.

Từ năm 2010 - 2021 nhiều cán bộ giáo viên nhà trường đã có đề tài cấp Bộ, dự án sự nghiệp Kinh tế. Các đề tài đều có tính ứng dụng thực tiễn và đã được đưa vào phục vụ công tác giảng dạy và học tập ở nhà trường.

Do trình độ giao tiếp bằng ngoại ngữ của đa số cán bộ giáo viên còn yếu, khó khăn trong giao lưu, hợp tác quốc tế nên hiện tại lĩnh vực liên kết đào tạo với các trường và tổ chức nước ngoài còn nhiều hạn chế.

** Những điểm mạnh:*

- Đội ngũ giáo viên trẻ, tích cực, năng động, sáng tạo, hăng say trong công tác nghiên cứu khoa học.

- Kết quả NCKH đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của thực tiễn. Thiết bị tự làm đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và đạt kết quả cao tại các hội thi.

** Những tồn tại:*

- Sự hưởng ứng nhiệt tình từ đội ngũ giáo viên còn hạn chế, tập trung vào một nhóm giáo viên chuyên làm nghiên cứu khoa học

- Đề tài xây dựng các mô hình học cụ phục vụ cho công tác giảng dạy còn ít, hạn chế về kinh phí.

- Công tác NCKH có sự tham gia của HSSV còn hạn chế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Trong thời gian tới nhà trường tiếp tục phát động phong trào nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm và có chế độ chính sách khuyến khích CBGV tích cực tham gia NCKH, SKKN. Đặc biệt quan tâm đến các đề tài cấp Bộ.

- Bổ sung, điều chỉnh cơ chế tài chính và chính sách phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật công nghệ của nhà trường trong giai đoạn tới.

- Xây dựng Quy chế hợp tác quốc tế. Tăng cường mở rộng tìm kiếm các mối quan hệ các đối tác quốc tế trong hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Tăng cường bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ giáo viên kịp thời đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	4
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	0

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có các văn bản quy định chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ (1.3.06 - Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021; 1.3.12 - QĐ số 778 ngày 01/11/2017 về ban hành quy chế Thi đua - Khen thưởng trường CDN Xây dựng; QĐ số 08a ngày 20/04/2021).

Năm 2019, Trường có 04 đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến; Năm 2020, Trường có 04 đề tài NCKH; Năm 2021, Trường có 05 đề tài NCKH đã được công nhận và đưa vào ứng dụng trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lý. Các đề tài NCKH cũng như các nội dung đạt giải trong các cuộc thi thiết bị đào tạo tự làm đều được nhà trường thanh toán kinh phí thực hiện và khen thưởng theo quy định (6.1.01 - Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận/Giấy khen của trường về đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021; Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận/Giấy khen của trường về đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021; Quyết định số 764 ngày 30/05/2019 của Giám đốc Sở LĐ-TB&XH tỉnh Quảng Ninh về việc tặng Giấy khen, Cờ cho các tập thể, nhóm tác giả và cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019; Quyết định số 1295 ngày 12/09/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về việc tặng bằng khen tại Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019; 6.1.02 - Danh sách luận văn thạc sỹ của nhà trường năm 2019, 2020, 2021; 6.1.03 - Danh sách đề tài NCKH của nhà trường năm 2019, 2020, 2021; 6.1.04 - Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021; 6.1.05 - Giấy đề nghị thanh toán kinh phí thực hiện các đề tài/nhiệm vụ khoa học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Hàng năm, nhà Trường triển khai tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên về công tác NCKH tại Trường để có cơ sở điều chỉnh nhằm khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia NCKH (1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, nhà Trường đều có thông báo triển khai thực hiện các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến. Các đơn vị triển khai cho cán bộ, giáo viên và nhân viên đăng ký và triển khai thực hiện đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến theo đúng tiến độ đề ra. Các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến kinh nghiệm được triển khai và nghiệm thu theo đúng quy trình, quy định. Tất cả các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến đều góp phần nâng cao, cải tiến đổi mới quá trình dạy học, công tác quản lý, phục vụ thiết thực công tác đào tạo của Trường (6.1.03 - Danh sách nhà giáo, viên chức tham gia và đề tài NCKH năm 2019; 2020; 2021; 6.1.04 - Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021; 6.1.01 - Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận/Giấy khen của trường về đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021; 6.2.01 - Biên bản họp thẩm định nghiệm thu các đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 6.2.02 - Báo cáo sơ bộ kết quả ứng dụng đề tài NCKH vào thực tiễn).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Nhà Trường luôn khuyến khích cán bộ, giáo viên, viên chức tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và viết bài cho các báo, tạp chí khoa học uy tín ở trong nước hoặc quốc tế (6.3.01 - *Danh sách và bài báo khoa học năm 2022*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2019 đến nay, cán bộ, giáo viên của Nhà trường đã thực hiện nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến tổng số 13 đề tài cấp trường. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được ứng dụng trong thực tế một cách có hiệu quả trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo hoặc trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (6.1.03 - *Danh sách đề tài NCKH của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*; 6.1.01 - *Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận/Giấy khen của trường về đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021*)

Trong đó có các đề tài “Mô hình dần trải máy điều hoà; Mô hình mạch điện 1 chiều, xoay chiều” của Khoa Điện – Điện Tử và đề tài của Khoa Cơ Khí – Xây dựng mang lại hiệu quả cao trong ứng dụng thực tiễn (mô tả rõ có được ký hợp đồng với doanh nghiệp để ứng dụng trong thực tế không) (6.2.01- *Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH có thể hiện việc ứng dụng trong thực tiễn hoạt động của trường (nằm trong hồ sơ thuyết minh khoa học)*; 6.2.02 - *Báo cáo sơ bộ kết quả ứng dụng đề tài NCKH vào thực tiễn*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà Trường không đạt được yêu cầu của tiêu chuẩn này

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6: 0 điểm

Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

**** Mở đầu***

Về công tác quản lý tài chính kế toán của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng được thực hiện theo đúng qui định của Nhà Nước và qui chế chi tiêu nội bộ của nhà Trường. Các nguồn kinh phí như kinh phí Ngân Sách nhà nước cấp, học phí của học sinh, các khoản thu từ hoạt động liên kết đào tạo... luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động phục vụ đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ giáo viên - công nhân viên. Các nguồn thu từ dịch vụ dùng chi cho hoạt động thường xuyên, mua sắm, sửa chữa ký túc xá và khấu hao cơ sở vật chất dùng cho hoạt động dịch vụ. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập dựa vào nhu cầu thực tế thông qua tình hình sử dụng kinh phí các năm trước cân đối cho phù hợp, đúng mục đích và mục tiêu phát triển của Nhà trường.

Công tác lập kế hoạch tài chính của nhà Trường đạt chuẩn theo hướng dẫn, đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính.

Công tác quản lý tài chính đảm bảo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo tính minh bạch và công khai.

**** Những điểm mạnh:***

Nhà trường thực hiện công tác tài chính kế toán theo đúng quy định, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác. Thường xuyên cập nhật đầy đủ các nghị định, thông tư hướng dẫn để áp dụng vào công tác tài chính kế toán của Trường.

Nhà trường có xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ được công bố công khai nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính cho mục tiêu đào tạo, đồng thời nâng mức thu nhập cho CBGV - CNV của trường, có sự giám sát chặt chẽ về chi tiêu của Bộ Xây dựng, Kho bạc Nhà nước và của tập thể CBGV- CNV nhà trường.

Hàng năm, phòng Kế toán – Tài chính luôn lập dự toán trình Bộ Xây dựng thẩm định, cấp kinh phí đảm bảo hoạt động dạy và học.

**** Những tồn tại:***

Kế hoạch tài chính của Nhà trường phụ thuộc vào định mức Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo. Do giá cả thị trường liên tục biến động nên việc lập dự toán về thu, chi tài chính chưa sát với giá cả của thị trường.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trên cơ sở nguồn thu học phí và nguồn ngân sách cấp hàng năm, thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ kiểm soát các nguồn chi một cách tiết kiệm để tăng thu nhập cho CBGV - CNV. Tăng cường phát triển các hoạt động dịch vụ, tạo nguồn thu đảm bảo các dịch vụ cho người học nghề.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa và sửa chữa phục vụ cho học tập và giảng dạy.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6

Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác quản lý tài chính và sử dụng kinh phí của nhà trường được thực hiện theo đúng mục đích, đúng quy định của nhà nước theo nghị định số 16/2015/NĐ - CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và Tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế được các bộ phận thảo luận đóng góp ý kiến, công khai trong Hội nghị công nhân viên chức, biểu quyết và áp dụng hàng năm; trong quá trình áp dụng có thay đổi và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế (1.3.06 - Quy chế quản lý tài chính; 7.1.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2021, 2022).

Nhà trường cũng đã xây dựng và ban hành Quy định về chứng từ thanh toán và Quy trình thủ tục mua vật tư, dụng cụ, thiết bị. (7.1.02 – Quy trình thủ tục thanh toán vật tư, dụng cụ thiết bị năm 2019, 2020).

Để đảm bảo sử dụng nguồn tài chính đúng mục đích, căn cứ vào kế hoạch đầu tư của các Phòng, Khoa và trên cơ sở phân tích tình hình thực hiện của năm trước. Phòng Tài chính - Kế toán đã tổng hợp kế hoạch phân bổ sử dụng cho công tác đào tạo, quản lý hành chính, kiến thiết cơ bản và các công tác khác được thể hiện trong dự toán đầu năm được Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt. Sử dụng các nguồn kinh phí theo đúng Quyết định cấp dự toán được duyệt hàng năm. Dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm đều được công khai trong hội nghị công nhân viên chức hàng năm theo quy định (7.1.03 - Quy chế quản lý sử dụng tài sản công năm 2019, 2020, 2021; 7.1.04 - Bộ biên bản, nghị quyết hội nghị công nhân viên chức năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có các nguồn thu học phí của học sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp tại trường. Ngoài ra, nhà trường còn mở rộng đào tạo dạy nghề tại các Trung Tâm GDNN - GDTX trên các địa bàn: Thành phố Uông Bí, Thị xã Đông Triều, Thị xã Quảng Yên, Thủy Nguyên - Hải Phòng; Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, vi tính, ngoại ngữ; liên kết với Trường Đại học Xây dựng, Đại học Kiến trúc mở các lớp Đại học hệ Vừa học Vừa làm các ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, phát

triển các dịch vụ cho người học nghề...tạo thêm nguồn thu hợp pháp, tăng cường nguồn kinh phí hoạt động cho Nhà trường (7.2.01 - Quyết định thu học phí Hệ trung cấp, cao đẳng; 7.2.02 - Các Quyết định thu học phí hệ liên thông từ năm 2020; 7.2.03 - Quy chế hoạt động của Trung tâm tư vấn xây dựng và bộ quyết toán doanh thu của Trung tâm về Trường năm 2019,2020,2021; 7.2.04 - Các hợp đồng liên kết đào tạo với trường Đại học, biên bản quyết toán kinh phí năm 2019,2020,2021; 7.2.05 - Danh mục các nguồn thu năm 2019,2020,2021; 7.2.06 - Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2019,2020,2021; 7.2.07 - Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Trường có các nguồn lực về Tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp dạy nghề Bộ xây dựng cấp kinh phí hoạt động theo Quyết định giao dự toán thu chi Ngân sách nhà nước và Quyết định phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ đào tạo (7.3.01 - Bộ Quyết định về việc Giao dự toán thu chi NSNN, phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ đào tạo của Bộ Xây dựng năm 2019, 2020, 2021)

Nhà trường đã đảm bảo định mức kinh phí chi cho đào tạo trong những năm qua và tạo nguồn phát triển cho những năm tiếp theo (; 7.2.06 - Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2019,2020,2021).

Hàng năm, Nhà trường được các cơ quan quản lý tài chính cấp trên thanh tra, kiểm toán nhà nước hàng năm có biên bản chi tiết 7.2.07 - Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 4. Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí được giao theo đúng các quy định hiện hành về quản lý tài chính, bám sát dự toán được giao để phân bổ dự toán và thực hiện các nhiệm vụ chi đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, đảm bảo đầy đủ chế độ cho công chức viên chức, học sinh sinh viên và các hoạt động của trường, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo dạy nghề đạt hiệu quả.

Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ được công khai, minh bạch, được thảo luận rộng rãi (7.1.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019,2021, 2022).

Nhà trường xây dựng dự toán thu chi hàng năm trên cơ sở thực hiện dự toán thu- chi năm trước liên kê, chỉ tiêu tuyển sinh đăng ký, quy mô sinh viên và nhu cầu chi thực tế của các bộ phận đề nghị được lãnh đạo phê duyệt (7.2.07 - Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019,2020,2021).

Nhà trường thực hiện thu học phí theo quy định; các khoản thu dịch vụ thu trên cơ sở thu- bù chi và có tích lũy (7.2.05 - Danh mục các nguồn thu năm 2019,2020,2021)

Hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính đã được mở đầy đủ, đúng quy định của chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/ TT-BTC quy định chế độ kế toán HCSN; được lưu trữ đầy đủ theo quy định luật ngân sách 2015 và được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (7.4.01 - *Sổ nguồn kinh phí, sổ kế toán các khoản thu, sổ quỹ tiền mặt năm 2019,2020,2021*; 7.2.06 - *Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2019,2020,2021*).

Hàng năm, Nhà trường được các đơn vị thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước kiểm tra và đã có biên bản kết luận (7.4.02 - *Bộ sổ sách kế toán năm 2019,2020,2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính và hàng năm được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm toán. Phòng Tài chính - Kế toán thường xuyên tự kiểm tra chứng từ hàng tháng, quý, năm và lập báo cáo tài chính theo đúng quy định. Ngoài ra, hàng ngày, tháng Phòng Tài chính - Kế toán và lãnh đạo nhà trường tiến hành kiểm tra quỹ tiền mặt, các nguồn thu chi tại đơn vị và đối chiếu số dư kinh phí với Kho bạc Nhà nước, ngân hàng (7.5.01 - *Kế hoạch, biên bản, báo cáo tự thanh tra, kiểm tra tài chính năm 2019, 2020,2021*; 7.5.02 - *Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị trong công tác tự kiểm tra tài chính năm 2019, 2020,2021*; 7.5.03 - *Bảng đối chiếu kinh phí kho bạc năm 2019,2020,2021*).

Vào giữa năm tài chính sau, Bộ Xây dựng thực hiện kiểm tra Quyết toán và toàn bộ chứng từ thu chi, sổ sách kế toán năm tài chính trước của đơn vị và ra Biên bản kiểm tra, xét duyệt Quyết toán Ngân sách. Hàng năm, nhà trường đều được thanh tra kiểm toán. Qua các đợt kiểm tra, công tác tài chính kế toán của nhà trường đều được đánh giá là lành mạnh. Đồng thời nhà trường cũng xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các Quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền (7.4.01 - *Sổ nguồn kinh phí, sổ kế toán các khoản thu, sổ quỹ tiền mặt năm 2019,2020,2021*; 7.2.07 - *Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019,2020,2021*; 7.5.04 - *Báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị viên chức năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021*; 7.1.04 - *Bộ biên bản, nghị quyết hội nghị công nhân viên chức năm 2019,2020,2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính, tăng cường việc huy động, phát triển các nguồn lực tài chính, nhà trường thực hiện công tác phân tích, đánh giá và lập dự toán tài chính hàng năm theo quy định (7.6.01 - *Báo cáo lập dự toán thu chi ngân sách năm 2019,2020,2021 và kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm tiếp theo*; 7.6.02 - *Bộ hồ sơ về kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm*

2019, 2020, 2021; 7.6.03 - Quyết định trích lập các quỹ năm 2019,2020,2021; 7.6.04 - Báo cáo, kế hoạch đề án định hướng chiến lược giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030).

Công tác đánh giá hằng năm về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính thể hiện qua báo cáo kết quả thực hiện và công văn trích lập các quỹ vào cuối năm; Bảng đối chiếu tình hình sử dụng ngân sách với kho bạc nhà nước; Biên bản kiểm tra báo cáo quyết toán tài chính hằng năm (7.6.05 - Báo cáo đánh giá hiệu quả nguồn tài chính năm 2019,2020,2021;7.2.07 - Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm, nhà trường thực hiện lấy ý kiến của đội ngũ cán bộ quản lý các phòng, ban khoa trong trường về thực hiện đánh giá các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, trong đó bao gồm đánh giá, đề xuất các công tác liên quan đến giải quyết thu, chi kinh phí tại đơn vị, kết quả cho thấy 100% cán bộ quản lý hài lòng với các hoạt động liên quan đến kế toán tài chính của đơn vị và đánh giá việc thu - chi tài chính của đơn vị đang hoạt động hiệu quả, đáp ứng kịp thời các chế độ, chính sách của sinh viên, người lao động theo đúng quy định hiện hành (1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 1 điểm.

Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

Nhằm góp phần thực hiện mục tiêu “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân”, Trường Cao đẳng nghề Xây dựng luôn xác định người học là yếu tố quan trọng, có tính quyết định chất lượng công tác đào tạo và uy tín của Nhà trường. Chính vì vậy, Trường luôn chú trọng tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống các hoạt động phục vụ, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học, đặc biệt là “Dịch vụ người học”.

Nhờ làm tốt “Dịch vụ người học” nên HS-SV của Trường được học tập, rèn luyện trong môi trường tốt, có điều kiện thuận lợi để phát triển, hoàn thiện nhân cách và năng lực cá nhân. Sau khi tốt nghiệp, các em đã nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo. Vì thế, vị thế và uy tín của Trường đối với xã hội, với ngành ngày càng được nâng cao, thương hiệu ngày càng lớn mạnh.

**** Những điểm mạnh:***

Để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho HS-SV, Nhà trường đã có những biện pháp cụ thể giúp HS-SV hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Các hoạt động của Nhà trường đều nhằm mục đích chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của HS-SV; giúp HS-SV hiểu rõ về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người học và tạo điều kiện thuận lợi cho HS-SV học tập, rèn luyện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Đồng thời HS-SV được tạo môi trường thuận lợi để tham gia các hoạt động đoàn thể và các hoạt động xã hội khác.

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, học tập đầu khoá, qua trang web của trường, quảng cáo trên báo, truyền thông đại chúng, tờ rơi, sổ tay HSSV..., qua đó nhà trường giới thiệu đến người học những

ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho người học nghề.

Nhà trường đã xây dựng được bộ quy định khen thưởng với người học có thành tích cao trong học tập, đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách cho người học. Ký túc xá của Trường được đầu tư hiện đại.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được quan tâm, nhà trường thường xuyên phối hợp với Trung tâm Y tế Phường Nam Khê để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người học trong lúc bình thường cũng như lúc ốm đau, cấp cứu.

Căng tin nhà trường sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng nhu cầu ăn uống, sinh hoạt cơ bản của người học.

** Những tồn tại:*

- Phòng Y tế chuyên biệt của Nhà trường quy mô còn nhỏ.
- Việc thực hiện điều tra vết HSSV sau khi ra trường gặp rất nhiều khó khăn.
- Các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe, khu vui chơi giải trí cho HSSV chưa được đầu tư hiện đại.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả buổi học quy chế đầu khóa.
- Tăng cường tổ chức giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	9
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đầu năm học, Phòng Kế hoạch Đào tạo phối hợp với Trung tâm Tư vấn Hướng nghiệp và Dịch vụ đào tạo tổ chức “Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho HSSV mới nhập học” nhằm phổ biến cho HSSV về các nội quy - quy chế của nhà trường, kế hoạch đào tạo, giới thiệu các Phòng, Khoa của Trường, công tác hoạt động của Đoàn Thanh niên,

HSSV được tham quan các xưởng và giới thiệu về chuyên môn của các Khoa, người học được phổ biến về quy chế đào tạo, các quy định, nội quy liên quan đến quá trình đào tạo, kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp (8.1.01 - *Kế hoạch số 685/KH-TCD ngày 30/7/2021 của Hiệu trưởng về việc tập huấn chính trị hệ cho đội ngũ nhà giáo và tổ chức tuần sinh hoạt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh năm học 2021 - 2022*; 8.1.02 - *Sổ tay học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019, 2019-2020, -2020-2021*; 2.4.01 - *QĐ của Hiệu trưởng trường CDN Xây dựng về việc ban hành quy chế đào tạo cao đẳng, trung cấp*; 2.4.02 - *Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp*; 8.1.03 - *Nội quy HS-SV trường CDN Xây dựng*; *QĐ về việc ban hành "Quy chế công tác học sinh sinh viên" tại trường Cao đẳng nghề Xây dựng*; 8.1.04 - *Hướng dẫn về chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên*).

Ngoài ra, việc phổ biến các quy chế, quy định của Nhà trường còn được Phòng Kế hoạch Đào tạo, Đoàn TN, các Khoa, GVCN phổ biến tại các buổi thi kết thúc môn/đơn/môn học, sinh hoạt tập trung, sinh hoạt lớp, thông qua các kênh hiện có của trường: website, zalo và gmail nhóm lớp, thông tin nội bộ.

Hàng năm, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng tiến hành khảo sát ý kiến của HSSV, giáo viên về việc cung cấp thông tin khi nhập học và trong quá trình học. Kết quả 100% HSSV đồng ý với việc được cung cấp đầy đủ các thông tin khi nhập học và trong quá trình học (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8:1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chế độ chính sách có liên quan đến HSSV là một nội dung rất quan trọng luôn được Nhà trường quan tâm và bảo đảm quyền lợi cho HSSV trong thời gian học tập. Nhà trường phổ biến đầy đủ cho HSSV ngay sau khi nhập học, đồng thời thường xuyên cập nhật các chính sách mới và triển khai đầy đủ, kịp thời cho HSSV. Trong quá trình thực hiện, Phòng Kế hoạch Đào tạo luôn đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn cho HSSV hoàn chỉnh các thủ tục để được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước (8.1.04 - *Hướng dẫn về chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên*; 8.2.01 - *Hồ sơ hỗ trợ chính sách nội trú khóa 53 (khóa 2020- 2022)*; *Hồ sơ hỗ trợ chính sách nội trú khóa 54 (khóa 2021- 2023)*,).

Trường luôn cập nhật những văn bản mới nhất về miễn giảm học phí cho HSSV của Nhà nước, Bộ LĐ-TB&XH, tỉnh Quảng Ninh đồng thời triển khai và hướng dẫn người học hoàn tất các thủ tục để được chi trả đúng theo quy định.

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được cân đối trong dự toán chi NSNN cho sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách và do các địa phương trực tiếp quản lý. Đảm bảo chính xác, kịp thời và đúng đối tượng. Thực hiện công bằng, công khai và dân chủ trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với HSSV.

Năm học 2021-2022, nhà trường đã xét duyệt hồ sơ của HSSV thuộc các đối tượng, con gia đình chính sách; người dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo, cận nghèo, qua đó đã miễn học phí cho lượt 07 HSSV với tổng số tiền 127.000.000 đồng.

Triển khai đầy đủ các chế độ, chính sách mà nhà trường đang áp dụng đến

HSSV, hướng dẫn người học thực hiện đầy đủ các thủ tục để được hưởng các chế độ, chính sách. Nhà trường đã thực hiện và vận dụng những chế độ, chính sách xã hội theo quy định của nhà nước, của ngành, đầy đủ và kịp thời. Công tác lưu trữ hồ sơ được quan tâm thực hiện tốt. Hằng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho HSSV thuộc các nhóm đối tượng chính sách

Song song, với thực hiện chính sách miễn, giảm học phí Nhà Trường còn thực hiện chính sách nội trú cho HSSV theo sự hướng dẫn của các văn bản như Thông tư số 12/TTLT-BLĐT-BHXH-BGDĐT-BTC hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015. Đối tượng hưởng chính sách nội trú là những HSSV như: HSSV người dân tộc thiểu số (thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, người khuyết tật), người tốt nghiệp trường Phổ thông dân tộc nội trú, người Kinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đều được Nhà Trường quan tâm, hướng dẫn làm đầy đủ hồ sơ để hưởng chính sách nội trú theo quy định Nhà nước. (8.2.02 - *Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ sinh viên hằng năm; Chi tiết quyết toán cấp bù học phí cho sinh viên theo nghị định 86/2015/NĐ-CP hằng năm; 8.2.03 - Quyết định HSSV hưởng chính sách nội trú năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Ngoài ra, nhà Trường còn thực hiện các chính sách khác như: xác nhận tạm hoãn nhập ngũ cho sinh viên cao đẳng chính quy, xác nhận là học sinh, sinh viên đang học tại trường, xác nhận để HSSV được vay vốn theo chính sách tín dụng HSSV, xác nhận HSSV con Thương binh để hưởng chính sách ưu đãi đào tạo (8.2.04 - *Sổ theo dõi xác nhận các chế độ chính sách HSSV năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Báo cáo tổng kết hàng năm của trường đều đánh giá Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định (1.6.11 - *Các báo cáo tổng kết năm học của trường 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng Kế hoạch Đào tạo đã xây dựng và trình Ban giám hiệu ký ban hành quy chế công tác HSSV (8.3.01 - *QĐ số 468a/QĐ-TCĐ ngày 01/08/2019 về ban hành Quy chế công tác HSSV; QĐ số 19/QĐ-TCĐ ngày 03/08/2021 về ban hành Quy chế công tác HSSV*).

Cuối mỗi học kỳ, năm học, nhà trường đều tổng hợp danh sách HSSV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện được đề nghị khen thưởng, thông báo cho HSSV các lớp nhằm công khai đến người học. (8.3.02 - *Quyết định khen thưởng HSSV đính kèm Danh sách học sinh, sinh viên được khen thưởng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020.2021*).

Nhà trường xét duyệt đơn xin miễn giảm học phí đối với các trường hợp học sinh thuộc diện miễn giảm học phí và các trường hợp đặc biệt khó khăn, con em thuộc diện chế độ chính sách (8.3.03 - *Đơn xin miễn giảm học phí; 8.3.04-Quyết định Hỗ trợ HSSV*) để các em yên tâm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng còn định kỳ khảo sát ý kiến của HSSV

về việc thực hiện các hướng dẫn trong việc đánh giá, xếp loại học tập và rèn luyện HSSV đang được áp dụng tại Trường. Kết quả khảo sát ý kiến: 100% HSSV hài lòng với các nội dung đánh giá, xếp loại học tập và rèn luyện (1.6.05 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường; 1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường, ngay từ đầu năm, Phòng Công tác HSSV phân công cán bộ, giáo viên đến các Trường Trung học phổ thông, trung học phổ thông dân tộc nội trú, các Trung tâm giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp dạy nghề, các trường trung học cơ sở để trực tiếp tư vấn tuyển sinh. Nội dung triển khai tuyển sinh cho học sinh về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, cơ hội việc làm, các ngành nghề và chỉ tiêu tuyển sinh trong năm, không phân biệt giới tính, tôn giáo, ở trong tỉnh hay ngoài tỉnh đều có quyền đăng ký học từ trình độ sơ cấp, trung cấp đến cao đẳng. (2.3.03 - Thông báo tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; Các tờ rơi quảng bá về tuyển sinh).

Khi HSSV nhập học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho HSSV. Trong quá trình học tập, HSSV được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường; được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về học tập, thực tập, thi tốt nghiệp, rèn luyện, về chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan đến HSSV; được xét tiếp nhận vào ký túc xá theo quy định của trường.

Để ngày càng hiểu rõ hơn tâm tư nguyện vọng của HSSV, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng khảo sát ý kiến của HSSV về việc thực hiện quyền bình đẳng của HSSV trong Nhà Trường. Kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát 100% HSSV đều rất hài lòng về việc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của HSSV trong Nhà Trường. Trong các năm qua, không có trường hợp HSSV nào phản ánh về việc ứng xử, không tôn trọng, phân biệt đối xử nam và nữ, dân tộc, tôn giáo, thành phần xuất thân trong việc thực hiện các chế độ chính sách, nội quy, quy chế của Nhà Trường (1.6.05 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường 1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ký túc xá nhà trường gồm 56 phòng với tổng diện tích 2.688 m² đáp ứng 70% nhu cầu nhà ở của học viên.

Ký túc xá nhà trường đảm bảo đủ diện tích phòng ở và các điều kiện cho người học, có đủ các trang thiết bị cho sinh viên, học sinh khi ở nội trú (8.5.01 - *Hồ sơ thiết kế nhà KTX*). Tại mỗi phòng ở của HSSV đều được trang bị đầy đủ tiện nghi như: đèn, giường, tủ ... được cung cấp điện nước đầy đủ. Ngoài ra, nhà trường cũng thường xuyên sửa chữa, tu bổ và nâng cấp các thiết bị sử dụng tại ký túc xá nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập cho các sinh viên nội trú và cung cấp nhu cầu nhà ở cho học viên xuất khẩu lao động theo đơn đặt hàng của Nhật và của CBGV – CNV. KTX có sân bóng chuyền, cầu lông để các em tập thể thao sau những giờ học tập; có nhân viên vệ sinh hàng ngày đảm bảo ký túc xá luôn sạch sẽ, đáp ứng nhu cầu ăn, ở cho sinh viên (8.5.02- *Báo cáo thông tin ký túc xá năm 2019, 2020, 2021*).

Nhà trường luôn tuân thủ các yêu cầu, quy định của Bộ LĐTBXH về Ký túc xá, đảm bảo an ninh trật tự và thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên. Hàng năm đều có báo cáo tổng kết của KTX về việc ăn ở, học tập, sinh hoạt của HSSV (8.5.03- *Báo cáo đánh giá ký túc xá năm 2019, 2020, 2021*).

Ký túc xá của nhà trường là nơi người học yên tâm về an ninh, trật tự, vệ sinh sạch sẽ, phòng ở khang trang vì vậy ký túc xá nhà trường luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các phụ huynh khi cho con em học tập tại trường, được người học đánh giá cao (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường hợp đồng với Trạm y tế Nam Khê (gần Trường với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế và thuốc) để đáp ứng kịp thời các trường hợp sơ, cấp cứu và chăm sóc ốm đau cho CBGV, CNV và HSSV, đồng thời kiểm tra chăm sóc sức khỏe định kỳ, thực hiện các dịch vụ bảo hiểm tế (8.6.01- *Hợp đồng số 1040HDTN-TCĐNXD-TTYTLK về việc tổ chức thực hiện công tác y tế trường học*).

Tại trường có 01 phòng y tế rộng 24 m² với đầy đủ thiết bị tối thiểu phục vụ công tác y tế học đường (8.6.02 - *Báo cáo thông tin địa điểm tại trường cung cấp dịch vụ y tế năm 2018, 2019, 2020*; 8.6.03 - *Danh mục thiết bị y tế*).

Trong những năm qua, công tác y tế của Trường luôn được thực hiện tốt, đóng góp tích cực vào hoạt động chung của Trường (8.6.04 - *Báo cáo đánh giá về công tác y tế trường học năm học 2020-2021*).

Nhà trường đã căng tin, bếp ăn tập thể đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của HSSV. Để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, Trường đã ký hợp đồng mua bán với Hồ kinh doanh đáp ứng yêu cầu, ký bản cam kết đảm bảo ATTP đối với cơ sở dịch vụ ăn uống, cử nhân viên phục vụ ăn uống đi tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, đồng thời ký hợp đồng với người có Chứng chỉ sơ cấp Chế biến món ăn và phục vụ chịu trách nhiệm chuyên môn của Bếp ăn (8.6.05 - *Bản cam kết đảm bảo ATTP đối với cơ sở dịch vụ ăn uống; Các Giấy chứng nhận tham gia tập huấn cập nhật kiến thức về ATTP của CB phục vụ Bếp ăn; Hợp đồng mua bán TP; Giấy chứng nhận đăng ký hộ KD; cam kết đảm bảo KD ATTP; Giấy xác nhận kiến*

thức về ATTP của Hộ KD; Chứng chỉ sơ cấp Chế biến món ăn và phục vụ của người kỹ HD với trường chịu trách nhiệm chuyên môn của Bếp ăn)

Hàng năm, Trường đều có Báo cáo đánh giá dịch vụ ăn uống của trường (8.5.06 - *Báo cáo đánh giá dịch vụ ăn uống của trường năm học 2020-2021*).

Kết quả khảo sát ý kiến của người học, cán bộ có liên quan cho thấy: 100% đồng ý đánh giá Trường có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (1.1.05 - *Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng trên cơ sở khuôn viên tổng thể mặt bằng theo qui hoạch đã được phê duyệt. Với đặc điểm diện tích rộng nên việc khảo sát, thiết kế và xây dựng các cơ sở hạ tầng như giảng đường, nhà ăn, ký túc xá, khu tập thể CBCNV - GV, xưởng thực hành thực hành, sân thể thao ... được bố trí hợp lý, không gây ảnh hưởng lẫn nhau trong cùng một thời điểm hoạt động. Do đó, có nhiều không gian cho các hoạt động thể dục thể thao của người học. Mặt khác, nhà trường còn đầu tư hệ thống loa đài, trang âm ánh sáng cho sân khấu trên hội trường lớn nên các hoạt động văn nghệ được tổ chức với quy mô hoành tráng tạo không khí sôi nổi thi đua cho người học (8.7.01- *Thông tin khu thể thao, văn hóa*).

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao luôn là những hoạt động được đông đảo mọi người quan tâm, là một mặt không thể thiếu trong hoạt động của Đoàn thanh niên nhà trường. Đối với đoàn viên thanh niên trường Cao đẳng nghề Xây dựng, cùng với nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu thì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV cũng là một trong những hoạt động được quan tâm, bởi tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao không chỉ giúp có sức khỏe tốt mà còn là sợi dây thắt chặt tinh thần đoàn kết, thân ái giữa các đoàn viên, thanh niên và giữa các chi đoàn với nhau, thư giãn về tâm lý để hoàn thành nhiệm vụ học tập được tốt nhất.

Trong năm học nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm rèn luyện sức khỏe, tạo sự gắn bó đoàn kết cho HSSV như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tổ chức các hoạt động văn nghệ, các hoạt động ngoại khóa tạo không khí vui tươi phấn khởi là động lực để sinh viên đam mê học tập (8.7.02 - *Các Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao năm 2019, 2020, 2021*; 8.7.03 - *BC kết quả tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Các hoạt động của nhà trường diễn ra được đảm bảo an ninh trật tự và thành công tốt đẹp, được HSSV hưởng ứng, nhiệt tình tham gia (8.7.04 - *Quy chế phối hợp bảo vệ ANTT với công an phường năm học 2021 - 2022, năm 2022*).

Trường được đánh giá là trường Cao đẳng có cơ sở vật chất rất tốt, khuôn viên đẹp đảm bảo an ninh trật tự để đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt của HSSV. Nhà trường luôn chú trọng công tác an ninh, trật tự đảm bảo cho HS-SV được học tập, sinh hoạt, rèn luyện an toàn trong khuôn viên Trường, được người học, người học tốt

ng nghiệp đã đi làm đánh giá cao (8.7.05 – Báo cáo kết quả xây dựng trường học ANAT đảm bảo ANTTAT cho HSSV năm 2019, 2020, 2021; 1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác, Biên bản họp tổng kết năm của các của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị thuộc trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021; 1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm cung cấp cho HSSV các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm, an tâm khi tham gia học tại trường, hàng năm, nhà trường khảo sát nhu cầu lao động ở các doanh nghiệp, kết hợp với Sở Lao động thương binh và Xã hội tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh và tư vấn việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp; giới thiệu và gửi học sinh sinh viên đến thực tập sản xuất tại các khu công nghiệp lớn, các doanh nghiệp, đồng thời nhà trường phối hợp với các doanh nghiệp, xí nghiệp trực tiếp đến giới thiệu và tuyển dụng học sinh sinh viên (8.8.01 - Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 8.8.02 - Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

Trường đã có Biên bản thỏa thuận liên kết đào tạo với 15 doanh nghiệp trong tỉnh để triển khai nhiều hoạt động trong đó có tiếp nhận học sinh đến học thực hành, thực tập, thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp (8.8.03 - Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà Trường và doanh nghiệp liên kết đào tạo nghề năm 2019 (Hiệu lực 05 năm).

Công tác tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp đạt được kết quả tốt, được người học, người học tốt nghiệp đã đi làm đánh giá cao (8.8.04 - Báo cáo thực hiện công tác tư vấn việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021; 1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong mấy năm qua, Trường thường xuyên phối hợp với Trung Tâm dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ninh tổ chức hội chợ việc làm để HSSV tiếp xúc với các nhà tuyển dụng (8.9.01 - Kế hoạch phối hợp tổ chức hội chợ việc làm với TT Dịch vụ việc làm năm 2019, 2020, 2021)

Trong các lần tổ chức, HSSV (đang học và đã tốt nghiệp) có cơ hội tiếp xúc với nhiều doanh nghiệp, tham gia phỏng vấn và nhiều em đã được tuyển dụng (8.9.02 - Danh sách đơn vị đăng ký tuyển dụng lao động tại sân giao dịch việc làm năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm Trường đều tổng kết công tác phối hợp tổ chức hội chợ việc làm, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm để nâng chất lượng công tác này cho năm sau (8.9.03 - Báo cáo kết quả tổ chức và phối hợp tổ chức hội chợ việc làm cho HSSV 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021).

Trong điều kiện cho phép, Trường cũng luôn chủ động mời các doanh nghiệp tham dự các sự kiện tập trung nhiều HSSV như Khai giảng, Bế giảng, Ngày nhà giáo Việt Nam, Ngày thành lập Đoàn, Lễ phát Bằng tốt nghiệp để giúp HSSV có điều kiện tiếp xúc, tìm hiểu về doanh nghiệp và có cơ hội tham gia phỏng vấn tuyển dụng

Công tác tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng được người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ có liên quan đánh giá rất cao (1.1.05 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

**** Mở đầu:***

Sau khi trường được nâng cấp lên Cao đẳng, Trường đã thành lập thêm phòng chức năng chuyên trách thực hiện về công tác Đảm bảo chất lượng phối kết hợp với Ban thanh tra nhân dân, Thanh tra đào tạo thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá chất lượng trong toàn trường.

Trường thực hiện lập kế hoạch hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng hàng năm theo quy định.

**** Những điểm mạnh:***

- Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Phòng chuyên trách tích cực, chủ động trong công tác lập kế hoạch thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng.

- Hàng năm, tỉ lệ người học ra trường có việc làm và làm việc tại các vị trí đúng chuyên ngành đạt tỉ lệ cao.

**** Những tồn tại:***

- Cán bộ thực hiện việc điều tra lần vết HSSV sau khi ra trường khó khăn rất.

- Trong quá trình khảo sát nhiều HSSV chưa thấy được tầm quan trọng của việc tích phiếu điều tra nên cán bộ phụ trách phải giải thích rất nhiều để các em hiểu và hợp tác tích cực, giúp nhà trường nâng cao được chất lượng giảng dạy.

- Do sự thay đổi liên tục của khoa học công nghệ nên các giáo viên hàng năm phải tích cực tới doanh nghiệp để học tập nâng cao kỹ năng, tay nghề.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

- Cần có kế hoạch cụ thể việc phối kết hợp với doanh nghiệp từ khâu đáp ứng nhu cầu lao động để tập trung đào tạo nhân lực, xây dựng chương trình đào tạo, đến kết hợp với doanh nghiệp trong việc đánh giá người học và mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp sau khi làm việc tại doanh nghiệp.

- Mở rộng quy mô và đa dạng hoá phương thức đào tạo.

- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để cùng chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác trong lĩnh vực dạy nghề; hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	4 điểm
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường giữ mối liên hệ mật thiết đối với các đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt đối với các đơn vị có HSSV nhà trường tham gia thực hành, thực tập sản xuất. Mặt khác thông qua báo cáo đánh giá kết quả học tập của giáo viên/giảng viên hướng dẫn HSSV tại cơ sở có sự tham gia đánh giá của đơn vị sử dụng lao động. Nhà trường có biện pháp điều chỉnh hoạt động đào tạo linh hoạt cho phù hợp với tình hình học tập cũng như sản xuất của doanh nghiệp.

Hàng năm trường tiến hành khảo sát 10 doanh nghiệp trên địa bàn và lân cận để khảo sát thông tin việc làm và mức độ đáp ứng của học sinh tốt nghiệp của nhà trường.

Kết quả khảo sát cho thấy, HSSV khi tốt nghiệp ra trường cơ bản đáp ứng được các vị trí việc làm của doanh nghiệp hay các đơn vị tuyển dụng, cụ thể:

Năm 2019: Khảo sát 10 doanh nghiệp, tỷ lệ hài lòng đạt: 90%

Năm 2020: Khảo sát 10 doanh nghiệp, tỷ lệ hài lòng đạt: 91,18%

Năm 2021: Khảo sát 10 doanh nghiệp, tỷ lệ hài lòng đạt: 92,94%

(9.1.01- Danh sách ĐVSLDLĐ năm 2019,2020,2021; 1.1.05 - Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của trường; phiếu khảo sát; bảng tổng hợp kết quả; báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, hàng năm nhà trường đều tiến hành thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, phân công công việc cho nhà giáo, viên chức và người lao động.

Hàng năm, nhà trường lập kế hoạch lấy ý kiến của đội ngũ cán bộ, nhà giáo. Trên cơ sở các ý kiến thu thập được, nhà trường tiến hành thống nhất, điều chỉnh và có chính sách thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Mục đích nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo của nhà trường.

Kết quả khảo cụ thể như sau:

- + Năm 2019: số phiếu phát ra/thu về: 50/77; tỷ lệ hài lòng đạt: 96% (48/50)
- + Năm 2020: số phiếu phát ra/thu về: 56/80; tỷ lệ hài lòng đạt: 96,4% (54/56)
- + Năm 2021: số phiếu phát ra/thu về: 62/91; tỷ lệ hài lòng đạt: 98,4% (61/62)

(3.3.01-Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 9.2.01- Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của Trường được khảo sát về chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; 1.1.05 - Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của trường; phiếu khảo sát; bảng tổng hợp kết quả; báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường có kế hoạch thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện

chính sách liên quan đến người học.

Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Năm 2018-2019: khảo sát 331/348 người học

1. Cấp thoát nước: 87/213;
2. Điện dân dụng: 79/228
3. Điện công nghiệp: 98/154
4. KTXD: 35/48
5. Hàn: 17/35
6. Trắc địa CT: 19/37
7. Cốt thép - Hàn: 13/37

* Tỷ lệ hài lòng trung bình các nghề đạt 89,1% (295/331)

Năm 2019-2020: khảo sát 385/397 người học

1. Cấp thoát nước: 66/218;
2. Điện dân dụng: 94/183
3. Điện công nghiệp: 81/118
4. KTXD: 23/66
5. Hàn: 45/77
6. Trắc địa CT: 60/108
7. Cốt thép - Hàn: 22/41

* Tỷ lệ hài lòng trung bình các nghề đạt 90,4% (348/385)

Năm 2020-2021: khảo sát 451/460 người học

1. Cấp thoát nước: 70/204;
2. Điện dân dụng: 103/270
3. Điện công nghiệp: 108/176
4. KTXD: 13/35
5. Hàn: 56/128
6. Trắc địa CT: 60/150
7. Cốt thép - Hàn: 45/84

* Tỷ lệ hài lòng trung bình các nghề đạt 89,8% (405/451)

Kết quả cho thấy trên 30% người học các ngành nghề hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

(9.3.01- *Danh sách HSSV đang học tại trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*; 9.3.02- *Danh sách học sinh sinh viên được thu thập ý kiến năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021* 1.1.05 - *Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của trường; phiếu khảo sát; bảng tổng hợp kết quả; báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ các Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN; số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của cơ sở GDNN và Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục GDNN V/v hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

Tự đánh giá là cơ sở để trường cải tiến chất lượng, đồng thời thể hiện tính tự chủ và chịu trách nhiệm của trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường. Do đó hàng năm nhà trường duy trì thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng (9.4.02- *Các Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019,2020, 2021*)
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng (9.4.01- *Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm học 2019,2020,2021*)
- Họp triển khai kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng (9.4.05- *Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng + Biên bản họp thông qua báo cáo TĐG năm 2019,2020,2021*).
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

(9.4.05- <http://www.....edu.vn>)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng Đảm bảo chất lượng được nhà trường giao nhiệm vụ tham mưu với Ban giám hiệu thực hiện các hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định của nhà nước. Hàng năm, phòng Đảm bảo chất lượng có trách nhiệm lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng, tiến hành tự đánh giá chất lượng, lập báo cáo và trình Hiệu trưởng. Đề xuất, tham mưu với Ban giám hiệu về các biện pháp thực hiện để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả thu được qua quá trình tự đánh giá chất lượng (9.5.01- *Kế hoạch khắc phục các tiêu chuẩn không đạt trong các tiêu chí tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2019, 2020,2021*).

Trên cơ sở kế hoạch đó, Phòng Đảm bảo chất lượng theo dõi, đôn đốc các bộ phận và cá nhân thực hiện theo kế hoạch đề ra; tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện việc khắc phục và cải tiến nâng cao chất lượng với Hội đồng bảo đảm chất lượng và Ban giám hiệu nhà trường (9.5.02 - *Báo cáo thực hiện khắc phục các tiêu chuẩn không đạt năm 2019, 2020,2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã tiến hành triển khai các hoạt động khảo sát và đánh giá tình hình việc làm của người học và đang từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về người học của trường, nhằm thu nhận những phản hồi của xã hội đối với sản phẩm đào tạo của mình. Nhà trường đã tổ chức các hoạt động giao lưu, tư vấn, hỗ trợ việc làm giữa người học và các nhà sử dụng lao động nhằm tăng tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành, nghề được đào tạo sau khi tốt nghiệp.

Hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm được nhà trường coi trọng và giao nhiệm vụ cho Trung tâm tuyển sinh và hợp tác với các doanh nghiệp thực hiện.

Hàng năm, Trung tâm tuyển sinh duy trì khảo sát tình hình việc làm của học sinh sinh viên sau tốt nghiệp, đối tượng khảo sát là học sinh sinh viên tốt nghiệp sau 6 tháng tính đến thời điểm khảo sát.

Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

+ Năm 2018: số phản hồi/khảo sát: 165/228; tỷ lệ có việc làm: 93,3% (154/165); tỷ lệ có việc làm phù hợp chuyên ngành: 82,4% (154/165).

+ Năm 2019: số phản hồi/khảo sát: 238/434; tỷ lệ có việc làm: phù hợp:94,12% (224/238); có việc làm phù hợp chuyên ngành: 81,51% (194/238).

+ Năm 2020: số phản hồi/khảo sát: 189/340; tỷ lệ có việc làm: 93,12 (176/189); có việc làm phù hợp chuyên ngành: 82,54% (156/189).

Kết quả cho thấy: Qua các năm, tỷ lệ học sinh có việc làm phù hợp đều đạt trên 80%

(2.14.06- Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018,2019,2020 kèm danh sách;
9.6.01- *Danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2018,2019,2020 (sau 6 tháng) được khảo sát*; 9.6.02- *Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của trường; phiếu khảo sát; bảng tổng hợp kết quả; báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2018-2019, 2019- 2020, 2020 - 2021).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 1 điểm

Phần III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học:

*** Đội ngũ giáo viên và CBQL:**

Trong thời gian tới Nhà trường tiếp tục đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cập nhật kiến thức và phương pháp đào tạo hiện đại. Hướng đến trong năm tới phải tổ chức các chuyến tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm đào tạo với các đối tác đào tạo ở nước ngoài.

- Hằng năm, tổ chức các lớp để giáo viên có thể tham gia học tập nâng cao kỹ năng nghề.

- Tiếp tục cử các giáo viên đi học tập nâng cao kỹ năng tay nghề.

- Tích cực, chủ động tham gia xây dựng các thiết bị dạy học tự làm phù hợp với điều kiện giảng dạy tạo hứng thú cho người học.

- Lấy người học làm trung tâm, lắng nghe các ý kiến phản hồi của người học.

- Tuyên truyền giúp người học nhận thức rõ hơn và say mê yêu nghề đã chọn.

- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo ngoại ngữ Tiếng Anh trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường để nhanh chóng hội nhập với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ.

- Cử CBGV tham gia các hội thảo nghiên cứu khoa học trong nước, tổ chức các hội thảo nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học bằng các hình thức khuyến khích về vật chất và tinh thần để giáo viên tham gia tích cực vào công tác nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và trao đổi phương pháp giảng dạy trong từng bộ phận thường xuyên.

- Tổ chức các khoá bồi dưỡng cho các giáo viên đến thực tập tại các doanh nghiệp để có thể bổ sung tiến bộ của KH-KT vào chương trình đào tạo và trong các bài giảng.

*** Chương trình, giáo trình đào tạo:**

- Trong năm tới, nhà trường sẽ tiếp tục tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, giáo viên, học sinh sinh viên về tính hợp lý của chương trình đào tạo mới được xây dựng. Từ đó sẽ định ra hướng điều chỉnh cho phù hợp.

- Hàng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện đáp ứng với nhu cầu lao động của xã hội, luôn đổi mới về khoa học công nghệ, trang thiết bị máy móc phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

- Tiếp tục tổ chức biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của nhà trường.

- Hoàn thiện hồ sơ đăng ký đào tạo liên thông, chương trình đào tạo liên thông cho những ngành, nghề trường đào tạo liên thông.

*** Cơ sở vật chất:**

- Trong giai đoạn 2020 - 2025 đẩy mạnh việc xây dựng Nhà trường trên cơ sở quy hoạch tổng thể được Bộ Xây dựng phê duyệt để đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch sắp xếp và sửa chữa lại các phòng học thực hành trong thời gian tới, trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho nghề mà nhà trường đang đào tạo.

- Huy động sự tham gia của các doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội để tận dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của doanh nghiệp, đồng thời kết hợp đào tạo kiến thức và kỹ năng cơ bản tại cơ sở đào tạo với đào tạo kỹ năng nghề nghiệp tại cơ sở sản xuất.

- Xây dựng Thư viện với quy mô theo quy hoạch chung của Trường.

- Đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại, bổ sung thêm tài liệu, sách báo và giáo trình chuyên môn.

- Mở rộng dịch vụ phục vụ người học trong việc tra cứu, nhân bản tài liệu;

*** Hợp tác quốc tế và NCKH:**

- Xây dựng Quy chế hợp tác quốc tế. Tăng cường mở rộng tìm kiếm các mối quan hệ các đối tác quốc tế trong hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Tăng cường bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ giáo viên kịp thời đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

- Cần đổi mới tư duy về dạy nghề; tiếp tục mở rộng quy mô và đa dạng hóa các loại hình đào tạo

- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về lĩnh vực dạy nghề như chính sách dạy nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số, người nghèo, phụ nữ, người tàn tật.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác xã hội hóa đào tạo nghề; mở rộng quan hệ quốc tế đa phương và song phương, nối mạng với một số nước khu vực .

- Trong thời gian tới nhà trường tiếp tục phát động phong trào nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm và có chế độ chính sách khuyến khích CBGV tích cực tham gia NCKH, SKKN. Đặc biệt quan tâm đến các đề tài cấp Bộ.

- Bổ sung, điều chỉnh cơ chế tài chính và chính sách phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật công nghệ của nhà trường trong giai đoạn tới.

*** Xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng**

- Thực hiện Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 Quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, quyết định thành lập hội đồng tư vấn Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng.

Trường đã thực hiện đúng quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá và cải thiện hệ thống đảm bảo chất lượng. Hoàn thiện tổ chức và nhân sự bảo đảm chất lượng, Hiệu trưởng là người đứng đầu đã phân công đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng của nhà trường:

- Nhà trường có phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng là đơn vị chủ trì và thực hiện nội dung đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch chi tiết Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng trường giai đoạn 2018-2020.

- Tổ chức tập huấn Bồi dưỡng kiến thức cơ bản về ĐBCL trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp vào tháng 3 năm 2019.

- Ban hành chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng của Nhà trường và từng đơn vị trong tháng 5, 6/2020.

- Ban hành sổ tay chất lượng của Nhà trường.

- Tháng 8/2020 Nhà trường đã chính thức đưa Hệ thống đảm bảo chất lượng vào vận hành.

Phần IV

ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

1. Đề xuất

*** Đối với cơ quan cấp trên:**

- Nhà trường gặp nhiều khó khăn về kinh phí thực hiện tự đánh giá chất lượng và đảm bảo chất lượng. Đề nghị được Tổng cục GDNN đề xuất Bộ chủ quản bố trí kinh phí cho việc thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Nhà nước cần ban hành sớm chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể để khuyến khích các cơ sở GDNN đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.
- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác tự đánh giá chất lượng và đánh giá ngoài cho cán bộ, giáo viên.
- Tăng cường nguồn lực cho trường trong đầu tư về vật tư, trang thiết bị đào tạo tiên tiến, hiện đại. Đảm bảo về số lượng, cơ cấu.

*** Đối với Sở Lao động – Thương binh & Xã hội tỉnh Quảng Ninh**

Tìm kiếm cơ hội và giới thiệu cho Nhà trường thường xuyên tham gia các Hội chợ việc làm; nhằm tìm kiếm thị trường lao động cho người học sau khi tốt nghiệp, từ đó khuyến khích nhu cầu tuyển sinh đầu vào cho người học.

2. Khuyến nghị

Các cơ quan cấp trên quan tâm, tạo điều kiện tổ chức các lớp tập huấn về công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đặc biệt, sau khi Bộ lao động – Thương binh và xã hội ban hành Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 Quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 712/QĐ-TCĐ

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
V/v thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng nghề Xây dựng năm 2021.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phòng, Khoa, Trung tâm, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT; P.KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Thị Hoài

DANH SÁCH

HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 712/QĐ-TCD ngày 09/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phân công nhiệm vụ
1.	Bà: Nguyễn Thị Hoài	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Ông: Vũ Xuân Quyên	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3.	Bà: Lê Thị Thúy	Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thư ký
4.	Bà: Phạm Thanh Hải	Trưởng phòng KH - ĐT	Thành viên
5.	Bà: Nguyễn Thị Nhân	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
6.	Ông: Nguyễn Như Minh	Chủ tịch Công đoàn Trưởng phòng Tổng hợp	Thành viên
7.	Bà: Lý Thị Thu Hiền	Giám đốc Trung tâm tư vấn HN và Dịch vụ đào tạo	Thành viên
8.	Ông: Vương Thế Anh	Trưởng khoa Cơ Khí – Xây dựng	Thành viên
9.	Ông: Đinh Thành Hưng	Trưởng khoa Xây dựng Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
10.	Bà: Vũ Thị Thơ	Trưởng khoa Điện – Điện Tử	Thành viên
11.	Bà: Đoàn Thị Huệ	Phó khoa Cơ bản	Thành viên
12.	Ông: Lê Viết Mạnh	Công ty TNHH Kiến trúc và tư vấn Xây dựng số 1	Thành viên
13.	Ông: Nguyễn Thành Công	Giám đốc Trung tâm TV và XD	Thành viên

Số: 700/KH-TCĐ-ĐBCL

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 8 năm 2021

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2021**

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình tự đánh giá chất lượng;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019”;

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng chỉ đạo xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của nhà trường năm 2021, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh sinh viên trong toàn Trường về tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn Trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường.

- Đánh giá các hoạt động của Trường thông qua các minh chứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Lao động – Thương binh Xã hội ban hành để chỉ ra mặt mạnh, mặt còn hạn chế. Từ đó, xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp đề ra.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường Cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai

đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

- Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường Trung cấp, Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Áp dụng phương pháp thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng;

- Áp dụng biểu mẫu báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2018 theo Phụ lục 04 Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình tự đánh giá chất lượng;

- Sử dụng “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, trường Cao đẳng năm 2019” Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

- Đánh giá, cải tiến các quy trình đảm bảo chất lượng.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện Tự đánh giá chất lượng được quy định tại Mục 2 Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình tự đánh giá chất lượng, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng;

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng;

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi về Sở Lao động TB và XH; Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục GDNN.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với các Phòng, Khoa, Trung tâm

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng của đơn vị mình theo tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công, trình Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhà trường thông qua;

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường Trung cấp, Cao đẳng (Kèm theo công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019). Phối hợp với đơn vị liên quan, bổ sung đủ danh mục minh chứng đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn;

- Đánh giá, nhận xét mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định có liên quan, phân tích rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng của đơn vị;

- Quản lý và duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị;

- Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng các tiêu chí được phân công của đơn vị và gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường đúng thời hạn quy định.

4.2. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Hiệu trưởng nhà trường Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021. Hội đồng có nhiệm vụ:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;

+ Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện tự đánh giá chất lượng theo các tiêu chí được phân công và viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của đơn vị;

+ Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trong Trường;

+ Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

+ Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

+ Đối chiếu với “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019” của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

+ Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường, gửi các đơn vị để lấy ý kiến;

+ Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường.

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ nhà trường và gửi báo cáo về Sở LĐ-TBXH; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đúng thời hạn quy định.

5. Phân công các đơn vị phụ trách thực hiện theo tiêu chí và tiêu chuẩn

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Công việc
I	Nội dung báo cáo - Phần I: Giới thiệu về cơ sở giáo dục nghề nghiệp; - Phần II: Kết quả tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Mục 1 và mục 2.	Phòng KT & ĐBCL	Phòng Tổng hợp Phòng KH - ĐT	Viết báo cáo
II	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý			- Thực hiện việc rà soát, cập nhật bổ sung minh chứng (MC) của từng tiêu chuẩn trong mỗi tiêu chí. - So sánh và đối chiếu các MC để ghi vào bảng mã minh chứng.
1.	Tiêu chuẩn 1, 3, 4, 5, 6, 12	Phòng Tổng hợp	Phòng KT & ĐBCL	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng KH-ĐT	Phòng Tổng hợp	
3.	Tiêu chuẩn 7, 8, 11	Phòng KT & ĐBCL	Phòng Tổng hợp	
4.	Tiêu chuẩn 9	Đảng bộ	Phòng KT & ĐBCL	
5.	Tiêu chuẩn 10	Công đoàn, Đoàn TN	Phòng KT & ĐBCL	
III	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo			
1.	Tiêu chuẩn 1, 4, 5, 7, 9, 14, 16, 17	Phòng KH-ĐT	Khoa CM	
2.	Tiêu chuẩn 2, 3	TT Tư vấn HN và DVĐT	Phòng KH-ĐT	
3.	Tiêu chuẩn 6, 8	Khoa	Phòng KH-ĐT Phòng KT & ĐBCL	
4.	Tiêu chuẩn 10, 11, 12, 13, 15	Phòng KT & ĐBCL	Phòng KH-ĐT	
IV	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động			- Viết mô tả tiêu chuẩn, cập nhật minh chứng theo mẫu 01, 02: + Đúng nội hàm. + Phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân + Đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị - Gửi hội đồng tự đánh giá.
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15	Phòng Tổng hợp	Phòng KH-ĐT	
2.	Tiêu chuẩn 5, 9, 10	Phòng KH-ĐT	Phòng Tổng hợp	
3.	Tiêu chuẩn 6	Khoa CM	Phòng KH-ĐT Phòng Tổng hợp	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Công việc
VI	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình			
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 14, 15	Phòng KH-ĐT	Khoa CM	
2.	Tiêu chuẩn 11, 12, 13	Khoa CM	Phòng KH-ĐT	
VI I	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện			
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10	Phòng Tổng hợp	Khoa CM	
2.	Tiêu chuẩn 8, 9, 11	Khoa CM	Phòng Tổng hợp	
3.	Tiêu chuẩn 12	Phòng TC –KT	Khoa CM	
4.	Tiêu chuẩn 13, 14, 15	Phòng KH-ĐT	Khoa CM	
VI II	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác			
1.	Tiêu chuẩn 1, 3, 5	Phòng KT&ĐBCL	Phòng Tổng hợp Phòng KH-ĐT	
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng KH-ĐT	Khoa CM	
3.	Tiêu chuẩn 4	Khoa CM		
IX	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	Phòng TC-KT		
X	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học			
1.	Tiêu chuẩn 4	Khoa	Phòng KH-ĐT	
2.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Phòng KH-ĐT	Khoa CM Phòng Tổng hợp	
3.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tổng hợp		
4.	Tiêu chuẩn 7	Đoàn TN	Phòng Tổng hợp Công đoàn	
5.	Tiêu chuẩn 5, 8, 9	TT Tư vấn HN và DVĐT	Phòng Tổng hợp	
XI	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	Phòng KT&ĐBCL		

Ghi chú:

- KH-ĐT: Kế hoạch – Đào tạo;
- TT Tư vấn HN và DVĐT: Trung tâm tư vấn hướng nghiệp và dịch vụ đào tạo;

- KT & ĐBCL: Khảo thí và đảm bảo chất lượng;
- TN: Thanh Niên;
- Khoa CM: Khoa Điện – Điện tử; Khoa Cơ khí – Xây dựng; Khoa Xây dựng; Các khoa thu thập minh chứng theo nghề đào tạo của Khoa quản lý;
- TC - KT: Tài chính - Kế toán.

6. Nội dung công việc - thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 01/8/2021 đến 13/8/2021	Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng, trình ký Hiệu trưởng	Phòng KT & ĐBCL
Từ 16/8/2021 đến 20/11/2021	- Thu thập, phân tích, xử lý thông tin, minh chứng - Đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn. Viết báo cáo theo Phụ lục 01, 02	Các đơn vị được phân công
Từ 19/11/2021 đến 26/11/2021	Các đơn vị gửi bản điện tử nội dung được phân công theo mẫu về Phòng KT&ĐBCL.	Các đơn vị được phân công
Từ 29/11/2021 đến 03/12/2021	Tổng hợp báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN	Phòng KT & ĐBCL
Từ 06/12/2021 đến 09/12/2021	Lấy ý kiến các đơn vị liên quan	Phòng KT & ĐBCL
Từ 10/12/2021 đến 13/12/2021	Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng	Hội đồng đánh giá, Phòng KT & ĐBCL
Từ 14/12/2021 đến 20/12/2021	Hoàn thành báo cáo tự đánh giá của trường, công khai kết quả tự đánh giá và gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - TB và xã hội.	Phòng KT & ĐBCL

Yêu cầu chung:

- Báo cáo kết quả tự đánh giá được trình bày trên giấy A4, cỡ chữ 13; Căn đều hai bên.
- Định lề: Lề trái: 3cm; Lề phải: 1.5cm; ; Lề trên: 2cm; Lề dưới: 2cm
- Cách dòng 1.0 (single); Before 6pt; after 0pt.

7. Triển khai thực hiện

Căn cứ vào “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, trường Cao đẳng, kết hợp báo cáo tự đánh giá của các đơn vị năm 2019. Đề nghị trưởng các đơn vị rà soát, phân công công việc cụ thể đảm bảo đúng tiến độ.

Các đơn vị chủ động phối kết hợp, tạo điều kiện cung cấp đầy đủ thông tin để thực hiện báo cáo và xây dựng minh chứng.

Hội đồng và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch.

Bản điện tử báo cáo Tự đánh giá của các đơn vị gửi về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng qua email phongktvdbclcdxd@gmail.com.

Yêu cầu các Phòng, Khoa, Trung tâm, đoàn thể trong nhà trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- Các HT; PHT;
- Các phòng, khoa, trung tâm;
- Công Đoàn, Đoàn TN;
- Lưu: VT, P.KT&ĐBCL

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

ThS. Nguyễn Thị Hoài

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
-1	-2	-3	-4	-5	-6
1	1	1	1.1.01		Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề Xây dựng 2018-2023; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐN Xây dựng năm 2018, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐN Xây dựng năm 2019; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐN Xây dựng năm 2021
2			1.1.02		Quyết định số 76/QĐ-BXD ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
3				1.1.03	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Kế hoạch của Công đoàn Xây dựng Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020, 2021 - 2022, trong đó có nhu cầu sử dụng nhân lực đối với các nghề Trường đào tạo.
4			1.1.04		http://caodangnghexaydung.edu.vn/Tintuc.aspx?page=gioithieuchung&idtintuc=362&madonvi=0
5				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
6	1	2	1.2.01		Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
7			1.2.02		Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực 2017; Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
8				1.1.03	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Kế hoạch của Công đoàn Xây dựng Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020, 2021 - 2022, trong đó có nhu cầu sử dụng nhân lực đối với các nghề Trường đào tạo.
9	1	3		1.3.01	Quyết định số 884/QĐ- LĐTBXH ngày 25/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
10			1.3.02		Quyết định thành lập các Phòng, khoa, đơn vị trực thuộc Trường
11			1.3.03		Quyết định số 230/QĐ-TCĐ ngày 30/12/2018 của Hiệu trưởng Trường CĐN XD về việc ban hành Quy định về tổ chức và quản lý của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
12			1.3.04		Quy chế Chi tiêu nội bộ năm 2019, 2021; Quy chế quản lý tài chính năm 2019, 2021; Các quy chế khác
13				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
14	1	4	1.4.01		Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường ban hành trong năm 2018
15			1.4.02		Báo cáo Kết quả rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý thực hiện trong năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021
16			1.4.03		Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường được rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, ban hành mới trong năm 2019, 2020, 2021.
17	1	5		1.1.01	Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng năm 2019, 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
18			1.5.01		Quyết định thành lập các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường
19			1.5.02		Quy chế tổ chức và hoạt động; Quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc trường
20				1.2.01	Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
21			1.5.05		Báo cáo tổng kết công tác của các của các khoa, phòng, bộ môn và các đơn vị thuộc trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
22	1	6	1.6.01		Quyết định số 421/QĐ-BXD ngày 14/4/2021 của Bộ Xây dựng về việc thành lập Hội đồng trường Cao đẳng nghề Xây dựng nhiệm kỳ 2020-2021
23			1.6.02		Quyết định số 422 ngày 14/4/2021 của Bộ Xây dựng về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nhiệm kỳ 2021-2026
24			1.6.03		Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng trường năm 2021
25			1.6.04		Các Quyết định thành lập hội đồng tư vấn
26				1.3.02	Quyết định thành lập các Phòng, khoa, đơn vị trực thuộc Trường
27				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác, Biên bản họp tổng kết năm của các của các phòng. khoa, bộ môn và các đơn vị thuộc trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
28			1.6.05		Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
29			1.6.06		Quyết định khen thưởng và Danh sách khen thưởng tập thể, cá nhân các năm 2019, 2020, 2021
30	1	7	1.7.01		Kế hoạch tổng thể về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng giai đoạn 2018 – 2023

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
31			1.7.02		QĐ số 08/QĐ-TCĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 Ban hành Chính sách chất lượng Trường CDN Xây dựng giai đoạn 2018-2022
32			1.7.03		QĐ số 566a/QĐ-CDN ngày 07/09/2018 Ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2018-2019; QĐ số 13/QĐ-TCĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 Ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2019-2020; QĐ số 675a/QĐ-CDN ngày 09/09/2020 Ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2020-2021; QĐ số 830a/QĐ-CDN ngày 09/09/2021 Ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng năm học 2021-2022;
33			1.7.04		QĐ số 5218/QĐ-TCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi Trường
34			1.7.05		QĐ số 03/QĐ-TCĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Hệ thống ĐBCL giai đoạn 2018 - 2023
35			1.7.06		Hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng
36			1.7.07		QĐ số 32a /QĐ-TCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 Ban hành hệ thống quy trình đảm bảo chất lượng trường CDN Xây dựng năm 2018
37			1.7.08		Quy định số 32a/QĐ-TCĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 quy định về việc sử dụng Quy trình, Công cụ bảo đảm chất lượng
38			1.7.09		QĐ số 04a/QĐ-TCĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 quy định về Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường
39			1.7.10		QĐ số 18a/QĐ-TCĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng của Trường
40			1.7.11		QĐ số 32/QĐ-TCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 ban hành Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
41			1.7.12		QĐ số 32b/QĐ-TCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 ban hành Sổ tay bảo đảm chất lượng của Trường
42			1.7.13		QĐ số 304/QĐ-TCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc phân quyền truy cập Hệ thống thông tin BĐCL theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra QĐ quản lý, điều hành các hoạt động BĐCL
43			1.7.14		Báo cáo số 920/HTBĐCL-TCĐ ngày 22 tháng 12 năm 2019 Báo cáo Hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2019; Báo cáo số 1025/HTBĐCL-TCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 Báo cáo Hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2020; Báo cáo số 1225/HTBĐCL-TCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2021 Báo cáo Hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2021.
44				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
45	1	8		1.8.01	Quyết định số: 04d/QĐ-TCĐ ngày 02/1/2018 Của Hiệu trưởng Trường CĐN Xây dựng về việc thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
46				1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
47			1.8.02		Báo cáo tổng kết công tác Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
48			1.8.03		Biên bản bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
49				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
50	1	9	1.9.01		Quyết định số 1145/QĐ-TU ngày 22/05/2020 về việc chuẩn y kết quả bầu cử Đại hội Đảng bộ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng khóa VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
51			1.9.02		Nghị quyết của các Đảng bộ Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
52			1.9.03		Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020
53			1.9.04		Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ Trường
54			1.9.05		Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Đảng bộ trường 2019, 2020, 2021
55				1.6.11	Báo cáo tổng kết công tác của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
56			1.9.06		Các QĐ Đánh giá xếp loại chất lượng đối với tổ chức cơ sở Đảng năm 2019, 2020, 2021 (Đảng bộ Trường Hoàn thành tốt nhiệm vụ)
57	1	10	1.10.01		Quyết định số.740/QĐ-CDXD ngày .31/10/2021 về công nhận kết quả bầu cử BCH, CT, PCT, Ban Kiểm tra, Chủ nhiệm UBKT Công đoàn Trường Cao đẳng nghề Xây dựng nhiệm kỳ 2017 - 2022
58			1.10.02		Kế hoạch công tác của CĐ Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
59			1.10.03		Quyết định số 26-QĐ/TĐ-UB ngày 12/3/02019 về việc công nhận Ban chấp hành và chuẩn y các chức danh Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
60			1.10.04		Quy chế hoạt động của Đoàn trường
61			1.10.05		Kế hoạch, chương trình công tác của Đoàn TNCSHCM năm 2019, 2020, 2021
62			1.10.06		Hình ảnh hoạt động của Đoàn TN năm 2019, 2020, 2021
63			1.10.07		Điều lệ Công đoàn Việt Nam 30/7/2013, sửa đổi, bổ sung 03/2/2020; Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
64				1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Trường
65			1.10.08		Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Công đoàn, Đoàn TNCS, Ban nữ công năm 2019, 2020, 2021
66				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
67			1.10.09		Các chứng nhận CĐCS vững mạnh; Các chứng nhận Đoàn TNCSHCM vững mạnh xuất sắc năm 2019, 2020, 2021
68	1	11	1.11.01		Quyết định về việc ban hành quy định kiểm tra giám sát
69			1.11.02		QĐ thành lập ban kiểm tra, giám sát hoạt động trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
70			1.11.03		Kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
71			1.11.04		Các biên bản kiểm tra, giám sát năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
72			1.11.05		Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
73			1.11.06		Báo cáo kết quả rà soát phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
74			1.11.07		Các Báo cáo Nội dung cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
75				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
76	1	12		1.3.06	Quy chế Chi tiêu nội bộ năm 2019, 2021; Quy chế quản lý tài chính năm 2019, 2021;
77			1.12.01		Bảng thanh toán lương hàng tháng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 Danh sách CB, GV, CNV đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2019, 2020, 2021
78			1.12.02		Danh sách chế độ nghỉ phép của cán CBGV CNV năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
79			1.12.03		Danh sách nhà giáo được hỗ trợ đi đường cho giảng dạy cơ sở ngoài trường năm 2019, 2020, 2021
80			1.12.04		QĐ số.../QĐ-TCĐ ngày 02/01/2019 của HT Trường CĐN về việc chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với nhà giáo
81			1.12.05		Danh sách chi phụ cấp ưu đãi cho GV giảng dạy các môn độc hại nguy hiểm năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
82			1.12.06		Kế hoạch Tổ chức các hoạt động của Ban nữ công năm 2019, 2020, 2021
83			1.12.07		Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường; Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản của CĐ Trường năm 2017
84			1.12.08		Quyết định Thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ
85				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
86	2	1	2.1.01		Giấy chứng nhận số 05/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 25/01/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
87			2.1.02		Giấy chứng nhận số 05a/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 23/7/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN
88			1.2.02		Giấy chứng nhận số 16a,b,c,d/2016/GCNĐKBS-TCGDNN của Tổng cục trưởng tổng cục GDNN
89			2.1.03		Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp, sơ cấp năm học 2018 - 2019; 2019-2020; 2020-2021
90			2.1.04		Quyết định số 12/QĐ-TCĐ ngày 18/6/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo hệ chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp
91			2.1.05		http://caodangnghexaydung.edu.vn/Phong_DaoTao_Tintuc.aspx?page=khoa_thongbaohome&manoidung=906&madonvi=9
92			2.1.06		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của HSSV, giảng viên và cán bộ quản lý về nội dung đào tạo của Trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
93	2	2	2.2.01		Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2019,2020,2021,2022
94			2.2.02		Quyết định số 01/QĐ-TCĐ ngày 3/3/2021 ban hành quy định về công tác tuyển sinh năm 2019,2020,2021 Kế hoạch tuyển sinh năm 2019,2020,2021,2022
95	2	3	2.3.01		Xác định chỉ tiêu tuyển sinh 2019,2020,2021
96			2.3.02		QĐ thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký HĐ tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
97			2.3.03		Các kế hoạch tuyển sinh, tờ bướm, thông báo tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
98			2.3.04		Danh sách HSSV đăng ký học năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
99			2.3.05		Hồ sơ đăng ký học của học sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
100			2.3.06		Biên bản họp sơ tuyển, xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
101			2.3.07		Danh sách HSSV trúng tuyển các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
102			2.3.08		Quyết định trúng tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
103			2.3.09		Quyết định mở lớp (có Danh sách HS kèm theo) các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
104			2.3.10		Báo cáo tổng kết Trung tâm hướng nghiệp và dịch vụ đào tạo năm 2019,2020,2021
105			2.3.11		Kế hoạch thanh tra, Biên bản, báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-202
106				2.1.06	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của HSSV, giảng viên và cán bộ quản lý về nội dung đào tạo của Trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
107	2	4		2.1.01	Giấy chứng nhận số 05/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 25/01/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN
108				2.1.02	Giấy chứng nhận số 05a/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 23/7/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
109			2.4.01		Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2018,2019,2021
110			2.4.02		Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp năm 2019
111			2.4.03		Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
112				2.3.08	Quyết định trúng tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021;
113			2.4.05		Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/nghề, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
114				2.1.06	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của HSSV, giảng viên và cán bộ quản lý về nội dung đào tạo của Trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
115	2	5		2.1.01	Giấy chứng nhận số 05/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 25/01/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN
116				2.1.02	Giấy chứng nhận số 05a/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 23/7/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN
117				2.1.03	Danh mục các ngành nghề đào tạo năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
118				2.3.09	Quyết định mở lớp (có Danh sách HS kèm theo) các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
119				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
120			2.5.01		Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường và chương trình đào tạo năm 2017, 2019, 2020, 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
121			2.5.02		Tiến độ đào tạo các lớp, khóa học các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
122			2.5.03		Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021;
123			2.5.04		TKB các lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
124			2.5.05		Báo cáo thực hiện kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
125		6		2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
126			2.6.01		Sổ lên lớp các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
127			2.6.02		Giáo án các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
128			2.6.03		Sổ tay giáo viên các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
129			2.6.04		Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của trường năm học 2018-2019-2019,2020,2020-2021
130			2.6.05		Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của trường các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
131			2.6.06		Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
132			2.6.07		Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
133			2.6.08		Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
134	2	7		2.5.01	Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường năm 2017, 2019, 2020, 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
135			2.7.01		Biên bản thỏa thuận hợp tác với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2019,2020,2021
136			2.7.02		Bộ hồ sơ gồm Kế hoạch thực tập, giấy giới thiệu thực tập tại các doanh nghiệp các lớp năm 2019,2020,2021
137			2.7.03		Quyết định cử HSSV đi thực tập, học tại doanh nghiệp các lớp năm 2019,2020,2021
138			2.7.04		Đề cương thực tập sản xuất các nghề các lớp năm 2019,2020,2021
139			2.7.05		Quyết định cử nhà giao đi quản lý, hướng dẫn HSSV thực tập, học tại doanh nghiệp các lớp năm 2019,2020,2021
140			2.7.06		Phiếu nhận xét HSSV thực tập tại doanh nghiệp các lớp năm 2019,2020,2021
141			2.7.07		Báo cáo kết quả thực tập của HSSV khi kết thúc thực tập sản xuất năm 2019, 2020, 2021
142			2.7.08		Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động năm 2019,2020,2021
143	2	8		2.6.01	Sổ lên lớp các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
144				2.6.02	Giáo án các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
145				2.6.03	Sổ tay giáo viên các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
146			2.8.01		Giáo án điện tử các khoa, hình ảnh học liệu, đồ dùng thiết bị tự làm năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
147				2.6.06	Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
148				2.1.06	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của HSSV, giảng viên và cán bộ quản lý về nội dung đào tạo của Trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
149	2	9	2.9.04		Danh sách cấp tài khoản truy cập phần mềm của cán bộ, HSSV các năm 2019,2020,2021
150			2.9.05		Danh mục các bài giảng – video điện tử của giáo viên năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
151			2.8.01		Giáo án điện tử các khoa, hình ảnh học liệu, đồ dùng thiết bị tự làm
152				2.1.06	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của HSSV, giảng viên và cán bộ quản lý về nội dung đào tạo của Trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
153	2	10		2.6.04	Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của trường năm học 2018-2019-2019,2020,2020-2021
154				2.6.05	Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của trường các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
155				2.6.06	Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
156				2.6.07	Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
157				2.6.08	Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
158	2	11		2.6.06	Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
159			2.11.01		Các báo cáo tổng kết năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021 của Phòng Đào tạo, phòng Khảo thí & ĐBCL
160			2.11.02		Thông báo về việc thực hiện các biện pháp, đề xuất cải tiến chất lượng dạy và học năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
161			2.11.03		Báo cáo việc thực hiện các biện pháp, đề xuất cải tiến chất lượng dạy và học năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
162			2.11.04		Báo cáo tổng kết của nhà trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-20
163				2.4.06	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-202
164	2	12		2.4.02	Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp năm 2019
165			2.12.01		Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2017, 2019
166			2.12.02		Quy chế học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2021
167	2	13		2.1.01	Giấy chứng nhận số 05/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 25/01/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN
168				2.1.02	Giấy chứng nhận số 05a/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 23/7/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN
169				2.5.01	Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường và chương trình đào tạo năm 2017, 2019, 2020, 2021
170				2.1.03	Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm học 2018, - 2019; 2019-2020; 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
171				2.7.03	Hợp đồng với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2019,2020,2021
172			2.13.01		Các bảng điểm các học phần, môn học có phần đánh giá của đơn vị sử dụng lao động năm học 2018-2019,2019-2020,2020 - 2021
173			2.13.02		Danh sách các đơn vị tham gia đánh giá thực tập năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
174	2	14		2.4.02	Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp năm 2019
175				2.12.01	Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2017, 2019
176			2.14.01		Quyết định ban hành Quy trình quản lý điểm năm 2018, 2021
177			2.14.02		Biên bản xét đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
178			2.14.03		Các quyết định thành lập HĐ thi, Ban coi thi, ban chấm thi năm 2019, 2020, 2021
179			2.14.03		Kết quả và các quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
180			2.14.04		Sổ cấp phát bằng trình độ cao đẳng, trung cấp, chứng chỉ sơ cấp năm 2019, 2020,2021
181			2.14.05		Quyết định phê duyệt mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ năm 2019, 2021
182			2.14.06		Biên bản bàn giao phôi bằng in hổng năm 2019, 2020, 2021
183			2.14.07		Phiếu nhập phôi bằng, chứng chỉ năm 2019,2020,2021
184			2.14.08		Phiếu xuất phôi bằng, chứng chỉ năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
185			2.14.09		Văn bản đề nghị xin lĩnh phôi bằng, chứng chỉ để in năm 2019,2020,2021
186				2.12.02	Quy chế học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2021
187			2.14.10		Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
188				2.6.04	Kế hoạch kiểm tra giám sát các hoạt động của trường năm học 2018-2019-2019,2020,2020-2021
189				2.6.05	Biên bản kiểm tra giám sát các hoạt động của trường các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
190				2.6.06	Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
191	2	15	2.15.01		Kế hoạch về việc rà soát các quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
192			2.15.02		Văn bản điều chỉnh quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ
193				2.4.02	Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp năm 2019
194				2.12.01	Quy chế quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2017, 2019
195				2.12.02	Quy chế học sinh sinh viên năm 2018, 2019, 2021
196				2.4.06	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
197	2	16		2.5.01	Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường năm 2017, 2019, 2020, 2021
198				2.4.01	Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2018,2019,2021
199			2.16.01		Quyết định của Hiệu trưởng về việc thực hiện tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng năm 2019,2020,2021
200				2.3.03	Các kế hoạch tuyển sinh, tờ bướm, thông báo tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021
201			2.16.02		Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông năm 2019, 2020, 2021
202				2.4.06	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về các hoạt động đào tạo của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
203	2	17	2.17.01		Quyết định số 10/QĐ-TCĐ ngày 06/5/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành hệ thống biểu mẫu hồ sơ, sổ sách dành cho giáo viên, giảng viên
204			2.17.02		Quyết định ban hành quy định về quản lý dữ liệu đào tạo trường CĐ Nghề Xây dựng năm 2019
205			2.17.03		Danh mục hồ sơ lưu trữ của các đơn vị năm 2019, 2020, 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
206	3	1	3.1.01		Quyết định số 682 ngày 12/09/2017 về việc ban hành quy định tuyển dụng cán bộ, giảng viên và viên chức của trường CĐN Xây dựng; Quyết định số 843 ngày 06/12/2017 về việc ban hành quy định thi tuyển nhà giáo của trường CĐN Xây dựng; Quyết định số 26 ngày 20/04/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức của trường CĐN Xây dựng
207			3.1.02		Quyết định số 38 ngày 01/11/2018 về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức của trường CĐN Xây dựng
208			3.1.03		Quyết định số 91 ngày 20/06/2018 của Ban Cán sự Đảng bộ Xây dựng phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị trực thuộc BXDB giai đoạn 2021 – 2026; Quyết định số 222 ngày 27/10/2020 Phê duyệt, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ sở GDĐT trực thuộc BXD nhiệm kỳ từ 2016-2021; Quyết định số 148 ngày 18/03/2020 của Hiệu trưởng trường CĐN Xây dựng về phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2016-2020; Quyết định số 149 ngày 18/03/2020 của Hiệu trưởng trường CĐN Xây dựng về phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2021-2026
209			3.1.04		Quyết định số 36/QĐ-TCĐ ngày 22/10/2018 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của trường CĐN Xây dựng; Quyết định số 11/QĐ-TCĐ ngày 01/09/2020 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của trường CĐN Xây dựng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
210			3.1.05		Quyết định số 36a ngày 15/10/2018 về việc ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, viên chức trường CDN Xây dựng; Quyết định số 09c ngày 20/04/2021 về việc ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, viên chức trường CDN Xây dựng;
211	3	2	3.2.01		Các Thông báo tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021
212			3.2.02		Hồ sơ tuyển dụng theo quy chế và quy trình tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021
213			3.2.03		Các Quyết định tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021
214			3.2.04		Quyết định về việc bổ nhiệm của Bộ Xây dựng bổ nhiệm Hiệu trưởng; Các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức quản lý năm 2019, 2020, 2021
215			3.2.05		Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021
216			3.2.06		Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
217			3.2.07		Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021
218			3.2.08		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định các năm 2019, 2020, 2021 (Bảng lương hàng tháng (gồm lương cơ bản và phụ cấp)); Danh sách hỗ trợ kinh phí các ngày lễ trong năm)
219				1.6.11	Các báo cáo tổng kết năm học của trường 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
220				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
221	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
222			3.3.02		Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức
223			3.3.03		Đánh giá chất lượng (có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo) các năm 2019, 2020, 2021); Thống kê chất lượng công chức, viên chức các năm 2019,2020,2021
224				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
225	3	4		1.1.01	Quyết định số 02a ngày 02/01/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CDN Xây dựng; Quyết định số 07a ngày Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
226				1.3.06	Quyết định số 03 ngày 01/01/2019 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
227				3.3.01	Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
228				3.3.02	Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức
229				3.2.06	Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
230				1.6.14	Các Quyết định khen thưởng và Danh sách khen thưởng tập thể, cá nhân của Bộ Xây dựng và trường CDN Xây dựng các năm 2019, 2020, 2021
231				1.6.11	Các báo cáo tổng kết năm học của trường 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
232				3.2.07	Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021
233			3.4.01		QĐ số 01a ngày 01/01/2019 về việc ban hành Nội quy và quy định trong trường CDN Xây dựng
234			3.4.02		QĐ số 465b ngày 01/08/2018 về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của nhà giáo trường CDN Xây dựng
235	3	5		3.3.01	Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
236				3.4.03	QĐ số 465b ngày 01/08/2018 về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của nhà giáo trường CDN Xây dựng
237				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
238				2.5.03	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021;
239				2.3.09	Quyết định mở lớp (có Danh sách HS kèm theo) các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
240				3.2.08	Bảng thanh toán tiền lương hàng tháng
241				3.3.03	Đánh giá chất lượng (có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo) các năm 2019, 2020, 2021); Thống kê chất lượng công chức, viên chức các năm 2019, 2020, 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
242			3.5.01		Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
243			3.5.02		Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ.
244			3.5.03		Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo theo học kỳ, năm học
245			3.5.04		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo
246	3	6		2.5.01	Bộ Quyết định ban hành chương trình đào tạo của nhà trường và chương trình đào tạo năm 2017, 2019, 2020, 2021
247				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
248				2.5.02	Tiến độ đào tạo các lớp, khóa học các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
249				3.3.01	Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
250				2.6.01	Sổ lên lớp các năm 2019, 2020, 2021
251				2.6.02	Giáo án các lớp năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
252				2.6.03	Sổ tay nhà giáo các năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
253				2.6.07	Kế hoạch dự giờ, lịch dự giờ, báo cáo kết quả dự giờ năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
254	3	7		1.3.06	Quyết định số 03 ngày 01/01/2019 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021
255				3.2.05	Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021
256				3.3.03	Đánh giá chất lượng (có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo) các năm 2019, 2020, 2021); Thống kê chất lượng công chức, viên chức các năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
257			3.7.01		Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức các năm 2019,2020,2021
258				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
259	3	8		3.2.05	Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021
260				3.2.06	Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
261			3.8.01		Bảng cấp, chứng chỉ, chứng nhận, hình ảnh các lớp học tập, bồi dưỡng, tập huấn từ năm 2019 – 2021
262			3.8.02		Báo cáo kết thúc chương trình học tập cá nhân/nhóm các năm 2019, 2020, 2021
263	3	9		3.3.01	Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
264			3.9.01		Quyết định kèm theo Danh sách nhà giáo cơ hữu về việc cử nhà giáo đi tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021
265			3.9.02		Hồ sơ về việc nhà giáo đi tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp các Khoa Xây dựng, Điện - Điện tử, Cơ khí các năm 2019, 2020, 2021 (Biên bản thoả thuận với doanh nghiệp; Thông báo đăng ký thực hiện các nội dung tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nội dung tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Biên bản nghiệm thu công việc tìm hiểu công nghệ, thiết bị mới tại doanh nghiệp; Thuyết minh báo cáo kết quả tìm hiểu công nghệ, thiết

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
					bị mới tại doanh nghiệp)
266				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
267	3	10	3.10.01		Báo cáo Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019, 2020, 2021
268	3	11		3.3.01	Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
269				3.2.07	Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021
270			3.11.01		Hồ sơ của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng
271			3.11.02		Phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu
272			3.11.03		Biên bản kiểm điểm tập thể lãnh đạo, cá nhân cán bộ lãnh đạo quản lý các năm 2019, 2020, 2021
273				1.6.11	Các báo cáo tổng kết năm học của trường 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
274	3	12		3.1.01	Quyết định số 682 ngày 12/09/2017 về việc ban hành quy định tuyển dụng cán bộ, giảng viên và viên chức của trường CĐN Xây dựng; Quyết định số 843 ngày 06/12/2017 về việc ban hành quy định thi tuyển nhà giáo của trường CĐN Xây dựng; Quyết định số 26 ngày 20/04/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức của trường CĐN Xây dựng
275				3.1.04	Quyết định số 36/QĐ-TCĐ ngày 22/10/2018 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của trường CĐN Xây dựng; Quyết định số 11/QĐ-TCĐ ngày 01/09/2020 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của trường CĐN Xây dựng
276				3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
277			3.12.01		Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBQL
278				3.2.07	Hướng dẫn và Tổng hợp kết quả phân loại viên chức năm 2019, 2020, 2021
279	3	13		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
280				3.3.02	Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức
281				1.6.11	Các báo cáo tổng kết năm học của trường 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
282				1.6.13	Các biên bản họp tổng kết năm của các phòng, Khoa, Trung tâm
283			3.13.01		Biên bản nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm đối với cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021
284	3	14		3.2.05	Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021
285				3.2.06	Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
286				3.8.01	Bảng cấp, chứng chỉ, chứng nhận, hình ảnh các lớp học tập, bồi dưỡng, tập huấn từ năm 2019 – 2021
287				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
288	3	15		3.3.01	Danh sách trích ngang lãnh đạo, CBQL, viên chức và người lao động các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách trích ngang nhà giáo các năm 2019, 2020, 2021
289				3.3.02	Hồ sơ quản lý cán bộ, viên chức
290				3.2.05	Các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm 2019, 2020, 2021
291				3.2.06	Các Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
292				3.8.01	Bảng cấp, chứng chỉ, chứng nhận, hình ảnh các lớp học tập, bồi dưỡng, tập huấn từ năm 2019 – 2021
293				3.3.04	Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức các năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
294				1.6.11	Các báo cáo tổng kết năm học của trường 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
295				1.6.13	Các biên bản họp tổng kết năm của các phòng, Khoa, Trung tâm
296	4	1		2.1.03	Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm 2020,2021
297			4.1.01		Danh mục CTĐT năm 2019,2020, 2021
298				1.2.01	Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Giấy Chứng nhận Bổ sung đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp).
299				2.4.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019, 2020
300				2.4.02	Các chương trình đào tạo năm 2019, 2020 đã được phê duyệt
301				2.4.03	Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021
302				2.4.04	Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt
303				2.1.05	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra chương trình Cao đẳng, Trung cấp và sơ cấp
304	4	2	4.2.01		Quyết định ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình (năm 2018)
305			2.1.03		Danh mục ngành nghề đào tạo năm 2019,2020, 2021
306			4.2.02		Kế hoạch xây dựng/chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2019,2020, 2021
307			4.2.03		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng/chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
308			4.2.04		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2019,2020,2021
309			4.2.05		Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng/chỉnh sửa CTĐT năm 2019,2020,2021
310			4.2.06		KH tổ chức hội thảo + Biên bản lấy ý kiến của chuyên gia xây dựng CTĐT năm 2019,2020,2021
311			4.2.07		Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo + Phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng thẩm định năm 2019,2020,2021
312			4.2.08		Biên bản họp thẩm định (lần 2) chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021
313				2.4.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019, 2020
314				2.4.02	Các chương trình đào tạo năm 2019, 2020 đã được phê duyệt
315				2.4.03	Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021
316				2.4.04	Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt
317				2.1.05	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra chương trình Cao đẳng, Trung cấp và sơ cấp
318				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021
319	4	3		2.4.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019,2020
320				2.4.03	Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021
321				2.4.02	Các chương trình đào tạo năm 2019, 2020 đã được phê duyệt;

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
322				2.4.04	Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt;
323	4	4		4.2.03	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng/chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021
324				4.2.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2019,2020,2021
325				4.2.05	Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng/chỉnh sửa CTĐT năm 2019,2020,2021
326				4.2.06	KH tổ chức hội thảo + Biên bản lấy ý kiến của chuyên gia xây dựng CTĐT năm 2019,2020,2021
327				4.2.07	Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo + Phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng thẩm định năm 2019,2020,2021
328				4.2.08	Biên bản họp thẩm định (lần 2) chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021
329				2.4.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019,2020
330				2.4.02	Các chương trình đào tạo năm 2019,2020 đã được phê duyệt;
331				2.4.03	Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021
332				2.4.04	Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt;
333			4.4.01		Danh sách CBQL, NG, ĐVSDLD tham gia xây dựng CTĐT
334				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021
335	4	5		2.4.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019, 2020;
336				2.4.02	Các chương trình đào tạo năm 2019, 2020 đã được phê duyệt;

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
337				2.4.03	Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021
338				2.4.04	Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt;
339				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021
340	4	6	4.6.01		Quyết định ban hành chương trình liên thông từ TC (6 nghề Cao đẳng)
341			4.6.02		Chương trình đào tạo liên thông từ TC được phê duyệt (6 nghề Cao đẳng)
342			4.6.03		Quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ
343	4	7	4.7.01		Báo cáo rà soát CTĐT năm 2018, 2020
344				4.2.02	Kế hoạch xây dựng/chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2019,2020
345				4.2.03	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn/chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm 2019,2020
346				4.2.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2019,2020
347				4.2.05	Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng/chỉnh sửa CTĐT năm 2019,2020
348				4.2.06	KH tổ chức hội thảo + Biên bản lấy ý kiến của chuyên gia xây dựng CTĐT năm 2019,2020
349				4.2.07	Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo + Phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng thẩm định năm 2019,2020
350				4.2.08	Biên bản họp thẩm định (lần 2) chương trình đào tạo năm 2019,2020
351			4.7.02		Kế hoạch xây dựng/chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
352			4.7.03		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo năm 2021
353			4.7.04		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2021
354			4.7.05		Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT năm 2021
355			4.7.06		KH tổ chức hội thảo + Biên bản lấy ý kiến của chuyên gia xây dựng CTĐT năm 2021
356			4.7.07		Biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo + Phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng thẩm định năm 2021
357			4.7.08		Biên bản họp thẩm định (lần 2) chương trình đào tạo năm 2021
358				2.4.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019, 2020
359				2.4.03	Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021
360				2.4.02	Các chương trình đào tạo năm 2019,2020 đã được phê duyệt
361				2.4.04	Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt
362	4	8		2.4.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019, 2020
363				2.4.02	Các chương trình đào tạo năm 2019,2020 đã được phê duyệt
364				4.7.02	Kế hoạch biên soạn chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm học 2021
365				4.7.03	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo năm 2021
366				4.7.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2021
367				2.4.03	Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021 -
368				2.4.04	Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
369			4.8.01		Danh mục các tài liệu tham khảo nước ngoài
370			4.8.02		CTĐT nước ngoài đã tham khảo của các nghề;
371			4.8.03		Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật;
372			4.8.04		Báo cáo rà soát và đánh giá tình hình sử dụng chương trình đào tạo năm 2020,2021,2022
373	4	9		4.6.01	Quyết định ban hành chương trình liên thông từ TC (6 nghề Cao đẳng)
374				4.6.02	Chương trình đào tạo liên thông từ TC được phê duyệt (6 nghề Cao đẳng)
375				4.6.03	Quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ năm 2019,2021
376			4.9.01		Biên bản họp rà soát các mô-đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trung cấp lên cao đẳng;
377			4.9.02		Quyết định về việc ban hành các mô đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng các ngành)
378	4	10		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN;
379				2.4.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019, 2020;
380				2.4.02	Các chương trình đào tạo năm 2019, 2020 đã được phê duyệt;
381				2.4.03	Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021
382				2.4.04	Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt;

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
383				2.1.03	Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp).
384			4.10.01		Các quyết định ban hành GTĐT các modul, môn học
385			4.10.02		Bản in các giáo trình các modul, môn học
386			4.10.03		Danh sách thống kê GTĐT năm 2019,2020,2021
387	4	11	4.11.01		Kế hoạch biên soạn GTĐT năm 2017,2019
388			4.11.02		Các quyết định thành lập Ban biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2017, 2019
389			4.11.03		Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định GTĐT;
390			4.11.04		Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn CTĐT năm 2017,2019
391			4.11.05		KH tổ chức hội thảo + Biên bản lấy ý kiến của chuyên gia xây dựng/lựa chọn CTĐT năm 2018,2019
392			4.11.06		Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2019
393			4.11.07		Biên bản nghiệm thu GTĐT (lần 2)
394			4.11.08		Quyết định lựa chọn các môn học, modul chung;
395				4.10.01	Các quyết định ban hành GTĐT các modul, môn học;
396				4.10.02	Bản in các giáo trình các modul, môn học
397				4.10.03	Danh sách thống kê GTĐT
398	4	12		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN)
399				4.10.03	Danh sách thống kê GTĐT
400				4.10.02	Bản in các giáo trình các modul, môn học).
401				4.11.05	Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2019;

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
402				4.11.06	Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2019 (lần 2)
403				4.15.07	Các biên bản họp của Hội đồng thẩm định năm 2021;
404				4.15.08	Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2021 (lần 2)
405				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021
406	4	13		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN;Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
407				4.10.02	Bản in các giáo trình các modul, môn học
408				4.10.03	Danh sách thống kê GTĐT;
409				4.11.05	Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2019;
410				4.11.06	Các biên bản thẩm định GTĐT năm 2017,2019 (lần 2)
411				4.15.07	Các biên bản họp của Hội đồng thẩm định năm 2021;
412				4.15.08	Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2021 (lần 2)
413				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021
414	4	14		4.10.03	Danh sách thống kê GTĐT;
415			4.14.01		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến).
416			4.14.02		Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CBQL, NG, người tốt nghiệp và ĐVSĐLD về mức độ phù hợp của GTĐT năm 2019,2020, 2021
417	4	15		2.4.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp, sơ cấp năm 2019,2020

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
418				2.4.02	Các chương trình đào tạo năm 2019, 2020 đã được phê duyệt;
419			4.15.01		Danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi năm 2019,2021
420				2.4.03	Quyết định ban hành CTĐT cao đẳng, trung cấp năm 2021
421				2.4.04	Các chương trình đào tạo năm 2021 đã được phê duyệt
422				4.8.04	Báo cáo rà soát và đánh giá tình hình sử dụng chương trình đào tạo- GTĐT năm 2020,2021,2022
423			4.15.02		Kế hoạch biên soạn GTDT năm 2021
424			4.15.03		Các quyết định thành lập Ban biên soạn GTĐT năm 2021;
425			4.15.04		KH tổ chức hội thảo + phiếu lấy ý kiến chuyên gia về GTDT năm 2021
426			4.15.05		Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định GTDT năm 2021;
427			4.15.06		Biên bản làm việc của Ban biên soạn năm 2021
428			4.15.07		Các biên bản họp của Hội đồng thẩm định năm 2021;
429			4.15.08		Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2021 (lần 2)
430			4.15.09		Danh sách các giáo trình trình độ Cao đẳng, trung cấp có sự điều chỉnh).
431	5	1		1.3.01	Quyết định số 884/QĐ-LĐTBXH ngày 25/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
432				5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
433			5.1.02		Sơ đồ mặt bằng thiết kế cung cấp điện, nước của trường
434			5.1.03		Sơ đồ vị trí và mô tả hệ thống giao thông tại địa điểm của trường thể hiện giao thông thuận tiện
435			5.1.04		Sơ đồ vị trí của trường trên địa bàn tỉnh

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
436				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
437	5	2	5.2.01		Bản quy hoạch tổng thể mặt bằng trường
438			5.2.02		Quyết định số 1053/QĐ-UB ngày 08 tháng 04 năm 1997 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao hợp thức và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật
439			5.2.03		Số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng, mật độ xây dựng công trình, diện tích cây xanh
440			5.2.04		Báo cáo diện tích đất Trường, diện tích các công trình xây dựng
441					
442				1.1.05	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
443	5	3		5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
444				1.1.05	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
445	5	4		5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
446			5.4.01		Số liệu hệ thống cấp, thoát nước, phòng cháy, chữa cháy đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt
447			5.4.02		Số liệu hệ thống điện toàn trường
448			5.4.03		Số liệu hệ thống điện của các xưởng thực hành
449			5.4.04		Số liệu hệ thống cấp, thoát nước toàn trường
450			5.4.05		Số liệu hệ thống cấp, thoát nước cho các xưởng thực hành

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
451			5.4.06		Biên bản kiểm tra hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường của Phòng Tài nguyên - Môi trường Thành phố Uông Bí
452				1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của trường năm 2019,2020,2021
453				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
454					Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đánh giá đối với hệ thống xử lý nước thải, chất thải: Xin Biên bản kiểm tra hoặc Chứng nhận của đơn vị chức năng
455					Báo cáo đánh giá của Trường về hệ thống phòng cháy, chữa cháy đảm bảo yêu cầu.
456					Quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (Trường đã có Quy trình bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật)
457					Sổ nhật ký thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm.
458	5	5		5.2.02	Quyết định số 1053/QĐ-UB ngày 08 tháng 04 năm 1997 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao hợp thức và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường đào tạo công nhân Kỹ thuật
459			5.5.01		Hồ sơ xây dựng, thiết kế phòng học, giảng đường, phòng học chuyên môn hóa
460				5.2.01	Bản quy hoạch tổng thể mặt bằng trường;
461				5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
462			5.5.02		Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
463				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
464			5.5.03		Báo cáo/văn bản của trường đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo hàng năm
465					
466			5.5.04		Thống kê, số lượng, diện tích vị trí của phòng học phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng chuyên môn hóa
467	5	6	5.6.01		Danh mục thiết bị đào tạo của Trường
468			5.6.02		Quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
469			5.6.03		Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng
470			5.6.04		Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
471	5	7	5.7.01		Các qui định Tiêu chuẩn về giảng đường, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa
472			5.7.02		Qui định sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn
473				5.6.03	Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng
474				5.6.04	Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
475			5.7.03		Báo cáo kiểm kê năm 2019,2020,2021
476			5.7.04		Báo cáo sử dụng phòng học, phòng thực hành năm 2019,2020,2021,
477				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
478	5	8		5.6.01	Danh mục thiết bị đào tạo
479			5.8.01		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành
480			5.8.02		Hình ảnh các thiết bị của các xưởng thực hành
481				5.7.03	Báo cáo kiểm kê hàng năm
482			5.8.03		Số liệu thống kê học sinh năm 2018, 2019, 2020; Thời khóa biểu các năm từ 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
483				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
484			5.8.04		Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.
485	5	9	5.9.01		Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ đào tạo
486				5.9.02	Hồ sơ quản lý các thiết bị
487			5.9.03		Biên bản kiểm tra phòng cháy, chữa cháy
488			5.9.04		Biên bản kiểm tra về bảo vệ môi trường của Sở tài nguyên và môi trường năm 2019, 2020, 2021
489					
490				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
491	5	10		5.6.03	Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng
492				5.6.04	Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
493				5.6.02	Quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng
494	5	11		5.6.01	Danh mục thiết bị đào tạo của Trường
495				5.7.03	Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản năm 2019,2020,2021
496					
497	5	12	5.12.01		Định mức tiêu hao vật tư
498			5.12.02		Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư
499			5.12.03		Bảng/Phiếu đề xuất vật tư của các khoa theo từng học kỳ
500			5.12.04		Sổ ghi chép cấp phát vật tư năm 2019, 2020,2021
501			5.12.05		Báo cáo thống kê tình hình quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo năm 2019, 2020, 2021
502			5.12.06		Báo cáo công tác thực hiện định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo năm 2019, 2020, 2021
503				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
504	5	13	5.13.01		Nội quy phòng đọc, thời gian mở cửa thư viện
505			5.13.02		Nội quy thư viện
506			5.13.03		Nội quy sử dụng phòng Internet
507				1.2.01	Các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN
508			5.13.04		Danh sách giáo trình đã được nhà trường phê duyệt
509			5.13.05		Danh mục đầu sách thư viện
510			5.13.06		Danh mục các địa chỉ website tra tài liệu tham khảo
511			5.13.07		Danh mục giáo trình, tài liệu lưu hành nội bộ

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
512			5.13.08		Danh mục sách chuyên môn theo từng nghề
513	5	14		5.13.02	Nội quy thư viện
514			5.14.01		Sổ theo dõi mượn tài liệu của học sinh sinh viên
515			5.14.02		Sổ theo dõi mượn tài liệu của cán bộ, giáo viên
516			5.14.03		Hướng dẫn tra cứu mục lục truyền thống
517			5.14.04		Hướng dẫn tra cứu tài liệu OPAC
518			5.14.04		Tổng hợp số liệu điều tra của bạn đọc năm 2019, 2020, 2021
519				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
520	5	15	5.15.01		Danh mục thiết bị tại thư viện
521			5.15.02		Sơ đồ mạng máy tính thư viện
522			5.15.03		Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu
523			5.15.04		Danh mục tài liệu điện tử
524			5.15.05		Website của trường, Nội quy thư viện
525			5.15.06		Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử
526			5.15.07		Danh mục giáo trình của trường được số hóa
527			5.15.08		Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa
528				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
529	6	1		1.3.06	QĐ số 02/QĐ-TCĐ ngày 01/01/2018 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của trường CDN Xây dựng; QĐ số 03 ngày 01/01/2019 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của trường CDN Xây dựng; QĐ số 18 ngày 03/05/2021 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của trường CDN Xây dựng; QĐ số 06 ngày 01/01/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của trường CDN Xây dựng
530				1.3.12	QĐ số 778 ngày 01/11/2017 về ban hành quy chế Thi đua - Khen thưởng trường CDN Xây dựng; QĐ số 08a ngày 20/04/2021
531				6.1.01	Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận/Giấy khen của trường về đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021; Quyết định số 764 ngày 30/05/2019 của Giám đốc Sở LĐ-TB&XH tỉnh Quảng Ninh về việc tặng Giấy khen, Cờ cho các tập thể, nhóm tác giả và cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019; Quyết định số 1295 ngày 12/09/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về việc tặng bằng khen tại Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019
532				6.1.02	Danh sách luận văn thạc sỹ và luận văn thạc sỹ của nhà trường năm 2019
533				6.1.03	Danh sách đề tài NCKH của nhà trường năm 2019, 2020, 2021
534				6.1.04	Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021
535				6.1.05	Giấy đề nghị thanh toán kinh phí thực hiện các đề tài/nhiệm vụ khoa học các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
536				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
537	6	2	6.1.04		Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021
538			6.1.01		Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận/Giấy khen của trường về đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021
539			6.2.01		Biên bản họp thẩm định nghiệm thu các đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
540			6.2.02		Báo cáo sơ bộ kết quả ứng dụng đề tài NCKH vào thực tiễn (nằm trong 6.1.04)
541	6	3	6.3.01		Danh sách và bài báo khoa học năm 2022
542	6	4	6.1.03		Danh sách đề tài NCKH của nhà trường năm 2019, 2020, 2021
543			6.1.01		Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận/Giấy khen của trường về đề tài nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021
544			6.2.01		Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH có thể hiện việc ứng dụng trong thực tiễn hoạt động của trường (nằm trong hồ sơ thuyết minh khoa học)
545			6.2.02		Báo cáo sơ bộ kết quả ứng dụng đề tài NCKH vào thực tiễn
546	7	1		1.3.06	Quy chế quản lý tài chính năm 2019
547			7.1.01		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019,2021, 2022
548			7.1.02		Quy trình thủ tục thanh toán vật tư, dụng cụ thiết bị năm 2019, 2020
549			7.1.03		Quy chế quản lý sử dụng tài sản công năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
550			7.1.04		Bộ biên bản, nghị quyết hội nghị công nhân viên chức năm 2019,2020,2021
551	7	2	7.2.01		Quyết định thu học phí hệ trung cấp nghề, cao đẳng nghề, sơ cấp năm học 2017-2018,2018-2019,2019-2020
552			7.2.02		Các Quyết định thu học phí hệ liên thông từ năm 2020
553			7.2.03		Quy chế hoạt động của Trung tâm tư vấn xây dựng và bộ quyết toán doanh thu của Trung tâm về Trường năm 2019,2020,2021
554			7.2.04		Các hợp đồng liên kết đào tạo với trường Đại học, biên bản quyết toán kinh phí năm 2019,2020,2021
555			7.2.05		Danh mục các nguồn thu năm 2019,2020,2021
556			7.2.06		Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2019,2020,2021
557			7.2.07		Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019,2020,2021
558	7	3	7.3.01		Bộ Quyết định về việc Giao dự toán thu chi NSNN, phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ đào tạo của Bộ Xây dựng năm 2019,2020,2021
559				7.2.06	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2019,2020,2021
560				7.2.07	Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019,2020,2021
561	7	4		7.1.01	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019,2021, 2022
562				7.2.07	Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019,2020,2021
563				7.2.05	Danh mục các nguồn thu năm 2019,2020,2021
564			7.4.01		Sổ nguồn kinh phí, sổ kế toán các khoản thu, sổ quỹ tiền mặt năm 2019,2020,2021
565				7.2.06	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
566			7.4.02		Bộ sổ sách kế toán năm 2019,2020,2021
567	7	5	7.5.01		Kế hoạch, biên bản, báo cáo tự thanh tra, kiểm tra tài chính năm 2019, 2020,2021
568			7.5.02		Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị trong công tác tự kiểm tra tài chính năm 2019, 2020,2021
569			7.5.03		Bảng đối chiếu kinh phí kho bạc năm 2019,2020,2021
570				7.4.01	Sổ nguồn kinh phí, sổ kế toán các khoản thu, sổ quỹ tiền mặt năm 2019,2020,2021
571				7.2.07	Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019,2020,2021
572			7.5.04		Báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị viên chức năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021
573				7.1.04	Bộ biên bản, nghị quyết hội nghị công nhân viên chức năm 2019,2020,2021
574	7	6	7.6.01		Báo cáo lập dự toán thu chi ngân sách năm 2019,2020,2021 và kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm tiếp theo
575			7.6.02		Bộ hồ sơ về kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, 2020, 2021
576			7.6.03		Quyết định trích lập các quỹ năm 2019,2020,2021
577			7.6.04		Báo cáo, kế hoạch đề án định hướng chiến lược giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030
578			7.6.05		Báo cáo đánh giá hiệu quả nguồn tài chính năm 2019,2020,2021
579				7.2.07	Biên bản thanh kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
580				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
581	8	1	8.1.01		Kế hoạch số 685/KH-TCĐ ngày 30/7/2021 của Hiệu trưởng về việc tập huấn chính trị hệ cho đội ngũ nhà giáo và tổ chức tuần sinh hoạt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh năm học 2021 - 2022
582			8.1.02		Sổ tay học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019, 2019-2020, -2020-2021
583				2.4.01	QĐ số 13/QĐ-QC-CĐN ngày 02/01/2019 Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp trình độ CĐ, TC, SC QĐ số 26/QĐ - QC-CĐN ngày 10/10/2019 Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp trình độ CĐ, TC, SC (Sửa đổi)
584				2.4.02	QĐ số 13/QĐ-QC-CĐN ngày 02/01/2019 Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp trình độ CĐ, TC, SC QĐ số 26/QĐ - QC-CĐN ngày 10/10/2019 Quy chế kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp trình độ CĐ, TC, SC (Sửa đổi)
585			8.1.03		Nội quy HS-SV trường CĐN Xây dựng; ; QĐ số /QĐ-TCĐ ngày về việc ban hành "Quy chế công tác học sinh sinh viên"
586					
587			8.1.04		Hướng dẫn về chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên
588				1.1.05	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, nhà giáo, cán bộ về dịch vụ người học năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
589	8	2		8.1.04	Thông báo về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh sinh viên

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
590			8.2.01		Hồ sơ hỗ trợ chính sách nội trú khóa 53 (khóa 2020- 2022); Hồ sơ hỗ trợ chính sách nội trú khóa 54 (khóa 2021- 2023),
591			8.2.02		Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ sinh viên hằng năm; Chi tiết quyết toán cấp bù học phí cho sinh viên theo nghị định 86/2015/NĐ-CP hằng năm
592			8.2.03		Quyết định HSSV hưởng chính sách nội trú năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
593			8.2.04		Sổ theo dõi xác nhận các chế độ chính sách HSSV năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
594				1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường
595	8	3	8.3.01		QĐ số 468a/QĐ-TCĐ ngày 01/08/2019 về ban hành Quy chế công tác HSSV; QĐ số 19/QĐ-TCĐ ngày 03/08/2021 về ban hành Quy chế công tác HSSV;
596					
597			8.3.02		Quyết định khen thưởng HSSV đính kèm Danh sách học sinh, sinh viên được khen thưởng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020.2021
598			8.3.03		Đơn xin miễn giảm học phí
599			8.3.04		Quyết định Hỗ trợ HSSV
600				1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường
601				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
602	8	4		2.3.03	Thông báo tuyển sinh các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; Các tờ rơi quảng bá về tuyển sinh
603				1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường
604				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
605	8	5	8.5.01		Hồ sơ thiết kế nhà KTX

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
606			8.5.02		Báo cáo thông tin ký túc xá năm 2019, 2020, 2021
607			8.5.03		Báo cáo đánh giá ký túc xá năm 2019, 2020, 2021
608				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
609	8	6	8.6.01		Hợp đồng số 1040/HĐTN-TCDXD-TYTNK ngày 30/12/2020 về việc tổ chức công tác y tế trường học năm 2020-2021
610			8.6.02		Báo cáo thông tin địa điểm tại trường cung cấp dịch vụ y tế năm 2018, 2019, 2020
611			8.6.03		Danh mục thiết bị y tế
612			8.6.04		Báo cáo đánh giá về công tác y tế trường học năm học 2020-2021
613			8.6.05		Bản cam kết đảm bảo ATTP đối với cơ sở dịch vụ ăn uống; Các Giấy chứng nhận tham gia tập huấn cập nhật kiến thức về ATTP của CB phục vụ Bếp ăn; Hợp đồng mua bán TP; Giấy chứng nhận đăng ký hộ KD; cam kết đảm bảo KD ATTP; Giấy xác nhận kiến thức về ATTP của Hộ KD; Chứng chỉ sơ cấp Chế biến món ăn và phục vụ của người ký HĐ với trường chịu trách nhiệm chuyên môn của Bếp ăn.
614			8.6.06		Báo cáo đánh giá dịch vụ ăn uống của trường năm học 2020-2021
615				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
616	8	7	8.7.01		Thông tin khu thể thao, văn hóa
617			8.7.02		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao năm 2019, 2020, 2021
618			8.7.03		BC kết quả tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
619			8.7.04		Quy chế phối hợp bảo vệ ANTT với công an phường năm học 2021 – 2022, năm 2022
620				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác, Biên bản họp tổng kết năm của các của các phòng. khoa, bộ môn và các đơn vị thuộc trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
621				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
622					
623	8	8	8.8.01		Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
624			8.8.02		Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021
625			8.8.03		Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà Trường và doanh nghiệp liên kết đào tạo nghề năm 2019 (Hiệu lực 05 năm)
626			8.8.04		Báo cáo thực hiện công tác tư vấn việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
627				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021
628	8	9	8.9.01		Kế hoạch phối hợp tổ chức hội chợ việc làm với TT Dịch vụ việc làm năm 2019, 2020, 2021
629			8.9.02		Kế hoạch phối hợp tổ chức hội chợ việc làm với TT Dịch vụ việc làm năm 2019, 2020, 2021
630			8.9.03		Báo cáo kết quả tổ chức và phối hợp tổ chức hội chợ việc làm cho HSSV 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021
631				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020,2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
632	9	1		1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2019,2020, 2021
633			9.1.01		Danh sách đơn vị sdld được khảo sát năm 2019,2020,2021
634	9	2		3.3.01	Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của Trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
635				9.2.01	Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của Trường được khảo sát về chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
636				1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
637	9	3		1.1.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
638			9.3.01		Danh sách HSSV đang học tại trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021;
639			9.3.02		Danh sách học sinh sinh viên được thu thập ý kiến năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
640	9	4	9.4.01		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
641			9.4.02		Các Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019,2020, 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Tên minh chứng
642			9.4.03		Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2019,2020, 2021;
643			9.4.04		http://www.....edu.vn)
644			9.4.05		Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng + Biên bản họp thông qua báo cáo TĐG năm 2019,2020,2021
645	9	5	9.5.01		Kế hoạch khắc phục các tiêu chuẩn không đạt trong các tiêu chí tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2019,2020,2021
646			9.5.02		Báo cáo thực hiện khắc phục các tiêu chuẩn không đạt năm 2019,2020,2021
647	9	6		2.14.06	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018,2019,2020 kèm danh sách
648			9.6.01		Danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2018,2019,2020 (<i>sau 6 tháng</i>) được khảo sát
649			9.6.02		Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát học sinh tốt nghiệp về tình hình việc làm năm 2019,2020,2021

